Đặc san
Văn hóa Thể thao NGHỆ AN
SỐ 11 (THÁNG 11/2023)

TRONG SỐ NÀY

VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

MẠCH QUANG THẮNG — Văn hóa là nền tảng của xã hội (Nhìn từ sự lan tỏa quan điểm về văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay) 4

ĐẶNG CÔNG THÀNH — Giữ gìn bản sắc và xây dựng nền văn hóa của dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế ...9

THIÊN TRANG — Để văn hóa trở thành nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển.....13

ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

LÊ THỊ HẠNH LIÊN — Cầu đường sắt Yên Xuân.....18

PHẠM THỊ KIM LOAN — Khí chất người xứ Nghệ qua phong cách ứng xử của La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp.....21

VƯƠNG LONG — Tiến sĩ Nguyễn Nguyên Thành.....26

TRỊNH HỒNG LỰU — Nhạc sĩ Mai Cường: Những nốt giáng thăng trong trẻo 28

NHỮNG GÓC NHÌN VĂN HÓA

BÙI HÀO — Vài suy nghĩ về số hóa di sản văn hóa 31

LÊ VĂN HÀ, TRẦN THỊ HỢI — Phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống ở Thừa Thiên Huế hiện nay 35

BÙI TÙNG ẢNH — Thơ Văn Cao: Nhìn từ di sản văn hóa 39

HỒ BẤT KHUẤT — Chỉ ngăn ngừa bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái là chưa đủ, họ cần được nâng niu 43

DIỄN ĐÀN VĂN HÓA

TRẦN MẠNH CƯỜNG — Có phải Vinh là lỵ sở của Nghệ An từ năm 1804? 46

Chịu trách nhiệm nội dung:
ThS. TRẦN THỊ MỸ HẠNH
Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao

Biên tập:
QUÁCH THỊ CƯỜNG
CHU THỊ XUYẾN
HỒ MẠNH HÀ

Trình bày:
QUANG MINH

Địa chỉ:
Số 74, Đ. Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại:
0238.3844511 - 0902121415
Email:
vanhoanghean2021@gmail.com

CỬA SỔ VĂN HÓA

NGUYÊN HỒ — Bảo tồn di sản văn hóa: Chiến công vĩ đại của người Nga 50

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

MAI GIANG — Phát triển trò chơi dân gian trong trường học ở Diễn Châu 53

XỨ NGHỆ NGÀY NAY

LÂM THY - TUỆ LINH — Hệ thống di tích ở Nghệ An: Nỗ lực thích nghi với phát triển du lịch 55

HỮU VINH — Đưa Ví, Giặm về với đời sống hôm nay 58

NGÂN THƯ — Những âm thanh vang vọng núi rừng Tương Dương 61

TRANG TUỆ — Gian nan giữ nghề truyền thống 64

- **Bìa 1: Nghi môn đền Cả, xã Hoa Thành, huyện Yên Thành**. Ảnh: HỒ CÁC
- **Bìa 2:** Ảnh: PHONG HỒ - NGUYỄN ĐẠO
- **Bìa 3:** Ảnh: MẠNH HÙNG - XUÂN THUỶ
- **Bìa 4:** Ảnh: NGUYỄN ĐẠO

In 500 cuốn, khổ 19 x 27cm tại Công ty TNHH In Hòa Nhơn - Số 6/6 Lê Khôi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Giấy phép xuất bản số: 44/GP-XBĐS do Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 23/03/2023
In và nộp lưu chiểu tháng 11/2023

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản là trách nhiệm không của riêng ai!

Di sản và vai trò quan trọng của di sản đối với đời sống là điều đã được thế giới khẳng định và đề cập đến rất nhiều trong thời gian qua. Không khó để chúng ta nhận thức được rằng, di sản là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa, hồn cốt của mỗi dân tộc, của nhân loại; góp phần giáo dục, vun đắp đạo đức, tư tưởng, lối sống cho các thế hệ; đồng thời có thể thúc đẩy phát triển kinh tế và trở thành sức mạnh mềm của quốc gia nếu biết phát huy giá trị đúng cách. Để làm được điều đó cần rất nhiều nỗ lực, trách nhiệm, tâm huyết từ không chỉ những người lãnh đạo, người trực tiếp làm công tác văn hóa mà còn từ mỗi người dân, những người chung sống cùng di sản.

Nghệ An là một vùng đất có lịch sử định cư lâu đời với nhiều trầm tích văn hóa và hệ thống di sản phong phú đa dạng với hơn 2.600 di tích - danh thắng. Chính những giá trị văn hóa ấy đã góp phần tạo nên hình ảnh một Nghệ An rất riêng, không thể trộn lẫn. Các di sản không chỉ có ý nghĩa về mặt văn hóa, lịch sử mà còn có thể chuyển hóa thành những sản phẩm, dịch vụ độc đáo, mang lại nguồn lợi về kinh tế cũng như góp phần tạo dựng hình ảnh, thương hiệu cho tỉnh Nghệ An. Chính vì vậy, bảo tồn hệ thống di sản và phát huy giá trị của chúng chính là bảo tồn, gìn giữ những nét riêng của con người xứ Nghệ; là gìn giữ và xây dựng hình ảnh Nghệ An và đồng thời đưa Nghệ An phát triển bền vững.

Nhiều năm qua, tỉnh Nghệ An đã chú trọng hơn trong công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản và có những kết quả đáng ghi nhận. Nhiều di tích trên địa bàn được phát huy giá trị tốt, trở thành điểm đến yêu thích của du khách trong và ngoài nước; nhiều giá trị văn hóa phi vật thể, đặc biệt là dân ca Ví, Giặm ngày càng được lan tỏa và có sức sống mạnh mẽ trong cộng đồng. Đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản trên địa bàn ngày càng được quan tâm. Tuy nhiên, đây đó vẫn còn những bất cập, vẫn còn những di tích xuống cấp chưa được tu bổ kịp thời và câu chuyện phát huy giá trị di sản vẫn luôn là một bài toán khó tìm được được lời giải thấu đáo. Thực trạng này không chỉ của riêng Nghệ An mà là vấn đề nan giải chung của cả nước, khi dường như chúng ta vẫn chưa đánh giá và phát huy hết vai trò của di sản trong đời sống hiện đại, chưa quan tâm và đầu tư đủ cho di sản cũng như chưa lan tỏa được tình yêu, trách nhiệm đối với di sản trong mỗi công dân.

Thời gian tới, để giải quyết những bất cập hiện nay, thiết nghĩ cần đặc biệt chú trọng công tác bảo tồn, phải luôn đặt bảo tồn di sản lên hàng đầu. Chỉ khi gìn giữ được các di sản chúng ta mới có thể nghĩ đến chuyện phát huy giá trị của chúng. Đã đến lúc cần có sự quan tâm, đầu tư xứng đáng và kịp thời hơn cho các di sản, không để chúng bị lãng quên, bị xuống cấp, hư hại,... Trong quá trình phát huy giá trị các di tích, chính quyền phải có những có chính sách, đề án quy hoạch không gian và các hoạt động kinh doanh dịch vụ phù hợp, làm sao để không phá vỡ không gian di tích, không làm ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa truyền thống; có những quy định để đảm bảo các hoạt động diễn ra không làm méo mó giá trị văn hóa, lịch sử, ảnh hưởng đến hình ảnh của di sản. Quan trọng nhất là chúng ta không thể vì lợi ích kinh tế mà vội vàng trong khai thác hay tìm cách tận thu, bất chấp những ảnh hưởng tới di sản. Bên cạnh việc ban hành các chính sách, chú trọng đầu tư tu bổ, tôn tạo, chúng ta cần đẩy mạnh quảng bá di sản theo hướng sáng tạo, hiệu quả hơn và tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò của di sản, về trách nhiệm bảo vệ di sản.

Để di sản thực sự sống cùng thời gian, thiết nghĩ cần phát huy sức dân, làm sống lại giá trị của nó trong cộng đồng. Nói cách khác, đó là câu chuyện chung sống cùng di sản, là để người dân trở thành chủ sở hữu thực sự, được hưởng lợi từ di sản. Phải làm sao để người ta thấy được đó không phải là một di tích "chết" mà là nơi có thể chứng kiến nhịp sống thường ngày của người dân, thấy được sự tiếp nối dòng chảy văn hóa từ xưa đến hiện tại. Khi di sản gắn với cuộc sống, sự sinh tồn của người dân thì họ sẽ có ý thức giữ gìn.

Bảo tồn các di sản đã khó, phát huy nó để trở thành sức mạnh của tỉnh nhà càng khó hơn gấp bội. Muốn làm được điều đó, chúng ta không chỉ cần nguồn lực đủ mạnh, chính sách hợp lý, tài năng và hiểu biết của những người làm nghề mà trên hết còn cần tình yêu. Chỉ khi thực sự yêu các di sản, tự hào với những giá trị văn hóa của mình thì chúng ta mới đau đáu tìm hướng đi cho nó, mới thực sự có trách nhiệm với những việc mình làm. Chúng ta phải làm sao để lan tỏa tình yêu, niềm tự hào ấy trong trái tim mỗi người con xứ Nghệ. Chúng ta phải để mỗi người dân hiểu rằng: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản là trách nhiệm không của riêng ai!

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN

Vui hội cồng chiêng, khắc luống, nhảy sạp tại Lễ hội đền Chín gian, huyện Quế Phong, Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

VĂN HÓA là nền tảng của xã hội

(Nhìn từ sự lan tỏa quan điểm về văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay)

MẠCH QUANG THẮNG

Một quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa

Gác sang một bên chuyện có khoảng 200 định nghĩa khác nhau về *Văn hóa là gì?* (khác nhau bởi vì bản thân văn hóa là những giá trị lung linh đầy sắc màu cho nên người ta tiếp cận bằng nhiều góc độ khác nhau), tôi thấy ghi chép của Hồ Chí Minh ở trang cuối tập *Ngục trung nhật ký* (1943)[1]:

"Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng

ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc.

1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của Nhân dân trong xã hội.

4. Xây dựng chính trị: dân quyền.

5. Xây dựng kinh tế".

Trong di sản để lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm về văn hóa ở hai phạm vi: rộng và hẹp. Rộng là bao quát tất thảy những gì do con người và vì con người, như đoạn tôi trích dẫn trên đây. Hẹp là vì văn hóa chỉ thể hiện ở đời sống tinh thần của con người cũng như ở văn học nghệ thuật (văn nghệ). Vì nó rộng, rộng đến mức bao hàm cả năm

Lễ hội đường phố "Quê hương mùa sen nở" tại phố đi bộ TP. Vinh, Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

điểm lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trên đây, cho nên văn hóa "phải soi đường cho quốc dân đi" như chính bản thân Người nêu lên từ năm 1946, lúc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới 1 tuổi. Từ quan điểm đó, tôi nhấn mạnh rằng, nếu là hẹp thì văn hóa chỉ là nền tảng *tinh thần* của xã hội; còn nếu rộng thì nó không chỉ là nền tảng tinh thần mà còn là nền tảng *của toàn xã hội*.

Ở Hồ Chí Minh, tôi thấy "nổi" nhất là vị thế của một Nhà văn hóa. Vị thế này lại được một tổ chức quốc tế ghi nhận một cách trang trọng. UNESCO, tại Khóa họp Đại Hội đồng lần thứ 24 năm 1987 ở Paris (Pháp), ra Nghị quyết số 24C.16.5, tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp tiến tới Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người vào năm 1990, trong đó viết rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là "Nhà văn hóa kiệt xuất" ("...éminent homme de culture" - tiếng Pháp; "...great man of culture" - tiếng Anh)[2]. Chính cái chất "kiệt xuất" đó mới là cấp độ đặc trưng của danh nhân Hồ Chí Minh với vị thế "Nhà văn hóa" theo nghĩa thâu hết, bao trùm hết tất cả mọi mặt hoạt động của Người, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Văn hóa Hồ Chí Minh có trong chiến lược, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Văn hóa Hồ Chí Minh có trong chính trị, kinh tế, xã hội. Văn hóa Hồ Chí Minh có trong tiếng gầm đại bác của bộ đội ta nã vào trận địa quân xâm lược ở Điện Biên Phủ. Văn hóa Hồ Chí Minh có trong điệu hò của các chị, các anh dân công lội suối băng rừng rầm rập tiếp tế cho chiến trường. Văn hóa Hồ Chí Minh có trong trận tiến công Xuân năm 1975. Văn hóa Hồ Chí Minh có trong tiếng i tờ đánh vần của những em bé cắp sách đến trường. Văn hóa Hồ Chí Minh có trong cuộc chiến đấu khổng lồ chống lại nghèo nàn và lạc hậu, v.v... Văn hóa Hồ Chí Minh mang những giá trị vật chất và tinh thần của lịch sử dân tộc Việt Nam hàng ngàn năm vào thiên niên kỷ mới. Văn hóa Hồ Chí Minh mang âm hưởng hào hùng của cả nhân loại cần lao tiến bước vào sự nghiệp giải phóng con người để vươn tới cái tất yếu của tự do.

Phổ văn hóa Hồ Chí Minh vào cuộc sống hiện nay

Cần cú hích nhận thức cho sự phát triển. Trong Nghị quyết về Thập niên thế giới phát triển văn hóa 1987-1997, UNESCO viết rằng: "Các trọng tâm, động cơ và mục đích của phát triển phải được tìm trong văn hóa". Cũng trong buổi lễ phát động về Thập niên thế giới phát triển văn hóa ấy, Tổng thư ký UNESCO lúc đó là F.Mayor cho rằng: "Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách khỏi môi trường văn hóa, thì nhất định sẽ xảy ra mất cân đối nghiêm trọng, cả về kinh tế lẫn văn hóa và tiềm năng sáng tạo của nước ấy sẽ vị suy giảm rất nhiều". Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11-2021, Tổng Bí thư Đảng ta nói: "Văn hóa còn thì dân tộc còn. Văn hóa mất thì dân tộc mất".

Văn hóa Hồ Chí Minh cần được lan tỏa, thẩm thấu, cần được phổ vào mọi ngóc ngách của cuộc sống, nghĩa là cần đem phổ vào sự phát triển. Dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển được là nhờ có sức mạnh của văn hóa. GS Trần Văn Giàu viết rằng: "Trong truyện Tây du, có ông Tề Thiên Đại Thánh náo thiên cung, bị phạt đè dưới Ngũ Hành sơn 500 năm, không chết nhờ linh đơn của Thái Thượng Lão Quân, song lại phải nhờ Bồ Tát Quán Âm mới được giải thoát, còn Văn Lang bị đè dưới núi 2 lần lâu hơn, quá ngàn năm, vẫn sống nhờ linh đơn văn hóa của chính mình"[3]. Loài người đang và sẽ phấn đấu cho một tương lai tươi sáng, trong đó có việc phát huy những giá trị tốt đẹp và đấu tranh chống lại những gì là thoái bộ. Sự nghiệp đó chính là sự nghiệp của văn hóa. Nhà văn hóa Hồ Chí Minh góp phần soi rọi ánh sáng văn hóa cho nhân loại đi tới. Vậy là, có thể nêu một cụm từ làm thành một thuật ngữ "Văn hóa Hồ Chí Minh", giống như người ta nêu "Tư tưởng Hồ Chí Minh", "Đạo đức Hồ Chí Minh", "Phong cách Hồ Chí Minh", v.v...

Văn hóa Hồ Chí Minh trong hành động. Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (tháng 7-1998) đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Trong nhiều văn kiện khác, Đảng cũng nhấn mạnh rằng, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa phải nhằm xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Đặc biệt là *Cương lĩnh* của Đảng khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển". Từ nhận thức đến hành động vẫn còn khoảng cách, khoảng cách xa là đằng khác. Độ trễ của hành động căn cơ cũng là từ cái đầu, tức là từ tư duy, từ bản lĩnh chính trị. Vẫn còn đó những hạn chế, hạn chế về đầu tư, hạn chế về quy hoạch, về chương trình hành động, về kế hoạch thực hiện ở cấp này, cấp nọ, ở ngành này, ngành nọ, thành thử những thành quả về văn hóa nước nhà chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế. Thực ra xét về sự phát triển bền vững mà nói, thì những hạn chế về văn hóa chính là chỉ số trừ đi của phát triển bền vững.

Vậy, trong giai đoạn hiện nay, cần lan tỏa và cần phổ văn hóa Hồ Chí Minh những gì?

Trước hết là trên lĩnh vực giáo dục. Giáo dục là một khía cạnh chủ yếu nhất về xây dựng con người cũng như nguồn nhân lực của sự phát triển trong các giai đoạn cách mạng, đặc biệt là giai đoạn cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) và giáo dục cũng chính là một trong những nội dung cốt lõi của văn hóa. Nói đến giáo dục là nói đến 4 điểm: giáo dục tại gia đình; giáo dục trong hệ thống nhà trường, giáo dục trong môi trường toàn xã hội và tự giáo dục. Có Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4-11-2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chưa đủ. Cần hành động quyết liệt, tránh cho được 4 căn bệnh: 1. Nói hay làm dở; 2. Nói nhiều làm ít; 3. Nói mà không làm; 4. Nói một đằng làm một nẻo. Cái xa nhất ở nước ta về đường bờ biển không phải là từ Móng Cái đến Hà Tiên; không phải là từ Lũng Cú đến mũi Cà Mau (tính theo vĩ độ), mà xa nhất có khi lại từ cái miệng đến tay chân!

Ngay từ khi ra đời, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Đảng ghi những điểm phác thảo cho xã hội Việt Nam tương lai khi cách mạng thành công: "Phổ thông giáo dục theo công nông hóa"[4], hiểu theo nghĩa là mọi người đều được đi học, trẻ em đến tuổi đi học phải được đi học. Đầu năm 1946, trả lời các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[5]. Ham muốn tột bậc đó cũng là quan điểm không để ai ở lại phía sau. Do đó, trên tinh thần này, cần thiết là trong phạm vi cả nước phải miễn học phí và miễn mọi đóng góp tiền - của từ học sinh đối với các bậc học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông (công lập). Nhiều địa phương đã làm được, bây giờ phải tiến tới cả nước cần phải như vậy. Đó mới thể hiện rõ ràng tính nhất quán của toàn Đảng thực hiện Cương lĩnh, thể hiện tính ưu việt của chế độ. Cơ chế thị trường ở đâu thì được, chớ nên áp dụng ở lĩnh vực này.

Trong việc học tập, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc cán bộ, đảng viên học tập nâng cao trình độ về mọi mặt. Thời hiện nay là thời đất nước theo kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, thời của chuyển đổi số, thì cán bộ, đảng viên, kể cả ở vùng sâu vùng xa, cũng phải luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt. Sự học không bao giờ dừng, đó là thông điệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thông điệp cho giai đoạn cách mạng mới được Thủ tướng Chính phủ phát biểu tại buổi gặp mặt đại diện nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tiêu biểu nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 diễn ra vào sáng 14-11-2021: Phải lấy học sinh làm trung tâm, chú trọng phát triển nhân cách, đạo đức, tính sáng tạo của học sinh; phải lấy nhà trường làm nền tảng, lấy thầy cô giáo làm động lực; phải *học thật, thi thật, nhân tài thật*, nhất thiết phải trở thành hành động cụ thể và coi đó là việc làm thật sự nghiêm túc trong xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần quan điểm của Nhà văn hóa Hồ Chí Minh. Đối với sự thách thức xây dựng nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao, cần xác tín niềm khát vọng bằng hành động có kết quả tốt vì một đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu.

Xây dựng thiết chế văn hóa phù hợp. Kinh tế có trong văn hóa. Đâu đó đã và sẽ xuất hiện tình trạng "kinh tế phiệt" (hoặc duy kinh tế), là đi đâu cũng hô hào tăng tưởng kinh tế (GDP) mà không biết rằng, GDP tăng đó là do đâu, huống hồ ngày nay đòi hỏi phải tăng trưởng GDP xanh. Trên thế giới, có bài học nhãn tiền rằng, người giàu, cộng đồng giàu, nước giàu về tiền của mà không có gốc văn hóa thì đó chỉ là trọc phú; là no đủ về cơm áo gạo tiền nhưng bế tắc về cuộc sống tinh thần. Nói đến thiết chế văn hóa là nói đến gây dựng cơ sở vật chất thiết yếu cho nó. Khó khăn thì vẫn luôn có, luôn là yếu tố đồng hành với con người, nhưng khó khăn đến mức là không chịu chi ra một số tiền mua sắm sách cho các thư viện, trong khi chi cho tiếp khách hàng triệu, chục triệu đồng. Văn hóa đọc cần được phát triển hơn nữa. Đọc sách là thiền, là tạo sống chậm theo hướng tích cực, chứ không sống ào ào, xốc nổi, chạy đua thực dụng theo nghĩa xấu mà không ít người Việt Nam hiện nay đã bị nhiễm.

Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Những nội dung về các yếu tố tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước ta, nhất là trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa VIII, năm 1988, đã nêu rõ. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường không nêu khái niệm "bản sắc dân tộc" mà Người hay nêu "cốt cách dân tộc". Tôi cho rằng, dù nêu như thế nào thì xã hội Việt Nam càng phát triển càng phải giữ trong mình cái minh chứng/căn cước dân tộc (cả nation-quốc gia và ethnic-dân tộc-tộc người). Cốt cách dân tộc phải là những giá trị không bao giờ mất đi dù trải qua bao dâu bể.

Trong tình hình hiện nay, khi giao lưu văn hóa được mở rộng hết cỡ, con người sống trong một thế giới phẳng, giao lưu quốc tế như sóng dềnh biển cả va đập vào các cộng đồng, vào các thế hệ con người thì vấn đề giữ gìn và phát huy cốt cách dân tộc càng cần phải được chú ý đặc biệt, trong đó phải chú ý tạo lập và chăm lo đến môi trường văn hóa. Môi trường văn hóa hiện nay còn không? Chắc chắn còn. Nhìn vào các lễ hội văn hóa của cộng đồng, liệu có sự lo

lắng không, khi nhiều lễ hội được "diễn lại", bị sân khấu hóa phục vụ cho sự kiện này, sự kiện nọ. Sân khấu hóa là cần, nhưng phải tùy lúc, tùy nơi. Bao giờ lễ hội là của người dân, của cộng đồng diễn ra một cách tự nhiên, không bị pha tạp hỗn loạn của sự kiếm tiền, của sự phô trương, của sự hành chính hóa, v.v... thì chừng đó mới có không gian văn hóa thực sự. Lễ hội văn hóa của cộng đồng nào đã trót lấy của họ thì phải trả về cho cộng đồng đó. Phấn đấu theo hướng này trong thời buổi kim tiền xô bồ hiện nay thật không đơn giản, trong khi UNESCO đang khuyến khích tạo ra không gian văn hóa thật sự của cộng đồng dân cư.

Nói đến môi trường văn hóa, còn nên chú ý tới các yếu tố/khía cạnh khác nữa của môi trường đạo đức. Có thể thấy những biểu hiện bị ô nhiễm của môi trường văn hóa đạo đức hiện nay trong xã hội nước ta, ở 3 điểm: 1. Tệ nghiện hút và buôn bán ma tuý vẫn diễn ra và có chiều hướng phát triển; 2. Vấn đề trật tự, an toàn xã hội cũng ở vào tình trạng "có vấn đề"; có sự gia tăng bạo lực cả ở ba không gian: Gia đình - Nhà trường - Xã hội. Bạo lực đi liền với tình trạng tội phạm, làm cho nhiều giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của của dân tộc bị băng hoại. 3. Có một số biểu hiện suy thoái của văn hóa chính trị, rõ nhất là trong những người của hệ thống chính trị. Hãy bắt đầu từ số 1! Số 1 ở đây là những cán bộ chủ chốt. Sẽ là thất bại, nếu từ đội ngũ này, chứ không phải từ đảng viên thường, có những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Phải có cơ chế mạnh, kịp thời để tổ chức Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên. Sự nghiệp xây dựng văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc bắt đầu trong cộng đồng có lẽ là từ việc nêu gương sáng để người khác học tập. Chỉ số đo cho sự trong sạch, vững mạnh của cả hệ thống chính trị, chỉ số đo sự phát triển cần nhìn vào văn hóa nữa, nơi mà ở đó mỗi một tổ chức hệ thống chính trị, mỗi một con người, mỗi một cộng đồng, mỗi một dân tộc đều có cơ hội, điều kiện để tự do phát triển vươn tới chân, thiện, mỹ chứ không chỉ là nhìn vào chỉ số tăng trưởng kinh tế.

Kinh phí đầu tư không phải là cái quyết định tất cả trong việc xây dựng văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng thiếu kinh phí hoặc đầu tư kinh phí quá ít, đầu tư không hợp lý, kiểu như "đầu thừa đuôi thẹo" mới dành cho đầu tư văn hóa thì không đủ tạo ra cú hích để phát triển. Đồng thời, nếu không chú trọng hiệu quả, cứ vung tay quá trán, lãng phí thì không bao giờ mong văn hóa phát triển. Xu hướng thương mại hóa, hiểu một cách cực đoan phục vụ kinh tế du lịch bất cứ giá nào, là xu hướng sai lầm rất tai hại không chỉ đối với trước mắt mà còn là về lâu dài, cần được khắc phục.

Mong lắm thay một nền văn hóa hướng thiện, văn hóa cả sự bài trừ cái ác!

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.
2. Trong mặc định khi Nghị quyết 24C.16.5 nêu: "Đại Hội đồng nhận thấy việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh các nhân vật trí thức lỗi lạc và các danh nhân văn hóa trên phạm vi quốc tế góp phần thực hiện các mục tiêu của UNESCO và đóng góp vào sự hiểu biết trên thế giới". Phiên họp này đã "Nhắc lại Nghị quyết số 18C/4.351 thông qua tại Khóa 18 Đại Hội đồng UNESCO về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của các danh nhân và việc kỷ niệm các sự kiện lịch sử quan trọng đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại".

   (Theo Mạch Quang Thắng, Bùi Đình Phong, Chu Đức Tính (đồng chủ biên): *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.82 và 93).
3. Trần Văn Giàu: *Những yếu tố nào trong văn hoá Văn Lang Việt Nam đã cứu nước này khỏi bị đồng hóa sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc?* Tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 1-1996.
4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

Giữ gìn bản sắc và xây dựng nền văn hóa của dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế

ĐẶNG CÔNG THÀNH

Vũ điệu Ơ Đu trong Ngày hội Văn hóa các dân tộc có số dân dưới 1.000 người tại tỉnh Lai Châu

LỊCH SỬ HÀNG NGHÌN NĂM DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC TA ĐÃ BỒI ĐẮP VÀ TÔI LUYỆN NÊN BẢN LĨNH VÀ CỐT CÁCH CỦA CON NGƯỜI VIỆT NAM, KẾT TINH CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, TẠO THÀNH SỨC MẠNH NỘI SINH GIÚP TOÀN DÂN TA VƯỢT QUA VÔ VÀN KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH KHẮC NGHIỆT ĐỂ ĐI ĐẾN NHỮNG THẮNG LỢI VẺ VANG. HIỆN NAY, TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ, PHÁT HUY TỐT CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC, TẠO ĐỘNG LỰC THỰC HIỆN KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC.

Quan điểm phát triển văn hóa dân tộc của Đảng ta

Năm 1943, bản Đề cương về văn hóa Việt Nam ra đời đã trở thành cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta về văn hóa. Bản đề cương ra đời trong bối cảnh đất nước chưa được giải phóng, thực dân Pháp thực hiện chính sách đầu hàng phát xít Nhật để duy trì ách thống trị của mình. Phát xít Nhật âm mưu biến Việt Nam thành bán thuộc địa của chúng, do đó Nhật đẩy mạnh

chính sách xâm lấn Việt Nam về mọi phương diện quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa. Chúng vừa phục hồi những quan điểm đạo đức cổ hủ và giả dối của giai cấp địa chủ phong kiến, vừa tuyên truyền lối sống dâm ô, đồi trụy của giai cấp tư sản. Chúng khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, hủ tục, du nhập các trào lưu văn hóa phản động... Văn hóa Việt Nam lúc này đứng trước sự bế tắc, mất phương hướng. Vì vậy Ban thường vụ Trung ương Đảng đã họp bàn về công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Sau đó, Tổng Bí thư Trường Chinh đã soạn thảo Đề cương về văn hóa Việt Nam. Bản Đề cương đã trình bày những nội dung cơ bản của văn hóa trên các mặt tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đề cương khẳng định văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Văn hóa là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, luôn gắn liền với cơ sở hạ tầng và phục vụ đắc lực cho cơ sở đó. Đề cương cũng đã nêu quan điểm cơ bản về cách mạng văn hóa chỉ ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa. Ba nguyên tắc vận động của cuộc vận động văn hóa ở nước ta là: *dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa*. Dân tộc hóa là chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập. Đại chúng hóa là chống lại mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng. Khoa học hóa là chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ.

Như vậy có thể thấy, Đảng ta đã xác định xây dựng một nền văn hóa phục vụ cho đại chúng, hướng đến đại chúng. Nền văn hóa ấy phải mang bản sắc riêng của dân tộc và phải tiến bộ, khoa học. Đề cương văn hóa ra đời đã kịp thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cách mạng, cổ vũ nhân dân ta, nhất là trí thức, văn nghệ sĩ hăng hái tham gia cách mạng, phát huy vai trò của văn hóa, khơi dậy khát vọng của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc dưới góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Theo đó, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ phải nắm vững lịch sử để hiểu truyền thống dân tộc; cán bộ văn hóa phải hiểu được quần chúng nhân dân, vì Nhân dân chính là chất liệu cho những sáng tạo của họ. Đặc biệt, Người cho rằng văn hóa truyền thống vừa có những điểm tích cực vừa có tiêu cực. Xây dựng nền văn hóa mới mang tính dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là nền văn hóa đóng kín, thu mình trong phạm vi dân tộc mà văn hóa phải đặt trong mối quan hệ, giao lưu với văn hóa các nước khác trên thế giới, "phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới"[1]. Xây dựng nền văn hóa dân tộc phải trên cơ sở học tập, tiếp thu một cách sáng tạo, chứ không phải bắt chước nước khác, phải chiếm lĩnh tầm cao của tinh hoa nhân loại và vươn tới cao hơn, bằng chính thành tựu của mình, cốt cách dân tộc mình và đóng góp vào sự phong phú của kho tàng văn hóa nhân loại.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng một nền văn hóa mang tính khoa học và phải xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa, trong xã hội đó mọi người sống yêu thương nhau, ứng xử có văn hóa, mọi người được sống cuộc sống ấm no. Để xây dựng nền văn hóa mang tính khoa học, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thì phải xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền văn hóa mới mang tính khoa học phải là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, là sự kế tục những giá trị nội sinh của nền

văn hóa truyền thống, đồng thời có xác lập giá trị mới: Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm.

Đề cao ý thức dân tộc trong giữ gìn và xây dựng nền văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế là xu hướng tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Đại hội X, Đảng ta đã xác định Việt Nam cần phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế không chỉ riêng trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, kể cả chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh... Trong đó, hội nhập văn hóa là hệ quả tất yếu đang diễn ra. Việc hội nhập văn hóa quốc tế một mặt mang lại những cơ hội cho chúng ta tiếp cận những giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại, nhưng mặt khác cũng làm cho văn hóa dân tộc gặp nhiều thách thức trong vấn đề giữ gìn bản sắc. Đảng ta đã xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vì vậy việc phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế cần được quan tâm sâu sắc. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là "giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" và chúng ta "hội nhập nhưng không hòa tan". Vấn đề đặt ra là phải làm thế nào để vừa phát triển, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và sự bùng nổ của công nghệ thông tin như hiện nay.

Văn hóa là sản phẩm do con người sáng tạo ra trong quá trình tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Bản sắc văn hóa chính là những nét văn hóa riêng biệt mà dựa vào đó chúng ta phân biệt được sự khác nhau giữa các dân tộc. Hội nhập văn hóa quốc tế giúp các nền văn hóa xích lại gần nhau để làm cho các nền văn hóa đó trở lên phong phú hơn. Nhiều thành tựu văn hóa được cộng đồng này sáng tạo ra có thể phổ biến rộng ra toàn thế giới. Tuy nhiên, mặt trái của nó là hiện tượng xóa nhòa bản sắc văn hóa riêng của mỗi quốc gia. Việc hội nhập quốc tế là tất yếu sẽ diễn ra ở nhiều quốc gia không riêng gì Việt Nam. Nền văn hóa của chúng ta không thể "bế quan tỏa cảng" nếu không muốn bị lạc hậu so với thời đại. Song, hội nhập như thế nào để không bị hòa tan là một điều thật khó, bởi ranh giới giữa "nhập" với "tan" thật mong manh. Khi giao lưu văn hóa quốc tế, chúng ta phải đối mặt với nhiều cạm bẫy bởi không phải yếu tố văn hóa ngoại lai nào cũng lành mạnh. Vì vậy, để không bị các làn sóng ngoại lai hủy hoại thì cần phải tăng cường sức mạnh và bản lĩnh cho nền văn hóa dân tộc.

Văn hóa là sản phẩm do con người sáng tạo ra, nên muốn bản sắc văn hóa không bị mai một, cần phải giáo dục ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân về việc giữ gìn bản sắc văn hóa của cộng đồng mình. Một khi ý thức giữ gìn của cộng đồng đó được đề cao thì không một yếu tố nào có thể thủ tiêu được bản sắc của nền văn hóa đó. Nói một cách rộng hơn, đó là việc chúng ta cần tăng cường nhận thức của người dân về ý thức cộng đồng người Việt. Điều này đã được chứng minh trong lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. Trong suốt hơn 1.000 năm các triều đại phong kiến phương Bắc thay nhau cai trị nước ta, chúng luôn thực hiện chính sách đồng hóa văn hóa nhằm đồng hóa dân tộc. Trên mảnh đất nước ta bấy giờ cùng một lúc diễn ra hai quá trình vận động, đó là quá trình Hán hóa và chống Hán hóa. Với ý thức về cộng đồng người Việt và chủ quyền đất nước luôn được đề cao mà quá trình chống Hán hóa đã thành công. Hiện nay, nền văn hóa Việt Nam đang có cuộc tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên mọi phương diện với mức độ mạnh mẽ. Quá trình tiếp xúc lần này diễn ra một cách hòa bình và liên tục. Sự tiếp xúc giữa nền văn hóa nước ta với các nền văn hóa khác đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ trên mọi lĩnh vực qua nhiều kênh khác nhau như: truyền hình, internet, giao lưu trực tiếp... Tuy nhiên, lần hội nhập văn hóa này là chúng ta tiếp xúc với những sản phẩm văn hóa của xã hội tư bản, trong khi đó chủ nghĩa dân tộc mà

Việt Nam xem là ưu việt là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, hội nhập quốc tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, hệ quả của quá trình tiếp xúc này vừa tích cực, vừa tiêu cực. Nếu chúng ta biết lựa chọn những yếu tố văn hóa tốt đẹp thì sẽ làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc. Và ngược lại, nếu hấp thu không chọn lọc sẽ khiến cho môi trường văn hóa của mình ngày càng bị vẩn đục bởi những yếu tố văn hóa tiêu cực, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt. Chúng ta đã nói nhiều đến việc tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hóa ngoại lai hay chủ động hội nhập để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc... nhưng cái quan trọng nhất ở đây đó là việc giáo dục, tuyên truyền đầy đủ để người dân có tình yêu, thái độ tôn trọng và ý thức giữ gìn văn hóa của quốc gia mình trước khi tiếp nhận nền văn hóa của một quốc gia khác.

Có thể nói, đây chính là liều vắc xin phòng ngừa để bản sắc văn hóa Việt không bị mai một trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Thế nhưng, hiện nay việc tuyên truyền và giáo dục ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của chúng ta chưa thực sự mạnh mẽ. Hệ thống giáo dục trong nhà trường, gia đình và xã hội thường chú trọng vào việc truyền bá kiến thức chuyên môn để học sinh có thể vượt qua được các kỳ thi bắt buộc. Các hoạt động gắn liền với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chưa được quan tâm đúng mức. Thậm chí, có những cán bộ của ngành giáo dục nước nhà đã có ý định đưa môn học này vào danh sách các môn học tự chọn, cắt giảm thời lượng môn học với quan điểm "không học sử đâu có nghĩa là không yêu nước". Nếu như lòng tự tôn và tự hào dân tộc bị xem nhẹ ngay trong giáo dục thì đó là một sự thất bại trong việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm bản sắc dân tộc. Do vậy, cần phải có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thụ những kiến thức chuyên môn với giáo dục ý thức về quốc gia dân tộc. Có thể xây dựng các chương trình hoạt động ngoại khóa giúp học sinh, sinh viên nhận thức được những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Hoạt động giáo dục ý thức dân tộc không chỉ thực hiện ở các trường học mà phải thực hiện mọi lúc, mọi nơi.

Hoạt động truyền bá thông tin của các phương tiện truyền thông về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc còn yếu. Đặc biệt là các trang báo mạng thông tin ở các mục văn hóa thường đăng tải các tin về đời tư, những phát ngôn gây sốc của những người nổi tiếng để kích thích sự tò mò, hấp dẫn người đọc. Việc đăng tải quá nhiều những thông tin này vô hình chung đã làm lu mờ các giá trị văn hóa đích thực. Các chương trình giải trí trên truyền hình thì ngày càng bị lấn át bởi các bộ phim nước ngoài, ca nhạc nước ngoài, trò chơi theo bản quyền nước ngoài... Có thể thấy rằng, các làn sóng văn hóa ngoại du nhập vào Việt Nam chủ yếu diễn ra mạnh mẽ là nhờ sự góp sức của truyền thông. Như chúng ta đã biết, truyền thông chính là một công cụ hữu hiệu để tuyên truyền giáo dục ý thức của thế hệ trẻ trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Để tăng cường các thông tin, các cuộc thi, các chương trình tuyên truyền về những giá trị văn hóa của dân tộc, truyền thông cần phải là đầu tàu trong nhiệm vụ giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ngoài ra, truyền thông cũng cần phải làm nhiệm vụ sàng lọc các thông tin sao cho phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, thuần phong mỹ tục của người Việt và giảm thiểu những tác động tiêu cực đến nhận thức của thế hệ trẻ.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập văn hóa thế giới là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia. Việc tăng cường các hoạt động giáo dục, tuyên truyền về ý thức và trách nhiệm dân tộc sẽ là vắcxin tăng đề kháng tốt nhất cho văn hóa Việt Nam hội nhập với văn hóa thế giới với phương châm phát triển văn hóa dân tộc, nhưng không hòa tan.

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, tr. 40.

Trình diễn dân ca, dân vũ của người Thái trong Lễ hội đường phố tại TP. Vinh, Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

ĐỂ VĂN HÓA trở thành nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển

THIÊN TRANG

Văn hóa là một nguồn lực quan trọng của quá trình phát triển kinh tế xã hội. Đó là quan điểm của Đảng và Nhà nước trong nhiều năm qua. Trong Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị Về xây dựng và phát triển Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng khẳng định "Thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy, khơi dậy khát vọng phát triển toàn diện, nhanh, mạnh hơn; phát huy truyền thống văn hóa mang đậm bản sắc xứ Nghệ trở thành động lực, nguồn lực nội sinh cho phát triển". Nhưng để phát huy được vai trò nguồn lực của văn hóa trong quá trình phát triển thì cần phải bắt đầu từ nhận thức, phải xem văn hóa là động lực, là nguồn vốn quan trọng và tạo điều kiện để văn hóa tỏa sáng hơn trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhà.

Văn hóa là nguồn vốn quý báu của tỉnh Nghệ An

Trong nhiều năm qua, việc phát triển kinh tế chủ yếu dựa vào các nguồn lực tự nhiên. Sự khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhưng không mang tính bền vững. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Phát triển dựa vào nguồn lực tự nhiên cũng làm môi trường bị ô nhiễm và thay đổi nhanh chóng. Hệ quả là thiên tai ngày càng nặng nề hơn từ lũ lụt, hạn hán đến sự đứt gãy địa chất gây nên nhiều tai nạn thương tâm. Mức độ ảnh hưởng của của thiên tai và ô nhiễm môi trường ngày càng mạnh mẽ và lan rộng hơn. Điều đó làm cho người ta phải nhìn nhận lại các nguồn lực phát triển, và xem xét lại vai trò của văn hóa. Trong bối cảnh hiện nay, phải đặt văn hóa vào

Màn múa rồng trong Lễ hội vua Mai, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

vị trí khác trong quá trình phát triển, bởi nó không chỉ là mục tiêu và động lực, mà còn là nguồn vốn quan trọng để phát triển.

Nghệ An là một trong những địa phương có được một nguồn vốn văn hóa đa dạng và phong phú, là nguồn lực quý báu trong quá trình phát triển. Xét về mọi phương diện, Nghệ An đều có những nét văn hóa đặc trưng thú vị và hấp dẫn. Trên phương diện truyền thống lịch sử, nơi đây có nhiều nhân vật lịch sử quan trọng gắn với dòng chảy lịch sử của dân tộc. Gần như thời đại nào cũng xuất hiện những con người có nhiều đóng góp cho đất nước, cho dân tộc. Và hầu hết các lĩnh vực từ chính trị, quân sự, văn học, nghệ thuật, khoa học... cũng đều xuất hiện những người có nhiều đóng góp lớn. Đây cũng là mảnh đất gắn với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc. Vậy nên Nghệ An cũng có một hệ thống các di tích lịch sử đa dạng, phong phú và có nhiều giá trị. Trên phương diện tộc người, hiện Nghệ An có 39 tộc người cùng sinh sống, trong đó, ngoài người Kinh thì có nhiều dân tộc thiểu số như Thái, Thổ, Mông, Khơ Mú, Ơ Đu... Mỗi tộc người bên cạnh những bản sắc văn hóa riêng biệt thì lại có những nhóm địa phương với những sắc thái khác nhau. Xét về không gian văn hóa thì Nghệ An cũng có đủ văn hóa vùng biển, văn hóa vùng đồng bằng, văn hóa vùng trung du, văn hóa vùng thung lũng và văn hóa vùng núi cao. Các sinh hoạt văn hóa cũng vô cùng phong phú từ lễ hội, phong tục tập quán, nghệ thuật biểu diễn đến trang phục, ẩm thực... Mỗi vùng, mỗi địa phương, mỗi cộng đồng đều có một nền văn hóa với bản sắc riêng, làm cho Nghệ An như là một rừng hoa đa màu sắc sặc sỡ và thú vị.

Sự đa dạng về văn hóa cũng tạo cho Nghệ An một mạng lưới di sản văn hóa với nhiều giá trị. Nghệ An có hàng chục lễ hội nổi tiếng như các lễ hội: đền Cuông (Diễn Châu), đền Cờn (TX. Hoàng Mai), đền Quả Sơn (Đô Lương), đền Vua Mai (Nam Đàn), đền Ông Hoàng Mười, đền Thanh Liệt (Hưng Nguyên), đền Bạch Mã (Thanh Chương), đền Đức Hoàng (Yên Thành), đền Vạn Lộc (TX Cửa Lò), làng Vạc (TX Thái Hòa)... Miền núi phía Tây có các lễ hội: Xăng Khan, Hang Bua (Quỳ Châu), đền Chín Gian (Quế Phong), đền Vạn (Tương Dương), Pu Nhạ Thầu (Kỳ Sơn)... Gần đây, tỉnh còn xây dựng một số lễ hội mới mang sắc thái hiện đại như lễ hội Làng Sen (19-5), lễ hội du lịch Cửa Lò (30/4 - 1/5), lễ hội uống nước nhớ nguồn (27-7),... Trong tỉnh có nhiều dòng họ có truyền thống như họ Nguyễn Đình (Nghi Lộc), Nguyễn Cảnh (Đô Lương), họ Hồ, họ Nguyễn (Quỳnh Lưu, Yên Thành)... Nghệ An cũng có hơn 2.600 di tích, trong đó có 480 di tích đã được xếp hạng các cấp (tính đến hết năm 2022), 7 di tích được UBND tỉnh công nhận là điểm du lịch. Đây cũng là địa phương gắn liền với tên tuổi của nhiều danh nhân lịch sử, danh

nhân văn hóa, là cái nôi của phong trào cách mạng... Nhìn chung, Nghệ An có một nguồn lực về văn hóa rất lớn để phát triển, tuy nhiên, nguồn lực đó đang trở thành một gánh nặng cho địa phương khi phải chi nhiều kinh phí để bảo tồn nhưng lại chưa biết cách để phát huy các giá trị văn hóa vào quá trình phát triển kinh tế. Và trong bối cảnh hiện nay, nếu có thể phát huy được nguồn vốn văn hóa này, làm cho văn hóa tỏa sáng thì sẽ là một động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế của tỉnh nhà.

Đưa văn hóa vào phát triển là định hướng được Đảng quán triệt

Đưa văn hóa trở thành một nguồn lực để phát triển kinh tế đã được thảo luận trong nhiều diễn đàn quan trọng của đất nước. Cách đây chưa lâu, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã trình bày một bài phát biểu với nhiều nội dung quan trọng, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của văn hóa trong quá trình phát triển đất nước. Tổng Bí thư đã khẳng định: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta". Trước đó, trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII cũng nêu rõ: "Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa; hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể; nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại". Điều này cho thấy, trong hơn 75 năm qua, từ ngày Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946 đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề văn hóa và xem văn hóa là nguồn lực quan trọng để bảo vệ đất nước và phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng để hội nhập quốc tế.

Những quan điểm của Trung ương Đảng cũng là kim chỉ nam cho các địa phương xây dựng các Nghị quyết, chính sách phát triển văn hóa phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Ở Nghệ An, vấn đề văn hóa được quan tâm trong tất cả các giai đoạn phát triển. Và từ năm 2016, Đảng bộ tỉnh Nghệ An đã ban hành "Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 14/12/2016 về xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa Nghệ An đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển". Đến nay, đã trải qua hơn 5 năm thực hiện và thu lại nhiều kết quả khả quan. Đến cuối năm 2021, trong Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh sơ kết về việc thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU 2016, Bí thư Tỉnh ủy Thái Thanh Quý cũng nhấn mạnh đến việc "xây dựng con người văn hóa Nghệ An phát triển toàn diện; xây dựng gia đình văn hóa phát triển bền vững; xây dựng môi trường văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, an sinh xã hội, đảm bảo điều kiện để xây dựng con người văn hóa và gia đình văn hóa Nghệ An;...". Đó cũng là quan điểm coi văn hóa ngang bằng với kinh tế, chính trị, xem văn hóa là nguồn lực để phát triển kinh tế. Và những quan điểm lãnh đạo của Đảng cũng tạo điều kiện nền tảng để xây dựng nhiều chính sách phát triển liên quan đến vấn đề văn hóa.

Dựa trên nền tảng tư tưởng đó và quan điểm lãnh đạo xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, Nghệ An đã đưa ra nhiều dự án, đề án, chính sách phát triển kinh tế dựa vào vốn văn hóa. Trong Chiến lược phát triển văn hóa Nghệ An đến năm 2030 nhấn mạnh phải đưa ra các giải pháp phù hợp, gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, tạo chuyển biến tích cực mạnh mẽ trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nghệ An toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tinh thần cơ bản của Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 là gắn với sự phát triển kinh tế xã hội và phát huy giá trị văn hóa vào phát triển kinh tế. Ngoài ra còn có những đề án cụ thể hơn đã và đang được địa phương xây dựng và thực hiện như Đề án phát triển kinh tế di sản Nghệ An, hay các dự án phát triển du lịch cộng đồng, phát triển kinh tế dược liệu,... Đây là những hoạt động cụ thể hóa quan

Trình diễn Lễ Xăng Khan (ảnh trái) của người Thái (di sản văn hóa phi vật thể quốc gia) và múa khèn Mông (ảnh phải) tại phố đi bộ TP. Vinh. Ảnh: Ngọc Mai

điểm của Trung ương và của địa phương về phát huy giá trị văn hóa vào phát triển kinh tế. Vừa rồi, trong Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng nhấn mạnh mục tiêu "Lấy con người làm trung tâm, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và xứ Nghệ làm nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh cho phát triển; tạo đột phá trong phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế. Phát triển hài hòa các vùng, miền, giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, giữa kinh tế và bảo vệ môi trường, nhất là hệ sinh thái rừng, biển, đảo, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội". Những điều này chứng tỏ từ Trung ương đến địa phương đã quan tâm đến văn hóa và xem đây là nguồn lực quan trọng của quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An.

Văn hóa sẽ tỏa sáng nếu phát huy một cách phù hợp

Điều này đã được chứng minh qua nhiều mô hình phát triển cộng đồng ở nhiều địa phương. Và trên thực tế, nhiều cá nhân, hộ gia đình đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc phát triển kinh tế từ vốn văn hóa. Một cụ ông người Mông ở bản Hợp Thành (xã Xá Lượng, huyện Tương Dương) dựa vào nghề rèn truyền thống sản xuất ra các sản phẩm rèn chất lượng cao và đưa ra thị trường, mỗi tháng cũng thu về được 4-5 triệu đồng không chỉ nuôi sống hai vợ chồng mà còn giúp đỡ được con cái trong bối cảnh nhiều người khác phải xa quê tìm việc. Một người phụ nữ ở bản Văng Môn (xã Nga My, huyện Tương Dương) dựa vào nghề dệt cổ truyền mà thêu may trang phục truyền thống cho cả người Thái và người Ơ Đu cũng kiếm được mỗi tháng trên dưới 4 triệu đồng để trang trải trong gia đình. Rồi một phụ nữ người Thổ ở Quỳ Hợp dựa vào tri thức dân gian về y học đã tạo ra các phương thuốc chữa bệnh bán cho nhiều người cần đến, tạo thành một mạng lưới thương mại các bài thuốc cổ truyền, thu về cả trăm triệu đồng mỗi năm để sửa sang nhà cửa và mua được xe ô tô. Ở quy mô lớn hơn, nhiều cộng đồng cũng đã biết dựa vào nguồn vốn văn hóa của mình để phát triển kinh tế. Từ các bản làng người Thái ở miền núi vừa phát triển thủ công nghiệp như đan lát, dệt may thổ cẩm gắn với phát triển du lịch cộng đồng đã làm thay đổi cuộc sống của gia đình, của cộng đồng. Rồi những làng nghề truyền thống ở miền xuôi cũng đang tích cực tham gia thị trường làm cho nhiều sản phẩm truyền thống được phát triển rộng rãi đến nhiều nơi. Nhiều doanh nghiệp cũng đang có xu hướng đầu tư phát triển kinh tế từ các nguồn vốn văn hóa. Tập đoàn TH đều tư nhiều vào việc chiết xuất các loại dược liệu để tạo ra các sản phẩm đưa ra thị trường. Công ty dược liệu Pù Mát cũng dựa vào tri thức dân

gian để khai thác các nguồn dược liệu trong vùng nhằm phát triển các sản phẩm vào thị trường một cách khá hiệu quả. Rồi nhiều công ty lữ hành đang không ngừng khai thác các thế mạnh về văn hóa địa phương để phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch lễ hội... Tất cả những điều đó thể hiện rõ ràng rằng, văn hóa đang tham gia mạnh mẽ vào quá trình phát triển kinh tế. Nhưng cơ bản vẫn đang ở trong tình trạng tự phát, chủ yếu là các mô hình phát triển từ dưới lên, do người dân tiếp thu và vận dụng là chính.

Để văn hóa thực sự tỏa sáng thì cần có những chiến lược phát triển lâu dài và phù hợp. Phát triển kinh tế dựa vào vốn văn hóa cần phải có tầm nhìn sâu rộng, tránh các cách làm ăn chộp giật, không hiệu quả kinh tế mà lại tàn phá các giá trị văn hóa. Trước hết, cần có định hướng phát triển một cách phù hợp, nhất là trong phát triển vùng, phát triển địa phương. Cần nhìn nhận rõ mục đích quan trọng nhất của các địa phương, các vùng miền để đưa ra chiến lược phát triển. Không thể đồng nhất và cũng không nên đặt trọng tâm là tăng trưởng kinh tế cho các địa phương, các vùng khác nhau. Ví dụ, vùng miền núi phía Tây vốn đa dạng về văn hóa và có nhiều thắng cảnh thiên nhiên tươi đẹp, nhưng cũng là vùng biên giới Tổ quốc, thì cần có chiến lược phát triển để bảo tồn và phát triển để bảo vệ. Nghĩa là phát triển kinh tế nhưng bảo tồn di sản văn hóa và bảo vệ an ninh quốc gia mới là mục tiêu quan trọng nhất chứ không phải tăng trưởng kinh tế. Có như vậy thì quá trình phát triển mới mang tính bền vững. Còn nếu cứ tận kiệt khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và cả tài nguyên văn hóa để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế thì một thời gian ngắn sẽ cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường, đến lúc đó thì không còn nguồn lực để phát triển.

Con người ứng xử với các nguồn tài nguyên tùy vào vị trí của nó. Khi chúng ta xem văn hóa như là một cái gì đó cao siêu và cố gắng để giữ tính nguyên bản của nó, thì sẽ tốn nhiều tiền của để thực hiện các công tác bảo tồn, tôn tạo dù nhiều khi hiệu quả lại thấp, văn hóa truyền thống vẫn bị mai một nhanh chóng. Nhưng khi chúng ta coi văn hóa là một nguồn lực phát triển, và có cách thức vận dụng nó một cách phù hợp thì nó lại tạo ra nhiều giá trị quan trọng khác, trong đó có giá trị kinh tế. Bản sắc văn hóa không phải là cái gì bất biến, ngược lại nó cũng biến đổi theo bối cảnh cụ thể dưới sự chủ động của chủ thể. Vậy nên, để văn hóa tỏa sáng trong những mùa xuân mới, góp phần vào phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống người dân sau nhiều năm dịch bệnh, thì cần phải có chính sách phát triển văn hóa một cách phù hợp. Tức là công nhận văn hóa là một nguồn vốn quý giá và đưa ra cách chính sách khai thác hiệu quả trong quá trình phát triển.

Dệt thổ cẩm ở xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An

Cầu đường sắt Yên Xuân

LÊ THỊ HẠNH LIÊN

Cầu đường sắt Yên Xuân bắc qua sông Lam nối 2 huyện Hưng Nguyên và Nam Đàn của Nghệ An được xây dựng từ thời Pháp thuộc

Năm 1905, ngành đường sắt Bắc - Nam khánh thành ga Vinh và cũng là thời điểm chuẩn bị xây cầu Yên Xuân vượt sông Lam. Lần đầu dân Nghệ Tĩnh mới trông thấy cái đầu tàu hỏa phun khói lên bầu trời. Kỳ thi tại trường Vinh năm 1906 có yêu cầu tả cái tàu hỏa. Ông Tạ Quang Diễm con Cử nhân Tạ Quang Oánh, cha GS. Tạ Quang Bửu đỗ với câu Tập Kiều:

Ầm ầm gió giục mây vần
Một xe trong cõi hồng trần như bay.

Cầu Đường sắt Yên Xuân (làng Yên Thái, xã Hưng Xuân cũ) được khánh thành năm 1924, dài 350m với 5 nhịp. Sau cơn lụt năm 1978, mố cầu phía Nam bị lở nên xây thêm 2 nhịp nữa. Ban đầu, cầu chỉ giành riêng cho tàu hỏa (với đường ray 0,90m phổ biến thế giới lúc đó), không có đường hai bên như bây giờ. Vì vậy, cạnh chân cầu là bến đò, cũng mang tên là Bến đò Yên Xuân. Ngay bến đò là một khu sầm uất cây cổ thụ xanh tốt bao quanh mấy ngôi đền, mùa nào cũng xao xác tiếng chim. Bến đò này từ sau ngày hòa bình lập lại rất đông khách, bởi đây là trục đường chính nối Đức Thọ đến thị xã Vinh; đã qua nhiều lái đò nhưng

người chèo đò lâu nhất là vợ chồng anh Chắt Thịnh với hai cô con gái xinh đẹp lúc nào cũng niềm nở với khách qua sông, dù mưa nắng, bão lụt, dù khách không có tiền đò cũng chèo. Phía Nam bến đò là làng Thanh Xuân thuộc xã Nam Thịnh, huyện Nam Đàn.

Cầu Yên Xuân đã từng là nhân chứng lịch sử suốt cả thế kỷ XX. Năm 1930, phong trào Xô - Viết Nghệ Tĩnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản bùng lên mạnh mẽ ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 12 tháng 9 năm 1930. Nhân dân nhiều làng của huyện Nam Đàn (có nhiều người các xã Khánh Sơn, Nam Kim, Trung Phúc Cường) và Thanh Chương, Hưng Nguyên (Nghệ An) kéo ra thành phố Vinh đấu tranh với Pháp và chính quyền Nam triều. Từ đây các đoàn biểu tình: "Nọ Thanh Chương tiếp bước đứng lên. Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Anh Sơn, Hà Tĩnh một phen dậy rồi" (*Bài ca cách mạng* của Đặng Chính Kỷ) đã tập trung hơn 8.000 người tại ga Yên Xuân sát ngay cầu, nghe nữ Đảng viên Nguyễn Thị Nga (bà Thông Phia - chi bộ Trúc Lam Giang, thuộc Đảng bộ Tổng Phù Long) diễn thuyết. Sau mít tinh, đoàn biểu tình kéo lên chợ Vực (xã Hưng Xá) cách ga 2km, đi theo đường hàng tỉnh ra Thái Lão (Hưng Thái) để xuống Vinh thì bị lính Pháp từ Vinh kéo lên cùng máy bay đàn áp. Chúng đã giết chết 217 người, bắn bị thương 125 người, đốt cháy hàng chục ngôi nhà trong đó có nhà của Nhân dân làng Phổ Đông (xã Nam Phong) làng Xuân Trạch, làng Long Xuyên (sau này thuộc xã Nam Thịnh) là những địa phương nằm gần cầu Yên Xuân. Sau hòa bình (1954), con đường mà đoàn biểu tình đã đi qua được mang tên là đường 12/9, chạy từ Chợ Vực ra Nghĩa trang liệt sỹ Thái Lão.

Năm 1934, vua Bảo Đại qua đây trên đường ra Vinh. Dân làng hai bên cầu phải cơm đùm, cơm vắt cả ngày đêm chầu chực đón đức vua, có người suýt chết ngất vì đói.

Trước ngày Cách mạng Tháng Tám nổ ra, cầu Yên Xuân đã chứng kiến hàng ngày có nhiều đoàn tàu hỏa chở thóc, gạo quân phát xít Nhật cướp được của đồng bào Bắc Kỳ qua đây. Sau các đoàn tàu ấy là nạn đói kinh hoàng cướp đi mạng sống của hơn 2 triệu người (1945). Những đoàn tàu chở thóc gạo của quân Nhật qua cầu, chạy chậm lại, thóc gạo rơi vãi. Dân mình đang đói quay đói quắt phải bò ra bãi sông quét thóc, gạo rơi vãi lẫn cát sỏi, đất đá mang về cứu đói. Lính bảo vệ, lính áp tải Nhật đã thẳng tay đàn áp dã man. Chúng đạp đổ, đá xuống sông cả người lẫn thóc gạo quét được. Có người hộc máu ra chết tại chỗ, có người bị đá dập gan, phổi, lá lách về nhà ốm đau hàng tháng rồi chết.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến (1946), cầu đã bị phá, tàu hỏa đến đây thì phải dừng. Hàng hóa phải bốc dỡ xuống xà lan, ca nô, hoặc thuyền, qua sông lại chất lên toa tàu chạy tiếp. Vì vậy mà ở chân cầu có bãi đất rộng có tên là bãi *Tăng bo* (đọc chệch chữ Transport), những ngày chống Mỹ, đây là trận địa phòng không của xã Nam Cường phối hợp với trận địa pháo cao xạ trên núi Thành hàng trăm lần chặn bắn máy bay Mỹ.

Từ năm 1946 đến năm 1975, hai đầu cầu Yên Xuân bị bỏ hoang. Tà vẹt, đường ray bị tháo gỡ hết nhưng đêm kháng chiến chống Pháp lúc nào cũng vui. Sau này những năm chống Mỹ, bến đò này lúc nào cũng rầm rập tiếng quân đi. Cũng là con đường ra mặt trận của hàng đoàn bộ đội và thanh niên xung phong. Nhiều lần bị máy bay bắn phá, thả bom, bom từ trường và bắn rốc-két nhưng đò vẫn qua lại hàng đêm.

Từ khi cầu Yên Xuân bị phá gục, đầu cầu bỏ hoang. Những toa tàu bị đánh đổ lâu ngày han rỉ dần. Cây cối mọc trùm lên xanh um trông rất bí hiểm và ghê sợ. Chim chóc về làm tổ, cầy cáo rắn rết tung hoành trở thành nơi bí hiểm thách thức sự tò mò của lũ trẻ chúng tôi. Những chiều mùa đông gió hun hút thổi, chúng tôi đi chăn bò, kéo nhau kiếm củi đốt rồi mò vào khu rừng âm u ấy trốn nhau, tìm tổ chim và hái đọt ngấy, tước vỏ và nhai rau ráu, nhìn nhau mặt nhọ nhem cười nhe những hàm răng sún. Dọc triền đường tàu, xen trong những bộ khung sắt các toa tàu rỉ sét là rừng cây cứt lợn (cây hoa ngũ sắc) quanh năm trổ hoa, tỏa mùi thơm hăng hắc.

Sau "Chín năm làm một Điện Biên/Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng", lần đầu chúng

tôi thấy mặt "thằng Tây". Tây mũi lõ, da trắng tóc vàng; Tây da đen mũi bè bè, tóc xoăn tít và mùi khét. Họ kéo nhau qua làng hết đợt này đến đợt khác. Họ đã ăn ở trong nhà dân. Mẹ tôi và các bà, các chị trong hội phụ nữ giúp họ củi lửa, cho họ thức ăn, nước uống, vá dùm quần áo, khâu lại giầy cho họ như sau này, những ngày chống Mỹ, các mẹ chăm lo cho những đoàn bộ đội và thanh niên xung phong trên đường vào Nam qua đò vào trú tạm trong làng. Về sau tôi mới biết những "thằng Tây" ấy là những tù binh, hàng binh đi từ phía Nam ra nơi tập trung trao trả theo hiệp định Giơ - ne- vơ. Về sau thì có hàng chục hàng binh tham gia trục vớt cầu Yên Xuân, những nhịp gãy gục xuống sông Lam. Xà lan, thợ lặn quần sủi bùn dòng sông. Họ nói ít và lao động chăm chỉ. Chúng tôi không gọi là Tây mà là "Việt Nam mới". Tôi học ngoại ngữ đầu tiên - Tiếng Pháp, những từ bon jour, Merci, Madam...là từ ở những "Việt Nam mới" này.

Làng tôi có hai người con gái đẹp như tiên. Cả hai chị tóc dài chấm gót, da trắng như trứng gà bóc, cổ cao ba ngấn, mắt lá răm, lông mày đen nhánh làm si mê bao nhiêu chàng trai quê tôi. Hai chị em như hai tiên nữ đang tuổi lấy chồng mà chẳng ai dám đi lại bởi hồi ấy người ta sợ phú nông và địa chủ hơn mọi thứ trên đời. Các chị là con gái ông Cửu Nguyên bị quy là phú nông từ thời Giảm tô giảm tức. Tôi nghe người ta nói vậy. Một chị tên là Điệp. Bây giờ tôi vẫn nhớ gương mặt, nụ cười và thân hình hai chị, bởi hai chị đẹp quá. Rồi cả làng cả nước xôn xao. Cả hai chị "theo" hai "thằng Tây đen", người Maroc hay Angieri về nước họ. Khiến bao nhiêu anh chàng ngơ ngẩn và trong đó có cả chú bé lên 8 tuổi là tôi. Không biết bây giờ các chị còn không?

Ngược lên thượng nguồn sông Lam chừng 1 km là bến đò Cố Xin đêm ngày vượt bom đạn máy bay Mỹ chở thanh niên xung phong và bộ đội qua sông vào Nam đánh giặc. Năm 1968, hai Cố hy sinh khi đang chèo đò. Năm 2020, tỉnh Nghệ An đã công nhận Bến đò là di tích lịch sử.

Cầu Đường sắt Yên Xuân gánh trọn hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và những năm tháng đói khổ sau chiến tranh. Năm 2016, Nhà nước xây dựng thêm một cầu Yên Xuân nữa nhưng là cầu đường bộ chỉ cách cầu Đường sắt Yên Xuân chừng 2 km, cùng hòa với mạng lưới giao thông hiện đại nối liền thành phố Vinh đến mọi vùng quê Nghệ - Tĩnh.

Cầu đường bộ Yên Xuân bắc qua sông Lam khánh thành vào ngày 03.9.2016

Di tích lịch sử Quốc gia Đền thờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp tại xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh

Khí chất người xứ Nghệ qua phong cách ứng xử của La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp

PHẠM THỊ KIM LOAN

Nguyễn Thiếp (1723-1804), là một danh sĩ nổi tiếng của Đại Việt ở thế kỷ XVIII - XIX, tự là Khải Xuyên, hiệu là La Sơn phu tử. Ông quê ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, tổng Lai Thạch, huyện La Sơn (nay là xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh). Nguyễn Thiếp sinh ra trong dòng tộc truyền thống khoa bảng có nhiều người đỗ đạt cao như: Tiến sĩ Nguyễn Bật Lãng, Tiến sĩ Nguyễn Hành,… Mẹ Nguyễn Thiếp là con gái dòng tộc Nguyễn Huy ở Trường Lưu cũng nổi tiếng là dòng họ nhiều hiền tài. Từ nhỏ, Nguyễn Thiếp đã bộc lộ là một người chăm học, ham đọc sách, thiên tư sáng suốt, học rộng, hiểu sâu, đi đến đâu cũng được mọi người kính trọng xem là bậc thầy về tài đức. Ông từng đỗ đạt và làm quan dưới triều hậu Lê: Đỗ thi Hương Giải Nguyên năm 20 tuổi (1743) và sau đó thi Hội đỗ Tam trường; năm 1756, Nguyễn Thiếp được triều đình nhà Lê mời ra nhậm chức Huấn đạo phủ Anh Đô (nay là huyện Đô Lương và huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An), năm 1762, ông được bổ chức Tri huyện Thanh Chương (Nghệ An),... Thời gian làm quan dưới triều Lê, Nguyễn Thiếp chứng kiến sự mục ruỗng của triều đình, sự suy nhược của vua Lê chúa Trịnh, chán ghét cảnh quan trường nên ông đã từ chức và về quê theo con đường ẩn sỹ

(1768). Sau khi từ quan, Nguyễn Thiếp đã chọn vùng đất dưới chân núi Bùi Phong thuộc dãy núi Thiên Nhẫn (Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An) lập trại Bùi Phong để sinh sống và dạy học.

Tuy Nguyễn Thiếp có giữ một số chức quan nhưng đó chỉ là thời thế bắt buộc, tục lệ ràng buộc "thi đậu thì ra làm quan giúp nước". Trong thời gian 12 năm ở chốn quan trường, mà lòng Nguyễn Thiếp không nguôi ý chí ẩn sĩ, mục tiêu lớn của ông là muốn đem sở học giúp dân và chấn hưng giáo dục nước nhà với "đạo học sâu xa". Vì vậy, sau khi từ quan danh tiếng của ông vẫn còn vang xa. Cũng vì tài đức lớn của ông mà nhiều đời vua chúa muốn trọng dụng nhưng Nguyễn Thiếp đã từ chối và không nhận bất kỳ chức tước, bổng lộc nào của vua ban: Năm 1780, Chúa Trịnh Sâm có tờ truyền mời Nguyễn Thiếp ra Thăng Long nhận chức, lệnh chúa khó cãi nên phải miễn cưỡng ra đi, nhưng khi ông khuyên chúa Trịnh giữ nghĩa tôi trung và chăm lo cho muôn dân trăm họ, chúa Trịnh không nghe nên ông đã từ chức; Trong 2 năm 1786 - 1787, ba lần Nguyễn Huệ gửi thư mời với lời lẽ rất khéo léo tôn kính, trọng dụng thiết tha với mong muốn Nguyễn Thiếp hợp tác cùng nhà Tây Sơn giúp dân, giúp đất nước, nhưng ông vẫn khiêm nhường từ chối bởi không màng danh lợi; Đến tháng 6 năm 1788, Quang Trung cử người trực tiếp mang thư đến hội kiến Nguyễn Thiếp mới nhận lời. Dưới triều Tây Sơn, Nguyễn Thiếp là một vị quân sư tối cao giúp Hoàng đế Quang Trung đại phá 29 vạn quân Thanh, người thông thái kiến thiết Phượng Hoàng Trung Đô. Ông được vua Quang Trung hết mực kính trọng và tôn xưng là "La Sơn phu tử", "La Sơn tiên sinh". Công lao to lớn nhất của Nguyễn Thiếp trong cương vị Viện trưởng Viện Sùng Chính là đề ra những cải cách tiến bộ về văn hóa, giáo dục nước nhà ở thế kỷ XVIII, đặc biệt là chấn hưng và đề cao chữ Nôm, đưa chữ Nôm trở thành văn tự chính thức của người Việt; nhiều bộ sách quan trọng của giáo dục đã được dịch từ chữ Hán sang chữ Nôm như: Tiểu học, Tứ thư, Kinh thư, Kinh thi, Kinh dịch,....Năm 1992, vua Quang Trung đột ngột qua đời, nội bộ nhà Tây Sơn suy yếu. Trước bối cảnh đó, La Sơn phu tử trả lại lộc dưỡng lão mà vua Quang Trung ban cho trước đó, rồi lại trở về vùng núi Thiên Nhẫn dừng chân ở trại Bùi Phong tiếp tục làm một hiền sĩ dạy học. Trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống và trước nhiều biến động của xã hội đương thời, Nguyễn Thiếp luôn giữ vững lập trường, khí phách của một phu tử. Ông được người đời coi là bậc hiền sĩ thức thời, danh tiết thanh cao, không màng danh lợi, đặc biệt là luôn toát lên khí chất của người xứ Nghệ.

Xứ Nghệ là vùng đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, là tiểu vùng văn hóa được thống nhất từ xa xưa đến tận ngày nay. Văn hóa, tính cách, tư duy người xứ Nghệ mang nét riêng khó lẫn bởi nó được hình thành từ điều kiện tự nhiên, lịch sử xã hội của vùng miền. Sự khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên và khó khăn của cuộc sống đã hình thành nên những phẩm chất, tính cách người xứ Nghệ với nhiều ưu điểm nổi trội như: Chịu khó làm ăn, ham học, hiếu học và ý chí thành danh thoát khổ bằng con đường học vấn; Thẳng thắn, bộc trực, khí khái nhưng trung thực, chân thành và giàu tình cảm; Tinh thần kiên trì, kiên quyết đấu tranh cho lẽ phải và coi trọng nghĩa khí,… Theo nhà nghiên cứu Phạm Xuân Cần, những phẩm chất của người xứ Nghệ được nhắc đến nhiều đó là: Trung dũng, quyết liệt, khảng khái, cần kiệm, hiếu học, giàu chí tiến thủ, thẳng thắn, chân thành,... Đó cũng là những nét phẩm chất cơ bản của người Việt Nam nói chung. Nhưng nhân tố tạo nên khí chất riêng của người xứ Nghệ là các phẩm chất đó được đẩy lên cao hơn trong mọi hoàn cảnh. Điều đáng ngưỡng mộ và tự hào về La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp là trong ông có hội tụ đủ những nét thuộc tính, những phẩm chất nổi trội của người xứ Nghệ. Đặc biệt, khí chất xứ Nghệ đó được Nguyễn Thiếp thể hiện một cách hài hòa, đúng mực qua "xuất", "xử" trong suốt cuộc đời sự nghiệp ông. ("xuất" nghĩa là tiến hành đi thi/làm quan/ở ẩn/dạy học; "xử" là mọi hành xử, ứng xử tình huống theo một lối riêng).

Nguyễn Thiếp sinh ra, lớn lên và cả quá trình phát triển sự nghiệp ông luôn gắn chặt với quê hương xứ Hồng Lam. Tuy có thời gian ngắn ông ra Thăng Long theo lời mời của chúa Trịnh và vào Phú Xuân theo lời mời của Hoàng đế Quang Trung. Thời gian còn lại

Di tích lịch sử Quốc gia Đền thờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp

của Nguyễn Thiếp chủ yếu gắn cuộc đời mình với mảnh đất quê hương, chính vì vậy mà toát lên ở ông một khí chất đặc biệt của người xứ Nghệ. Khí chất đó được thể hiện nổi bật ở nhiều mặt.

Thứ nhất là tinh thần vượt khó, ham học và hiếu học: Tố chất thông minh, ham học từ nhỏ, Nguyễn Thiếp đã kiên trì miệt mài trên con đường học vấn. Năm 19 tuổi, Nguyễn Thiếp theo chú Nguyễn Hành ra Thái Nguyên (Nguyễn Hành khi ấy đang làm Hiền sát sử Thái Nguyên), Nguyễn Hành gửi cháu cho bạn thân là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm (cha của Đại Thi hào Nguyễn Du) dạy dổ chỉ bảo thêm. Một năm sau chú Nguyễn Hành mất, Nguyễn Thiếp phải tự về Hà Nội để tiếp tục sự học, trên đường về bị bệnh nhưng ông đã cố gắng vượt qua và duy trì việc học bởi ý chí học để vươn lên, để giúp ích cho đời. Việc học thuở ấy chủ yếu là học thuộc lòng nên thật sự khó khăn bởi phải "thiên thi, bách phú, văn sách ngũ thập" (thuộc một nghìn bài thơ, một trăm bài phú, năm mươi bài văn sách). Lối học đó không phải ai cũng đủ trí lực nhưng Nguyễn Thiếp không dừng lại ở học thuộc lòng mà còn phát huy vốn kiến thức tích lũy được suy ra sâu rộng để lý giải các hiện tượng tự nhiên, xã hội, phân tích các vấn đề kinh tế, thời cuộc,… Năm 20 tuổi, Nguyễn Thiếp đã đỗ thi Hương giải Nguyên, thi hội đỗ Tam trường nhưng ông vẫn tiếp tục sự học. Sau khi cáo quan (1768), Nguyễn Thiếp chọn con đường ẩn sĩ để tiếp tục sự học, dạy học và nghiên cứu học thuật. Sự ham học, khổ học của Nguyễn Thiếp với mục tiêu khác với kẻ sĩ đương thời là học để có vinh hoa phú quý hay ham chức tước bổng lộc triều đình, mà ông học để mở rộng hiểu biết, nắm vững kinh sách, tinh thông nhiều lĩnh vực để làm việc có ích cho dân và phụng sự đất nước.

Thứ hai, thẳng thắn, trung thực, khí khái, kiên định bản lĩnh, trọng nghĩa tình trong mọi ứng xử: Đó là một trong những nét phẩm chất nổi bật trong con người xứ Nghệ nhưng với Nguyễn Thiếp lại được thể hiện theo một phong cách riêng vừa tinh tế sâu sắc, vừa khôn khéo khiêm nhường, vừa linh hoạt hiệu quả, vừa chân thành mạnh mẽ và luôn nặng lòng thương dân,... Khí chất này được toát lên rất rõ và rất đặc biệt trong quá trình Nguyễn Thiếp ứng xử với chúa Trịnh Sâm, vua Quang Trung Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh,…

Hoàng đế Quang Trung là người rất mực tôn kính tài đức của Nguyễn Thiếp, tôn xưng ông là "La Sơn phu tử", "La Sơn tiên sinh". Nhưng ba lần Nguyễn Huệ gửi thư cùng lễ vật ra mời Nguyễn Thiếp làm việc cho nhà Tây Sơn (lần thứ nhất vào ngày 18/12/1786, lần thứ hai vào tháng 8 năm 1787, lần thứ ba vào ngày 13/9/1787), nhưng ông đã từ chối một cách khôn khéo bằng lý do: Tự nhận mình là thần tử nhà Lê, tuổi cao sức yếu, tài hèn, không thể giúp gì được: *"Lệ xưa kẻ làm quan 70 tuổi là được nghỉ. Bản triều ưu ái kẻ già 65 tuổi đã được cho về dưỡng lão. Đáng về mà lại ra là mang tội thật nặng"*[1]; *"Trộm nghĩ Tiện sinh này tính chất ngu lậu, tài năng học thuật không có gì hơn người. Chỉ vì bệnh trộm gửi thân chốn lâm tuyền"*[2] Đằng sau lời từ chối khôn khéo đó là sự kín kẽ cẩn thận của Phu tử khi chưa hiểu rõ nhân tình và thái độ bất hợp tác với nhà Tây Sơn một cách quyết liệt. Tuy nhiên, bên cạnh thái độ đó là sự giằng xé trong tấm chân tình của một hiền sĩ bởi một bên là lòng tri ân trước lời mời thiết tha cần hiền tài giúp dân cứu nước của Nguyễn Huệ, với một bên là lòng tự trọng của một danh sĩ vốn không màng bổng lộc chức tước. Sự tôn trọng lời mời của Nguyễn Huệ được Nguyễn Thiếp thể hiện ngay bức thư đầu tiên ông luôn xưng hô khiêm tốn và lịch

thiệp: Với mình xưng là "Tiện sinh", với Nguyễn Huệ tôn là "Đại Nguyên soái". Qua đó, ta thấy Nguyễn Thiếp đã xem Nguyễn Huệ là đấng trượng phu, bậc anh hùng cứu nước. Tình cảm đó đã đưa Nguyễn Thiếp đến sự hợp tác dè dặt, thận trọng với Tây Sơn sau khi nhận thư mời lần thứ tư của Nguyễn Huệ (tháng 6 năm 1788), với lời lẽ thiết tha hơn *"Nay thiên hạ khốn khổ, không cùng Phu tử tháo gỡ thì không biết cùng ai"*[3], thư lần này đã chạm lòng Phu tử nặng lòng thương dân. Nhưng sự cẩn trọng và nghĩa khí kẻ sĩ nên Nguyễn Thiếp chỉ xin làm *"cố vấn bên ngoài"*[4] (Bản tấu trình Nguyễn Thiếp trả lời thư của Nguyễn Huệ đề ngày 4 tháng 9 năm Quang Trung thứ 2 (1789). Bản tấu trình có ý nghĩa bản lề mở ra dấu hiệu về sự hợp tác với tân triều Tây Sơn. Trên đường hành quân ra Bắc để tiêu diệt quân Thanh, Nguyễn Thiếp đã dâng Hoàng đế Quang Trung kế sách thần tốc đại phá quân Thanh. Từ sau chiến thắng 29 vạn quân Thanh năm Kỷ Dậu (1789), Nguyễn Thiếp đã tin tưởng Quang Trung là vị vua áo vải cờ đào của Nhân dân. Từ đó, Nguyễn Thiếp đã hợp tác chân thành, cởi mở và trung thực với Tây Sơn. Trong bức thư đề ngày 10 tháng 12 năm Quang Trung thứ 2 (1789), La Sơn phu tử đã gửi vua Quang Trung một thông điệp lớn về đạo trị nước qua một câu chuyện nhỏ về xứ Nghệ quê mình để giúp Hoàng đế xác định vai trò quan trọng của dân nên phải dốc lòng vào sự nghiệp yên dân. Từ tấm chân tình đó, ngày 10 tháng 8 năm Quang Trung thứ 4 (1792), Nguyễn Thiếp đã dâng lên nhà Tây Sơn bản tấu về ba vấn đề cốt lõi của chính sự triều đình, đó là: **"Quân đức"** - Đại ý khuyên vua nên theo đạo thánh hiền để trị nước; **"Dân tâm"** - Đại ý khuyên vua nên dùng nhân chính để thu phục lòng người; **"Học pháp"** - Đại ý khuyên vua chăm lo việc giáo dục. Bản tấu là tâm huyết, là kế sách tuyệt vời mà La Sơn phu tử đã không ngần ngại khi dâng cho nhà Tây Sơn, đó cũng chính là tấm lòng chân thành với dân với nước, đồng thời thể hiện khí chất thẳng thắn, bộc trực của một đấng quân tử. Nguyễn Thiếp được Quang Trung đánh giá rất cao và có tầm quan trọng bậc thầy trong thực hiện đại nghiệp của mình *"Bậc danh thế xuất hiện, đó là điều mà quả đức hằng mơ tưởng, mười lăm năm nay chưa từng có khoảnh khắc dám quên"*[5], *"Trẫm ba lần xa giá Bắc thành, Tiên sinh mới khuất mình bàn chuyện thiên hạ"*[6]. Vua Quang Trung tôn trọng Nguyễn Thiếp vì ông là một đại nho, một bậc cao ẩn, không chỉ tài năng mà còn đạo cao đức trọng vô lượng. Vì vậy, trong mời đón Nguyễn Thiếp bàn việc quốc sự Quang Trung luôn lấy lễ tôn sư để tiếp chuyện và luôn tỏ ý Phu tử là bậc thầy trong quyết định đại sự. Nguyễn Thiếp trở thành bậc quân sư tối cao của Hoàng đế Quang Trung. Vì vậy, vua đã tin tưởng giao phó hoàn toàn cho La Sơn phu tử những trọng trách lớn như: Chọn đất định đô, thành lập Viện Sùng Chinh, giữ chức Viện trưởng, đào tạo nhân tài, phục hưng chính học,…Điều đặc biệt là La Sơn tiên sinh và Hoàng đế Quang Trung rất tâm đầu ý hợp trong luận bàn quốc sự nên Nguyễn Thiếp đã dâng kế sách giúp vua dùng đức trị để yên dân và chân tình bày tỏ với Hoàng đế nổi lòng mình trước nổi khổ của dân tình. Trong bức thư gửi Quang Trung ngày 10 tháng 12 năm Quang Trung thứ 2 (1789), Nguyễn Thiếp đã thành thật nêu với đức vua về thực trạng cuộc sống lương dân*"Nghệ An đất xấu dân nghèo, theo như trước đây chỉ chịu suất binh chứ chưa hề phải đóng tiền lúa gạo. Nay binh lương đều phải xuất, số lính lại tăng bội phần. Người canh tác thì ít, kẻ chờ ăn thì nhiều… Một xứ mười hai huyện mà chia làm ba bốn trấn. Trấn này, trấn kia không cùng nhau thống nhiếp. Quan càng nhiều thì dân càng bị nhũng nhiễu…"*[7] Đó là lời Phu tử kêu thương cho tình cảnh khốn khổ của người dân bản trấn từ tấm lòng chan chứa nỗi đau của một người dân đối với đời, với lương dân. Khi vua đã biết rõ nguyên nhân sự tình, Nguyễn Thiếp đã mạnh dạn đề xuất với vua giải pháp tích cực nhằm cải thiện tình hình để giúp lương dân *"Cúi mong hoàng thượng chọn ra một viên quan đủ thanh, cần, nhân, dũng để làm chánh trấn và một viên sẵn có văn học làm hiệp tá"*[8]. Qua đó ta thấy, La Sơn phu tử vì tự trọng và đức khiêm nhường nên ông từ quan khi cần thiết nhưng ông không quay lưng lại với cuộc đời mà lòng luôn trĩu nặng nỗi thương đời, thương dân và trung thành hết mực với đức vua nên khi đề xuất giải pháp giúp dân tình ông không hề sợ liên lụy vì lời đề xuất có chạm đến lòng tự ái của nhà vua. Như một định mệnh hay một tất yếu khách quan của lịch sử, Quang Trung là vị tân vương triều, Nguyễn Thiếp là một cựu thần tiền triều nhưng

họ đã gặp nhau rất hòa hợp trong tư tưởng và nghĩa khí; Quang Trung thì rất kiên trì thỉnh tình Nguyễn Thiếp, còn Nguyễn Thiếp khi đã nhìn thấy được vị quân đức của dân thì rất trung thành, chân thành với đức vua. Từ đó Nguyễn Thiếp đã dốc hết tâm huyết trong phò vua giúp nước, cùng vua lo việc giang sơn *"Người Nghệ thấy đúng mới phò, khi đã phò thì trung thành tuyệt đối"*[9]

Nguyễn Thiếp được nhiều triều vua tôn kính và trọng dụng. Không chỉ dưới triều đại vua Lê, chúa Trịnh, Tây Sơn, mà Nguyễn Ánh cũng rất tôn kính ông. Sau khi tiêu diệt nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã xử những người theo Tây Sơn một cách tàn bạo kể cả những danh tướng lẫy lừng như Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng,… Nhưng với Nguyễn Thiếp thì Nguyễn Ánh vẫn một lòng kính trọng. Nguyễn Ánh đã cho mời Nguyễn Thiếp đến và hỏi: *"Ngụy Tây Sơn mời Tiên sinh làm thầy, vậy Tiên sinh dạy nó ra sao ?"*[10] Nguyễn Thiếp ung dung trả lời: *"Có tám điều trong sách Đại học, có chín điều trong sách Trung dung, người giỏi thì làm được, người không giỏi thì không làm được"*[11]. Thái độ trong câu trả lời Nguyễn Ánh của Nguyễn Thiếp toát lên một khí chất thẳng thắn, cương trực, tự tin mạnh mẽ không sợ liên lụy, không sợ quyền lực. Vậy nhưng câu trả lời đó đã không làm Nguyễn Ánh tức giận mà còn ngỏ ý mời La Sơn tiên sinh ra giúp mình. Nhưng Nguyễn Thiếp đã từ chối và cáo từ mà không nhận bất cứ lễ vật nào. Ứng xử của Nguyễn Thiếp trước Nguyễn Ánh lại toát lên bản lĩnh, hùng khí của một nho sĩ không màng danh lợi bổng lộc, không sợ uy quyền.

Tìm hiểu về cuộc đời sự nghiệp của La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, ta thấy hội tụ trong ông đầy đủ những phẩm chất cao quý, những tính cách tốt đẹp mang đậm khí chất của người xứ Nghệ. Điều đặc biệt ở ông là khí chất xứ Nghệ được thể hiện đúng mực nên không làm ảnh hưởng đến lợi ích dân tộc. Qua cách Nguyễn Thiếp ứng xử với những người có quyền lực to lớn, ta thấy khí chất người xứ Nghệ ở trong ông là rất khéo léo, thông minh, linh hoạt, năng động, thẳng thắn nhưng tinh tế sâu sắc, thật đáng nể phục, kính trọng và học tập.

Qua đó, cũng cho ta thấy tính cách là sản phẩm của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội. Khi hoàn cảnh khách quan thay đổi và có sự chủ động của các yếu tố chủ quan thì tính cách cũng có thể thay đổi để thích ứng và đem lại hiệu quả tốt hơn. Khí chất người xứ Nghệ không phải là bất biến mà có sự thay đổi theo chiều hướng giảm dần những mặt tiêu cực để đạt được hiệu quả cao trong mục tiêu đã đề ra. Để kế thừa khí chất của La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp nói riêng và khí chất người xứ Nghệ nói chung, các thế hệ trẻ quê nhà cần ra sức học tập, nhận thức sâu sắc sức mạnh của văn hóa truyền thống, giữ gìn phát huy truyền thống quê hương, học tập phẩm chất, đức hạnh cao đẹp của các bậc tiền nhân, góp phần xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp văn minh.

Chú thích:

(1) Nghiêm Thị Thu Nga, *Tìm hiểu quan hệ giữa La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp với vua Quang Trung Nguyễn Huệ qua văn bản Hạnh Am di văn*, Tạp chí Hán Nôm, số 2, ngày 28/3/2013, tr.1

(2) Nghiêm Thị Thu Nga, *Tìm hiểu quan hệ giữa La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp với vua Quang Trung Nguyễn Huệ qua văn bản Hạnh Am di văn*, Tạp chí Hán Nôm, số 2, ngày 28/3/2013, tr.2

(3) Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Minh Tân xuất bản, 1951, Pari, tr.111

(4), (5) Nghiêm Thị Thu Nga, *Tìm hiểu quan hệ giữa La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp với vua Quang Trung Nguyễn Huệ qua văn bản Hạnh Am di văn*, Tạp chí Hán Nôm, số 2, ngày 28/3/2013, tr.2

(6), (7), (8) Nghiêm Thị Thu Nga, *Tìm hiểu quan hệ giữa La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp với vua Quang Trung Nguyễn Huệ qua văn bản Hạnh Am di văn*, Tạp chí Hán Nôm, số 2, ngày 28/3/2013, tr.3

(9) Nguyễn Sỹ Dũng, *Người Nghệ thấy đúng mới phò*, Báo Lao động Nghệ An, Số ra ngày 14/2/2019.

(10) Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Minh Tân xuất bản, 1951, Pari, tr.172

(11) Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Minh Tân xuất bản, 1951, Pari, tr.173

Tiến sĩ NGUYỄN NGUYÊN THÀNH

VƯƠNG LONG

Trong suy nghĩ của tôi, Tiến sĩ Nguyễn Nguyên Thành (1825-1887) là danh nhân số một của huyện Đô Lương và của cả phủ Anh Sơn thế kỷ XIX. Ông là nhà khoa bảng, một vị quan đáng kính, một thủ lĩnh chống Pháp, một nhà thơ.

Nguyễn Nguyên Thành người làng Cẩm Ngọc, xã Đô Lương, nay là xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Ông sinh ra trong một gia đình khoa bảng có tiếng tăm thời ấy. Cha ông là Cụ Hàn lâm Trực học sĩ Nguyễn Nguyên Hữu Tố, đậu Cử nhân khoa Kỷ Mão 1819, từng làm quan Án sát, Bố chính hai tỉnh Sơn Tây và Hưng Yên. Cụ cũng nổi tiếng là người hay chữ, từng dạy nhiều học trò thành tài. Bức trướng mừng thọ Cụ Học sĩ năm 1846 ký tên 300 học trò, đứng đầu là 3 vị tiến sĩ danh tiếng: Đinh Nhật Thận (nguyên Tri phủ Phủ Anh Sơn, tác giả Thu dạ lữ hoài ngâm), Phạm Phú Thứ (Đại học sĩ, Tham tri bộ Lại, tác giả Trúc Đường thi văn tập...) và Nguyễn Bá Trạc... Anh trai ông là Tú tài Nguyễn Nguyên Đẩu. Em trai là Cử nhân Nguyễn Đình Giác.

Nguyễn Nguyên Thành tự là Uẩn Phủ, hiệu là Sơn Đường, từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh học giỏi. Hai mươi mốt tuổi đậu Tú tài khoa thi Bính Ngọ thời Thiệu Trị 1846. Hai mươi ba tuổi, đậu Cử nhân khoa Mậu Thân 1848. Ba năm sau, khoa thi Tân Hợi 1851, đỗ đầu Đệ tam giáp tiến sĩ khi mới 26 tuổi. Làm quan đến bậc Tam phẩm, Hồng lô tự thiếu khanh sung Tham biện nội các, có nhiều công trạng được nhà vua ban tặng nhiều bảo vật. Ông cũng nổi tiếng hay chữ, là một trong ba danh sĩ hàng đầu của Xứ Nghệ thời ấy: "Văn Giao, phú Tạo, thi Thành". Giỏi văn nhất là Thám hoa Nguyễn Văn Giao, giỏi phú nhất là Hồ Sĩ Tạo (có bản chép "phú Đạt" - thám hoa Nguyễn Đức Đạt), còn thơ, không ai hơn được Nguyễn Nguyên Thành. Rất tiếc đến nay thơ ông hầu hết đã thất lạc, chỉ còn lại vài ba bài...

Nhà bia Tiến sĩ Nguyễn Nguyên Thành

Khi Pháp xâm lược nước ta, chán ghét sự bất lực của triều đình, năm 1875, viện cớ ốm bệnh, ông cáo quan về quê "Lắm bệnh tôi lui về ở ẩn/Há e chỉ trích thấp hay cao"

(gửi Thám hoa Nguyễn Đức Đạt). Trong khoảng thời gian chỉ mươi năm, nhằm phát huy sự học ở một vùng quê nghèo khó, hoạt động của ông đã để lại nhiều dấu ấn ở Đô Lương như: Xây Văn chỉ huyện ở Thanh Lưu, hỗ trợ xây Nhà Thánh ở các xã, tổng (tiêu biểu như Nhà Thánh Mỹ Trung - xã Thuần Trung nay vẫn còn bài văn bia của ông đề năm Tân Tỵ 1881); lập Thư phòng ở làng Thuận Lạc làm nơi nghỉ ngơi, đọc sách cùng bạn bè và sĩ tử...

Cuộc xâm lược của thực dân Pháp càng lan rộng. Hà Thành thất thủ (1882) rồi Kinh thành Huế thất thủ (1885). Hưởng ứng chiếu Cần Vương, ông tập hợp nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa ở Phủ Anh Sơn quê hương. Sau khi sáp nhập với nghĩa quân của Nguyễn Xuân Ôn, ông được cử làm Tán tương quân vụ, phụ trách tuyến đường 7. Cuộc khởi nghĩa đã tập hợp được nhiều nho sĩ trí thức yêu nước, lôi kéo được một lực lượng đông đảo Nhân dân tham gia, trong đó có nhiều người là người dân tộc thiểu số từ Phủ Quỳ, Phủ Bọn kéo về. Nghĩa quân tràn đầy dũng khí, răm rắp theo lệnh ông, đã đánh thực dân Pháp nhiều trận lớn ở Phù Trù (nay thuộc Nghĩa Khánh), Chùa Vườn (Đô Lương). Vè "Kể chuyện Nguyễn Nguyên Thành đánh Tây" còn ghi lại sự kiện này: "Ông Cai kêu thì dạ/Ông Đội kêu thì vâng/Tất cả nghe lệnh quan Hường/Kéo quân về đánh trận Cồn Vườn/Có quân Xá, quân Mường/Hiệp tâm hiệp sức... (Vè Nghệ Tĩnh, Tập 14, NXB Nghệ An. 2004, trang 324).

Lớp hậu sinh chúng tôi ở quê bảy, tám chục năm sau đó tập tễnh vào học cấp I, giờ học lịch sử địa phương vẫn còn được thầy cô kể cho nghe về "Cuộc khởi nghĩa của Quan lớn Hường". Sao lại là Quan lớn Hường? Sau này tôi mới biết là vì kỵ húy tên của vua Tự Đức (Nguyễn Phúc Hồng Nhậm) mà gọi chệch chữ HỒNG trong phẩm hàm Hồng lô tự thiếu khanh của ông thành HƯỜNG. Đó là một giờ học chẳng có trong sách vở nào cả. Nhưng cô giáo đã kể rất hấp dẫn khiến cho cả lớp chúng tôi lặng phắc ngồi nghe. Như thấy lại hình ảnh của phủ Anh Sơn một thời náo động. Từng đoàn nghĩa binh rầm rập kéo đi. Gươm giáo sáng lòe. Hình ảnh Quan lớn Hường cưỡi ngựa oai phong lẫm liệt. Bài học vỡ lòng môn lịch sử địa phương (tiếc rằng sau này không thấy nữa?) đã khiến chúng tôi rất đỗi phấn khích, tự hào. Tôi đã thức đến khuya làm một "bài thơ" diễn tả lại cuộc khởi nghĩa ấy: "Ôi tự Cây Chanh rền vang vó ngựa/Dậy đất Đô Lương trống trận Quan Hường"! Lời lẽ bắt chước, sáo rỗng nhưng tinh thần thì khâm phục, tự hào thay!

Nhưng rồi phong trào Cần Vương chống Pháp của cả nước nói chung, Nghệ An nói riêng thời ấy bị đàn áp khốc liệt. Năm 1887, trong một trận tập kích, Nguyễn Xuân Ôn bị giặc Pháp bắt và mất mấy năm sau đó. Trước lực lượng và phương tiện vũ khí quá mạnh của quân xâm lược, nghĩa quân của Nguyễn Nguyên Thành phải lùi dần lên miền Tây Nghệ An, hội quân với nghĩa quân của Đinh Công Tráng (từ Thanh Hóa vào) ở vùng Cây Chanh, Ngũ Vó, định lập căn cứ dựa vào núi rừng hiểm yếu tiếp tục kháng chiến. Nhưng rồi Nguyễn Trung Trực bị phục kích và hy sinh. Nghĩa quân của Nguyễn Nguyên Thành cũng bị đánh úp ở Lãng Điền. Ông bị giặc bắt giải về Nhà lao Vinh và mất trong tù, giữa tháng 11-1887.

Đã 136 năm kể từ ngày ông mất. Lịch sử đã trải qua bao thăng trầm biến đổi. Nhưng quê hương và Nhân dân không quên ông, bậc danh sĩ yêu nước đã can trường hy sinh cho độc lập tự do của dân tộc. Nhà thờ tiến sĩ Nguyễn Nguyên Thành ở xã Đông Sơn đã được xếp hạng là di tích lịch sử cấp tỉnh. Một con đường ở thị trấn Đô Lương đã được mang tên ông. Đó là con đường đẹp và dài nhất ở trung tâm thị trấn, phía Bắc tiếp giáp đường 7 cũ đoạn đối diện ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phía Nam tiếp giáp với đường 7 mới cạnh Trung tâm thương mại và chợ truyền thống huyện. Thiển nghĩ, huyện Đô Lương cũng nên chọn một trường THPT để mang tên ông. Như huyện Diễn Châu có THPT Nguyễn Xuân Ôn, huyện Yên Thành có THPT Lê Doãn Nhã. Cùng với Nguyễn Nguyên Thành, họ là ba bậc trí thức tiêu biểu, ba lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Cần Vương ở Nghệ An thế kỷ XIX. Xứng đáng thay!

NHẠC SĨ MAI CƯỜNG
Những nốt giáng thăng trong trẻo

TRỊNH HỒNG LỰU

Khi đi lưu diễn ở các vùng quê, từ sáng sớm, chúng tôi thường nghe loa phóng thanh của các làng, xã vang vọng câu hát da diết tình: *"Anh đến tìm em dưới dàn hoa tím. Mong nhớ anh về như đồng nắng mong mưa..."*. Mọi người cũng chỉ nghe người dẫn chương trình giới thiệu tác giả là Mai Cường mà ít ai biết được rằng ca khúc "đi cùng năm tháng" ấy là anh sáng tác cho một tình huống kịch trong vở diễn *"Dấu chân người trước"* của sân khấu Cải lương vào những năm 70 của thế kỷ XX. Ngoài những tác phẩm mà lớp trẻ bây giờ vẫn ngỡ như vừa sáng tác hôm qua như: *"Áo cánh nâu non"*; *"Quê hương vọng mãi lời Người"*, *"Nghệ An bài ca mới"*... thì người nhạc sĩ tài hoa ấy dù ra đi khi đang độ chín của tài năng vẫn kịp để lại cho đời một "kho báu" về âm nhạc, góp phần làm phong phú kho tàng âm nhạc xứ Nghệ, âm nhạc Việt Nam.

Quê anh ở Nam Đàn, Nghệ An. Anh là con trai thứ ba trong một gia đình có tám anh chị em. Nhờ được thừa hưởng cái gen âm nhạc từ cha anh - ông Mai Văn Nghi, Nhạc trưởng, Phó Trưởng đoàn Cải lương Dân doanh Nghệ An thời ấy nên cái năng khiếu về âm nhạc của anh đã được phát sáng từ lúc còn nhỏ. Thời những năm của thập niên 50 của thế kỷ XX, xứ Nghệ chưa có trường lớp âm nhạc, thế nên những người nhạc công (đặc biệt là âm nhạc dân tộc) chỉ được học truyền nghề, bắt chước... vậy mà, với bản tính chịu khó, kiên trì và thông minh vốn sẵn, qua những đêm rong ruổi cùng cha mẹ đi biểu diễn với Đoàn, anh đã chính thức trở thành nhạc công violon của đoàn Cải lương. Năm 1969 - 1977 anh là con số biên chế chính thức của Đoàn.

Qua mỗi đêm diễn, tiếng đàn của cậu thiếu niên hiền lành, điềm tĩnh, ít nói ấy lại vang lên, réo rắt đầy cảm xúc và sáng tạo. Có những chỗ cậu không thể hiện tiếng đàn theo phân phổ mà "phiêu" theo cách của mình để cuối cùng lại trở về tổng phổ. Đã có biết bao cuộc tranh luận nảy lửa giữa "cậu" với dàn nhạc nhưng lãnh đạo Đoàn và chỉ huy dàn nhạc vẫn ra hiệu cứ để "cậu" phiêu. Nhận thấy đây có thể sẽ là một tài năng âm nhạc cho tương lai, lãnh đạo Ty Văn hóa Thông tin Nghệ An và Đoàn Cải lương cử "cậu" đi học. Cuối năm 1977, "cậu" chính thức là sinh viên lớp đại học sáng tác và lý luận phê bình âm nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Hà Nội. Mười năm sau, năm 1987, tốt nghiệp ra trường với tấm bằng loại ưu, anh trở về Nghệ An và được phân công làm Phó Hiệu trưởng Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Nghệ Tĩnh.

Đối với lớp Diễn viên K2 chúng tôi hồi ấy, lúc đầu anh chưa có ấn tượng gì cả; chỉ thấy Mai Cường là một thầy Hiệu phó với khuôn mặt nghiêm nghị, ít nói..., một nhà giáo khó gần hơn là một nghệ sĩ. Thế nhưng, khi được xem anh tập nhạc cho vở diễn *"Đứa con ngoài giá thú"* của lớp, trông phong thái anh chỉ huy dàn nhạc và được nghe nhạc của anh trong từng trường đoạn kịch, đặc biệt là lớp diễn "con quạ đen" Phi Nga xỉa xói, khinh khi... oán trách thằng chồng bội bạc, anh đã phối hợp âm nhạc hiện đại với làn điệu Giặm Nghệ tĩnh tạo nên một lớp diễn bi hài đầy dí dỏm và tinh tế cả về âm nhạc và diễn xuất. Cả lớp chúng tôi phấn khích và có ấn tượng về Mai Cường từ đó. Anh không khó tính như chúng tôi tưởng mà ngược lại rất hòa đồng, dễ cảm thông. Anh nói: "Vợ con anh ở nhà rất vất vả, hy sinh cho anh ăn học 10 năm trời nên anh hiểu được cái khốn khó của các em. Có gì khó khăn các em cứ mạnh dạn đề xuất với BGH nhà trường...". Là người thầy nhưng trước hết là người nghệ sĩ nên anh dễ cảm thông với mọi người, với học trò, đồng nghiệp.

Sau vở *"Đứa con ngoài giá thú"*, anh chỉ đạo tiếp tục dựng một số vở diễn như: *"Tiếng khóc chào đời"*, *"Tình em trong mắt anh"*... rồi cử BCH Đoàn trường và Khoa Sân khấu tổ chức học sinh đi về các miền quê biểu diễn. Thầy trò bươn bả hết xã này sang huyện khác, khổ nhưng mà hạnh phúc vô cùng. Sau đận ấy, lớp chúng tôi cũng tốt nghiệp ra trường. Anh được cử về làm Trưởng đoàn Ca Múa Nghệ Tĩnh (1989 - 1991). Giai đoạn tách tỉnh và sáp nhập các đơn vị nghệ thuật, anh được giao nhiệm vụ làm Trưởng phòng Quản lý nghệ thuật - Sở Văn hóa Thông tin Nghệ An. Có thể nói đây là giai đoạn khó khăn nhất trong các giai đoạn khó khăn của người nghệ sĩ. Cơ chế thị trường bắt đầu. Nhiều người không đủ điều kiện và dũng khí để theo nghề. Vợ anh - chị Thu Hải là nhạc công đàn thập lục của đoàn Cải lương cũng đành ngậm ngùi lui về phía sau nuôi ba đứa con giúp anh theo đuổi con đường nghệ thuật. Các nghệ sĩ đêm biểu diễn, ngày làm đủ thứ nghề để nuôi nghệ thuật nhưng với anh thì không. Anh cương quyết: "Sân khấu là thánh đường, nghệ sĩ là ông hoàng, bà chúa... Nó thanh cao lắm. Anh thà viết nhạc được dăm ba đồng...". Anh nói nhiều lắm và mắt anh ướt nhòe: "Anh phải chấp nhận để vợ bỏ nghề về làm kẹo cu đơ nuôi anh và ba đứa con, đó là một sự sỉ nhục. Anh có lỗi với vợ và các con"... Rồi anh chậm rãi quả quyết: "Anh sẽ cố gắng nuôi sống gia đình anh bằng âm nhạc". Nói thế và anh làm được thế.

Có một điều đặc biệt, lúc mới tiếp xúc, ai cũng thấy anh luôn có gương mặt nghiêm nghị, nhưng thực ra anh rất dí dỏm, hài hước, chan hòa và nhân ái. Hồi ấy, mỗi chuyến đi biểu diễn, dù rất vất vả nhưng anh chị em trong Đoàn luôn vui vẻ và tình cảm gắn kết. Đó là nhờ vào vai trò của người thủ lĩnh là anh - một người lãnh đạo rất thấu hiểu, trân trọng, thương yêu và chia sẻ khó khăn với anh chị em nghệ sĩ. Anh đã từng ăn cơm trong một cái bát vỡ mất gần nửa để dành bát lành cho anh chị em nghệ sĩ. Đó là sự trân trọng cao thượng của anh dành cho

đồng nghiệp mà không phải ai cũng làm được.

Năm 1992, anh lại được cấp trên điều động về làm Trưởng đoàn Ca Múa Kịch. Anh vừa chỉ đạo nghệ thuật vừa làm tổng đạo diễn âm nhạc cho các chương trình, vở diễn của Đoàn. Bận rộn lắm, nhưng khi đơn vị tôi mời anh viết nhạc cho vở *"Viên ngọc lưu ly"*, đạo diễn - NSND Lê Hùng đánh giá rất cao về âm nhạc của anh, về tính chuyên nghiệp trong phong cách làm việc của anh. Như vớ được vàng, từ đó anh và đạo diễn Lê Hùng rong ruổi khắp Bắc, Trung, Nam phối hợp xây dựng các vở diễn, chương trình cho các đơn vị từ Trung ương xuống địa phương. Nhiều chương trình, vở diễn tham gia các Hội diễn, Liên hoan Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc; Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc đạt được nhiều giải thưởng cao. Chương trình *"Quê hương non nước hữu tình"* của Đoàn Ca Múa Kịch Nghệ An do anh chỉ đạo nghệ thuật đạt Huy chương Vàng Hội diễn Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc năm 1995; vở *"Người không thể chết"* của Đoàn Kịch Quảng Ninh - Huy chương Vàng Hội diễn SKCNTQ năm 1995; vở *"Người không cô đơn"* của Đoàn Kịch Thái Bình - Huy chương Vàng Hội diễn SKCNTQ năm 1997, vở *"Con đò của Mẹ"* của Đoàn Ca Múa Kịch Nghệ An - Huy chương Bạc Hội diễn SKCNTQ năm 1997. Anh là tác giả âm nhạc cho tác phẩm múa *"Hoa phong lan trên đỉnh Truông Bồn"* - HCV Hội diễn Ca Múa Nhạc toàn quốc năm1995. Anh còn là nhạc sĩ đầu tiên cũng là nhạc sĩ duy nhất ở Nghệ An cho đến nay viết được dòng nhạc ARIA dành cho kịch hát mới. Hàng loạt vở diễn trong tỉnh, ngoại tỉnh do anh viết và đạo diễn âm nhạc đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn bè đồng nghiệp và công chúng. Chả thế mà với một nhạc sĩ tỉnh lẻ vừa chỉ đạo nghệ thuật ở Đoàn anh vẫn được các Nhà hát mời cộng tác và hoàn thành một cách xuất sắc. Anh bằng lòng với cuộc sống đạm bạc, với những đồng thù lao âm nhạc ít ỏi để nuôi vợ và ba con cũng đang theo đuổi con đường âm nhạc tại Nhạc viện Hà Nội.

Về sau, anh được điều về làm Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Hội VHNT Nghệ An (năm 1997 đến năm 2011). Anh tạ thế ngày 15 tháng 7 năm 2011 khi đang độ chín của tài năng.

Anh ra đi, lỡ hẹn với nhiều tác phẩm lớn hơn, nhưng vẫn kịp để lại cho đời một gia tài âm nhạc rất đáng trân trọng. Đó là âm nhạc của 36 vở kịch hát mới, kịch nói, cải lương, dân ca; của 4 tác phẩm nhạc múa chuyên nghiệp; gần 50 tác phẩm thanh nhạc mà cho đến nay vẫn được các Đoàn Ca Múa chuyên nghiệp dàn dựng, biểu diễn trên sân khấu ca múa nhạc, Đài PTTH Trung ương, địa phương. Anh là chủ nhân của nhiều giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, UNICEP Việt Nam, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, giải thưởng VHNT mang tên Hồ Xuân Hương...

Nhiều người cho rằng anh cực đoan, chấp nhận một đời đạm bạc để gìn giữ tình yêu với âm nhạc. Nhưng tôi nghĩ: Anh đã sống đúng mình. Vì, với anh, âm nhạc là một thứ ma lực. Âm nhạc và anh luôn cuốn hút lấy nhau, hấp dẫn nhau để thăng hoa dâng hiến cho nghệ thuật. Anh đã tìm được niềm hạnh phúc giản dị, khiêm nhường nhưng rất đỗi thanh cao trong từng nốt nhạc.

Mai Cường! Anh là những nốt giáng thăng trong trẻo của của âm nhạc Xứ Nghệ.

Du khách quét mã QR code để nhận thông tin về di tích và hiện vật khi tham quan Văn Miếu - Quốc Tử Giám
Ảnh: Linh Tâm

Vài suy nghĩ về số hóa di sản văn hóa

BÙI HÀO

Số hóa di sản văn hóa (DSVH) là vấn đề đang được nhiều người quan tâm. Nó trở thành một nội dung trong chương trình số hóa của Nhà nước và các địa phương. Sự phát triển của khoa học công nghệ là yếu tố then chốt để tiến hành số hóa các DSVH. Nhưng số hóa DSVH là một vấn đề vô cùng phức tạp chứ không đơn giản như nhiều người nghĩ. Ngay khái niệm số hóa DSVH là gì còn đang gây ra nhiều sự tranh cãi, nói gì tới việc thực hiện số hóa DSVH như thế nào. Điều đó đòi hỏi cần có những thảo luận nghiêm túc hơn về vấn đề này nhằm có những gợi mở cả về chính sách lẫn thực tiễn cho các chương trình số hóa DSVH hiện tại và tương lai gần.

Số hóa di sản văn hóa

Dù cả nước nói chung, tỉnh Nghệ An nói riêng đang từng bước thực hiện chương trình chuyển đổi số, nhưng nhận thức về chuyển đổi số không phải là vấn đề đơn giản. Nhất là trong các lĩnh vực rộng lớn như văn hóa, thế nào là chuyển đổi số lại càng thêm khó để định nghĩa, và càng khó hơn khi vận dụng vào các lĩnh vực cụ thể như số hóa DSVH chẳng hạn.

Thế nào là số hóa DSVH? Câu hỏi này đã được thảo luận với nhiều người trong những bối cảnh khác nhau và nhận được nhiều cách hiểu khác nhau. Hầu hết những người liên quan trong lĩnh vực quản lý văn hóa đều cho rằng số hóa DSVH là đi tìm và lập danh mục các DSVH để đưa vào quản lý trong các phần mềm đặc thù của ngành. Nói chính xác thì đây là chuyển từ các danh mục, các hồ sơ dạng viết tay hay in giấy sang quản lý bằng phần mềm. Một số người hiểu rộng hơn một chút, cho rằng số hóa DSVH là sử dụng các trang thiết bị hiện đại như máy quay phim, máy chụp ảnh, máy ghi âm để đi ghi âm, chụp ảnh, quay phim lại các DSVH với những hình thức khác nhau và lưu giữ lại qua các bộ lưu trữ loại lớn hoặc các phần mềm quản lý. Thậm chí họ còn xây dựng các kịch bản cho các DSVH, nhất là di sản văn hóa phi vật thể để dễ bề "số hóa" các DSVH này. Hiểu như vậy phần nào cho thấy người ta đã quan tâm đến vấn đề số hóa DSVH. Việc sử dụng phần mềm quản lý các di sản hay các nội dung liên quan đến di sản cũng là một cách để số hóa. Hay việc đi ghi âm, ghi hình, chụp ảnh các DSVH để lưu giữ, quản lý cũng là số hóa DSVH. Hiểu như vậy không có gì sai, nhưng cũng chưa phải chính xác, nhất là trong bối cảnh mà các giá trị văn hóa vẫn còn nhập nhằng, các DSVH lại biến đổi liên tục, thì càng làm cho việc số hóa DSVH thêm phần khó khăn và thiếu hiệu quả hơn.

Đình Tiền Lệ (Huyện Hoài Đức, Hà Nội) được phục dựng bằng công nghệ thực tế ảo 3D. Nguồn ảnh: hanoimoi.vn

Ở đây, để thuận lợi hơn trong việc thực hiện số hóa DSVH, xin phép được đưa ra một cách hiểu rộng rãi về số hóa di sản trên cơ sở đặt DSVH gắn với cộng đồng chủ thể và các bên liên quan đến nó. Theo đó, chúng ta có thể hiểu rằng số hóa DSVH là một phương pháp bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH được thực hiện bởi các cộng đồng chủ thể và các bên liên quan nhằm giữ lại cả bề mặt biểu hiện lẫn nội dung, giá trị của di sản gắn với bối cảnh cụ thể cùng không-thời gian rõ ràng và hướng đến chủ thể quyết định dưới sự tương tác của các bên liên quan. Nói một cách khác, cũng là việc ghi âm, ghi hình hay chụp ảnh lại các di sản văn hóa để lưu giữ bằng phương thức hiện đại dưới sự hỗ trợ của khoa học công nghệ, nhưng không chỉ do các nhà quản lý thực hiện mà do cả cộng đồng chủ thể và các bên liên quan cùng tham gia thực hiện. Trong đó cộng đồng thủ thể là nhân tố trung tâm, giữ vai trò quyết định. Và họ cũng là lực lượng chủ chốt thực hiện việc số hóa DSVH của chính họ qua sự giúp đỡ của các đối tượng khác. Cách hiểu này nếu nhìn qua thì phức tạp, nhưng nếu phân tích rõ ra vai trò của các bên liên quan và cộng đồng chủ thể, cùng với đó làm rõ hơn vấn đề quản lý

số hóa DSVH thì sẽ cho ta nhiều giá trị tích cực.

Vai trò của cộng đồng chủ thể trong số hóa DSVH

Trong quá trình số hóa DSVH, cộng đồng chủ thể là nhân tố quyết định, là lực lượng chính để thực hiện công việc số hóa di sản và tham gia vào quá trình quản lý số hóa DSVH. Nói vậy không phải đi ngược lại với lập luận phía trên khi nhận định hiện nay ngành văn hóa đang là lực lượng chính thực hiện và quản lý công tác số hóa DSVH. Nhưng như đã phân tích, hiện nay, số hóa DSVH đang mới chỉ bắt đầu ở một mức độ hẹp và do ngành Văn hóa thực hiện. Nhưng đến lúc phát triển mạnh và mở rộng ra theo cách hiểu phía trên thì cộng đồng chủ thể sẽ đóng vai trò quan trọng và là lực lượng chính, quyết định đến hiệu quả công việc số hóa DSVH.

Để rõ hơn điều này, cần phải hiểu khái niệm DSVH một cách sâu rộng hơn. DSVH không chỉ là những di sản đã được Nhà nước công nhận và xếp hạng, mà nó còn là các DSVH tồn tại và phát triển trong cộng đồng, được cộng đồng chấp nhận dù nó chưa được xếp hạng về di tích hay di sản phi vật thể. Như vậy, nhiều DSVH là những thực hành văn hóa hàng ngày của người dân, của cộng đồng và là những biểu hiện rõ ràng nhất của bản sắc văn hóa cộng đồng. Một nghi lễ vòng đời hay nghi lễ liên quan đến đời sống sản xuất, một điệu múa truyền thống, một bài mo, bài cúng, cách chuẩn bị và chế biến một món ăn... và nhiều lĩnh vực khác của cuộc sống... đều là những DSVH gắn với chủ thể. Nó cũng là những biểu hiện của bản sắc văn hóa cộng đồng. Hầu hết những DSVH này lại đang tồn tại và phát triển trong cộng đồng, chưa được công nhận chính thức hay ít được quan tâm hơn các DSVH đã được công nhận và xếp hạng. Vậy nên, công cuộc số hóa DSVH, bên cạnh số hóa các di sản đã được công nhận và xếp hạng thì còn phải số hóa những di sản gắn liền với hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của con người, của cộng đồng. Trong công cuộc số hóa này, cộng đồng chủ thể sẽ là lực lượng chính để thực hiện. Họ là nhân tố quyết định và trực tiếp thực hiện nếu như được tăng quyền và trao quyền trong vấn đề này.

Ngày nay, có rất nhiều người trong các cộng đồng biết sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet. Hầu như gia đình nào cũng có một vài người biết sử dụng. Nếu hướng dẫn cho họ biết cách thức để ghi âm, ghi hình và chụp ảnh lại các DSVH hiểu theo nghĩa rộng thì họ sẽ tự làm một cách hiệu quả. Chẳng ai hiểu rõ các yếu tố văn hóa bằng chính chủ thể và họ cũng là nhân tố quyết định đến bản sắc hay biến đổi văn hóa. Nên việc trao quyền số hóa DSVH cho chủ thể là điều cần thiết. Các bên liên quan khác bao gồm cả cán bộ văn hóa, chính quyền địa phương, các nhà khoa học, doanh nghiệp... cần hỗ trợ họ trên các phương diện như có hệ thống chính sách, hành lang pháp lý, thay đổi nhận thức và nâng cao các kỹ năng về số hóa di sản. Đặc biệt, xây dựng một hệ thống dữ liệu quan trọng để người dân có thể tự chuyển tải tư liệu của mình sau khi số hóa lên hệ thống nhằm quản lý và chia sẻ được. Như vậy, mỗi người dân bình thường có thể quay lại việc chuẩn bị một bữa cơm hay chuẩn bị và thực hành một nghi lễ một cách đầy đủ và theo cách

hiểu của họ để tạo thành một dữ liệu liên quan đến DSVH mà họ đang thực hành. Và có hàng chục triệu người có thể làm chuyện đó, tạo nên một hệ thống dữ liệu về DSVH cộng đồng có thể tương tác và chia sẻ sâu rộng, hạn chế việc mai một DSVH cũng như có thể nghiên cứu để tìm hiểu sự biến đổi văn hóa qua các trường hợp cụ thể.

Trong quá trình đó, cộng đồng chủ thể quyết định sẽ số hóa DSVH nào và thực hiện số hóa theo cách nào cũng như sẽ quyết định nội dung di sản được số hóa. Nó khác với các kịch bản được chuẩn bị từ những người bên ngoài cộng đồng vốn mang tính chủ quan. Điều quan trọng là người dân cần được hỗ trợ từ ngành Văn hóa, chính quyền địa phương, các nhà khoa học, các doanh nghiệp hay các tổ chức xã hội để có đủ điều kiện thực hiện số hóa và cách thức cũng như năng lực để quản lý và chia sẻ hệ thống dữ liệu về DSVH của mình khi thực hiện quá trình số hóa.

Quản lý quá trình số hóa DSVH

Đây là vấn đề vô cùng phức tạp và khó thực hiện. Nếu như chỉ số hóa những DSVH đã được công nhận và được xếp hạng thì việc quản lý gần như được mặc định bên ngành Văn hóa. Điều này có thể đảm bảo an toàn nhưng lại rất khó để các nhà nghiên cứu tiếp cận được và cả cộng đồng chủ thể cũng không nắm được chứ chưa nói đến việc tương tác với nhau. Còn khi tạo ra một hệ thống dữ liệu mở về DSVH của các cộng đồng đã được số hóa thì việc quản lý cần phải phù hợp. Dữ liệu mở nghĩa là có thể tạo điều kiện cho nhiều người tiếp cận, chia sẻ và tương tác. Nó thuận lợi là tiếp nhận được nhiều ý kiến trái chiều, cũng như có những sự bổ sung liên tục cho kho dữ liệu số hóa, làm cho người ta rõ hơn về DSVH của các cộng đồng. Nhưng điều này cũng gây ra những khó khăn trong việc quản lý. Sở dĩ chính quyền địa phương hay ngành Văn hóa thắt chặt quản lý DSVH vì sợ nếu quá cởi mở và tương tác thì ai cũng sẽ tiếp cận được và làm cho mất mát hay biến đổi bản sắc văn hóa. Nhưng như vậy thì việc số hóa DSVH nhất là với những di sản gắn với đời sống thường nhật mà chưa được công nhận và xếp hạng sẽ rất khó khăn.

Một hệ thống dữ liệu văn hóa mở được cộng đồng chủ thể chia sẻ là một bước đi quan trọng trong quá trình số hóa di sản. Sự tương tác văn hóa đang ngày càng mạnh mẽ nên việc xây dựng các hệ thống dữ liệu mở không chỉ không làm mất đi quyền hay trách nhiệm của chủ thể và các bên liên quan, mà trái lại còn giúp đỡ cho cả chủ thể lẫn các bên liên quan hiểu và tôn trọng nhau hơn trong quá trình phát triển. Trên thế giới, nhiều hệ thống dữ liệu mở được các nhà khoa học xây dựng và kêu gọi người dân chủ thể tham gia tích cực đã và đang ngày càng lớn mạnh. Điều đó làm cho hạn chế hết mức có thể các định kiến về cộng đồng chủ thể khi mà bức tranh văn hóa của họ ngày càng được nhiều người biết đến đầy đủ hơn, toàn diện hơn dù chưa được khám phá hay trải nghiệm. Tuy nhiên, cũng có nhiều vấn đề nhạy cảm mà các quốc gia hay chính quyền địa phương không muốn phổ biến thì việc xây dựng hệ thống dữ liệu mở cũng gặp khó khăn vì liên quan đến vấn đề quản lý dữ liệu số hóa.

Để hướng đến một hệ thống dữ liệu mở về DSVH trong quá trình số hóa thì cần có những phân cấp quản lý nhất định. Theo đó, các di sản đã được công nhận và được xếp hạng thì giao cho các cơ quan chức năng quản lý nhưng cố gắng cởi mở để quảng bá văn hóa. Đối với hệ thống dữ liệu văn hóa được người dân cộng đồng chủ thể chia sẻ thì cần có những cơ chế để cộng đồng tự quản gắn với các bên liên quan. Như vậy, cộng đồng chủ thể và các bên liên quan có thể tương tác với nhau để cùng quản lý và cùng chia sẻ hệ thống dữ liệu do mình tạo ra. Muốn vậy, cần phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả người dân chủ thể văn hóa lẫn các bên liên quan, tôn trọng lẫn nhau để cùng chung tay bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trong quá trình số hóa di sản.

Phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống ở Thừa Thiên Huế hiện nay

LÊ VĂN HÀ(*) - TRẦN THỊ HỢI(**)

Thừa Thiên Huế là một vùng đất có bề dày lịch sử và giàu truyền thống văn hóa, là thủ phủ của chúa Nguyễn xứ Đàng trong và kinh đô của triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam - triều đại nhà Nguyễn. Đặc biệt, nơi đây còn ghi dấu những năm tháng niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người trong khoảng 10 năm (từ năm 1895 đến năm 1901; từ năm 1906 đến năm 1909). Trong khoảng thời gian gần 10 năm ấy và mối quan hệ tình cảm thiêng liêng giữa Người với Thừa Thiên Huế sau này đã để lại cho vùng đất này một di sản văn hóa vật thể, phi vật thể hết sức phong phú, đa dạng, mang giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh sâu sắc và có vị trí quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa của Người trên toàn quốc.

Với những giá trị vốn có ấy, đặc biệt lại nằm ở vùng đất giàu truyền thống văn hóa và cách mạng như Thừa Thiên Huế, việc phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ rất thuận lợi và đóng một vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt là trong hoạt động du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống ở Thừa Thiên Huế hiện nay.

Nhà 112 Mai Thúc Loan - Huế là nơi từng gắn bó với thời thơ ấu của Bác Hồ. Ảnh: Ngọc Văn

1. Phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động du lịch

Qua thống kê khảo sát bước đầu, ở Thừa Thiên Huế hiện nay còn khoảng 20 di tích và địa điểm di tích về Bác Hồ hoặc liên quan trực tiếp đến gia đình Người[1]. Trong đó có 4 di tích được Nhà nước công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp quốc gia bao gồm: Di tích nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở 112 Mai Thúc Loan; Di tích nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Dương Nỗ; Di tích Đình làng Dương Nỗ; Di tích trường Quốc Học Huế và 5 di tích, địa điểm di tích xếp hạng cấp tỉnh: Địa điểm di tích trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba; Điểm di tích Bến Đá; Điểm di tích Am Bà; Địa điểm di tích tòa Khâm sứ Trung kỳ; Điểm di tích mai táng bà Hoàng Thị Loan (thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh). Qua đó cho chúng ta thấy hệ thống di tích và địa điểm di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người ở Huế còn lại khá nhiều. So với hệ thống di tích và địa điểm di tích của Người trên toàn quốc thì đây là một điều đáng ghi nhận và là niềm tự hào của người dân xứ Huế.

Với sức lan tỏa của một nhân cách tư tưởng lớn, của một anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất, như một lẽ đương nhiên, Bảo tàng và hệ thống di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên toàn quốc trở thành những điểm tham quan hấp dẫn, thu hút một lượng lớn khách trong và ngoài nước. Du khách đến đây vừa tìm hiểu về thân thế của một con người đã hiến trọn cả cuộc đời mình cho sự nghiệp độc lập của dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân, vừa trở về với đạo lý *"uống nước nhớ nguồn"*, và trở về những giá trị nhân văn cao đẹp.

Ngoài đặc điểm chung ấy, thì hệ thống di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế còn có thế mạnh và tiềm năng riêng trong hoạt động tham quan du lịch như:

Trong hệ thống Bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên toàn quốc, Bảo tàng và di tích lưu niệm về Người ở Thừa Thiên Huế có một vị trí quan trọng sau Khu di tích Kim Liên ở Nghệ An và các di tích ở Thủ đô Hà Nội. Bởi xứ Huế là nơi ghi đậm dấu ấn những năm tháng niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nơi đây Người cùng gia đình sinh sống, lao động, học tập và tham gia các hoạt động yêu nước. Huế đã trở thành quê hương thứ hai của Người, là mảnh đất góp phần ươm mầm, nuôi dưỡng và bước đầu hình thành tư tưởng yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để từ đó thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước. Cho nên, khi tìm hiểu về cuộc đời, thân thế và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta không thể không tìm đến Huế. Những di sản mà Người để lại nơi đây là gạch liền nối trọn cuộc đời 79 mùa xuân của một anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất.

Mặt khác, hệ thống di tích nằm ở vị trí thuận lợi gần các trục đường giao thông; bản thân các di tích mang trong nó tính thẩm mỹ và nghệ thuật, du khách đến tham quan ngoài việc tìm hiểu về quảng thời gian Người ở Huế còn được chiêm ngưỡng những khung cảnh đẹp, thơ mộng của thiên nhiên hòa quyện với kiến trúc cổ kính, tạo một cảm giác gần gũi, thân thương và yên bình...

Hơn nữa, hệ thống di tích lưu niệm của Người nằm trên địa bàn quần thể di tích Cố đô Huế - di sản văn hóa thế giới, đồng thời là trung tâm văn hóa - du lịch, là thành phố Festival, thành phố du lịch Sạch ASEAN nên hàng năm thu hút lượng khách lớn trong nước và quốc tế đến tham quan. Đây là những điều kiện hết sức thuận lợi để tăng lượng khách đến Bảo tàng và hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế.

Theo thống kê của Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế trong những năm gần đây lượng khách đến tham quan Bảo tàng và hệ thống di tích ngày càng tăng: năm 2015 đạt gần 91 ngàn lượt người; năm 2016 hơn 94 ngàn lượt người; năm 2017 hơn 102 ngàn lượt người; năm 2018 là 112 ngàn lượt người; năm 2019 (tính đến hết ngày 15/11/2019) là hơn 120 ngàn lượt người. Điều này thể hiện sự trân trọng và lòng thành kính của công chúng đối với di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế. Đồng thời, cũng là điều kiện hết sức thuận lợi cho trong công tác quảng bá và phát triển du lịch ở vùng đất sông Hương núi Ngự.

Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả việc phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động du lịch ở Thừa Thiên Huế hiện nay, chúng ta cần phải thực hiện tốt một số công việc sau:

Thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Bảo tàng và di tích, điều này cần có sự phối hợp với các đơn vị, cơ quan, ban ngành và trường học, tổ chức những hoạt động có ý nghĩa vào những ngày lễ lớn của quê hương đất nước với nhiều hình thức hoạt động và nội dung phong phú. Ngoài việc đến tham quan, dâng hương, dâng hoa, kết nạp Đoàn, Đội, phải tổ chức thêm những chương trình hoạt động khác như tổ chức các trò chơi dân gian, thi tìm hiểu, xây dựng phòng khám phá... cho học sinh, sinh viên và du khách tham quan, để mọi người đến đây vừa tìm hiểu học tập vừa được vui chơi giải trí.

Hiện nay, hệ thống bia biển chỉ dẫn về các di tích chưa có hoặc có nhưng đã bị hư hại, cho nên cần thiết cắm lại toàn bộ hệ thống bia biển về các di tích, đặc biệt là di tích ở 112 Mai Thúc Loan và cụm di tích ở làng Dương Nỗ, để tạo điều kiện thuận lợi cho du khách tới tham quan. Đồng thời, đẩy mạnh việc quảng bá sâu rộng về hệ thống di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế qua trang Website của Bảo tàng... Từ đó, khi du khách đến Huế, ngoài việc đến với quần thể di tích Cố đô - di sản văn hóa thế giới, đến với thành phố Festival, còn đến với hệ thống di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, để nâng cao chất lượng và tương xứng với di sản văn hóa của anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất, tỉnh Thừa Thiên Huế cần có chiến lược phát triển bền vững cho hệ thống di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh

Di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở 112 Mai Thúc Loan (số mới 158), thành phố Huế

trên địa bàn. Đồng thời, phải đặt hệ thống di tích của Người trong tổng thể quy hoạch phát tiển du lịch của tỉnh, cần phải gắn kết với các đơn vị, công ty lữ hành và du lịch để kết hợp xây dựng tour tuyến tham quan. Trong quá trình xây dựng các tour tuyến cần phải có sự kết hợp giữa hệ thống di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh với quần thể di tích Cố đô và hệ thống di tích lịch sử cách mạng một cách hợp lý, khoa học, để tạo điều kiện thuận lợi cho du khách có điều kiện tiếp cận được với nhiều loại hình di tích khác nhau trên địa bàn xứ Huế.

Hơn nữa, cần chú trọng bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ Bảo tàng đủ năng lực, trình độ, kỹ năng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ thuyết minh hướng dẫn, để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách... Đó chính là những việc làm thiết thực góp phần vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Nếu chúng ta thực hiện tốt những công việc trên chắc chắn ngày càng thu hút được lượng lớn du khách đến với Bảo tàng và hệ thống di tích, thực hiện tốt nhiệm vụ phát huy giá trị di sản văn hóa của Người trong hoạt động du lịch.

2. Phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bảo tồn văn hóa truyền thống

Hệ thống di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế ngoài giá trị về mặt khoa học lịch sử mà nó hàm chứa, còn là những công trình văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc tiêu biểu, bảo lưu nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Trong hệ thống di tích của Người ở Huế có 2 di tích là nhà rường truyền thống Huế: ngôi nhà 112 Mai Thúc Loan, ngôi nhà làng Dương Nỗ, là kiểu kiến trúc mà không gian sống hài hòa, gắn bó với thiên nhiên, với cỏ cây, hoa lá - *"văn hóa ở"* truyền thống của ông cha. Ba di tích có kiến trúc đình, miếu dân gian: Đình làng Dương Nỗ, Am Bà và miếu Âm Hồn, là những công trình văn hóa, nghệ thuật chứa đựng giá trị lịch sử và văn hóa đặc sắc. Đình làng, một trong những hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam *"cây đa, bến nước, sân đình"* là cội nguồn của lịch sử, là truyền thống văn hóa nuôi dưỡng bao tâm hồn người Việt. Am Bà, minh chứng cho sự giao thoa giữa hai nền văn hóa Việt - Chăm đó là tín ngưỡng thờ mẫu - thờ mẹ sông nước, là *"hằng số mẹ"*, một đặc trưng trong văn hóa Việt Nam. Còn miếu Âm Hồn là biểu tượng cao đẹp cho truyền thống đạo lý *"uống nước nhớ nguồn"* của dân tộc Việt Nam... Nhìn chung, các kiểu kiến trúc, nghệ thuật, điêu khắc trong hệ thống di tích đã tạo ra sự đa dạng, phong phú về kiểu dáng, độc đáo trong các đường nét, chi tiết chạm khắc tinh tế, sâu sắc trong sự hòa hợp giữa công trình với thiên nhiên, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Qua đó cho chúng ta thấy, hệ thống di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế còn bảo lưu được rất nhiều yếu tố văn hóa truyền thống. Chính vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích của Người ở đây, cũng là bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của Thừa Thiên Huế nói riêng và cả nước nói chung.

Như vậy, văn hóa truyền thống là một nét tiểu biểu trong di sản văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế. Chính vì thế trong quá trình tu bổ, tôn tạo, phục dựng di tích và phát huy di sản văn hóa của Người chúng ta cần chú ý, quan tâm đến điều này.

Để bảo tồn được các giá trị truyền thống trong hệ thống di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế chúng ta cần lưu ý đến việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, công việc đó phải thực hiện đúng nguyên tắc và thường xuyên. Bởi vì xứ Huế là vùng thiên nhiên khắc nghiệt, hàng năm thường chịu nhiều trận bão, lũ lớn, cộng với các di tích đã hơn một thế kỷ... nên dễ bị ảnh hưởng và xuống cấp. Vì vậy, để đảm

Các em học sinh tham quan di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở làng Dương Nỗ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

bảo tuổi thọ cho các di tích cần chú trọng công tác bảo vệ và tu bổ, đặc biệt những vùng địa hình thấp như cụm di tích ở làng Dương Nỗ. Cần có kế hoạch và định hướng để phục dựng, tôn tạo lại một số di tích trải qua bao thăng trầm biến thiên của lịch sử nay không còn nữa như: gian nhà trong *"Dãy Trại"*, trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba. Đồng thời, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm phạm làm ảnh hưởng đến di tích.

3. Kết luận

Việc phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh là một yếu quan trọng góp phần hình thành nên nền tảng tinh thần xã hội, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Nhân loại đã tổng kết được rằng, dù phát triển ở trình độ nào, mỗi quốc gia, mỗi đất nước đều không thể không tiến hành bảo tồn những di sản của ông cha. Hoạt động bảo tồn và phát giá trị di sản phải tuân theo quy luật tất yếu khách quan, không thể xem nhẹ trong hoạt động văn hóa xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Chính vì vậy, ngoài công tác bảo tồn, chúng ta cần chú trọng đến công tác phát huy giá trị của di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng. Và trong việc phát huy giá trị di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế hiện nay chúng ta cần chú trọng đến gắn kết giữa hoạt động du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống. Phát huy tốt được điều đó thì chắc chắn khi du khách đến Huế, nghĩ tới Huế không chỉ đơn thuần là sông Hương núi Ngự, là quần thể di sản văn hóa thế giới mà còn có di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chú thích:

* Trưởng phòng Tuyên truyền hướng dẫn Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế

** Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học Huế

1. Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2006), *Di tích - địa điểm di tích lưu niệm Bác Hồ và gia đình ở Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.10.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng - Ty Văn hóa Thông tin Bình Trị Thiên (1977), *Bác Hồ với Bình Trị Thiên,* t1, Xí nghiệp in Bình Trị Thiên, Huế.
2. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng - Ty Văn hóa Thông tin Bình Trị Thiên (1978), *Bác Hồ với Bình Trị Thiên,* t2, Xí nghiệp in Bình Trị Thiên, Huế.
3. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ Tỉnh (1985), *Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
4. Bảo tàng Hồ Chí Minh (2008), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (1994), *Dòng Hương nhớ Bác*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
6. Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2000), *Cụ Hồ ở giữa lòng dân*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
7. Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2003), *Âm vang thời Bác Hồ ở Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
8. Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2006), *Di tích - địa điểm di tích lưu niệm Bác Hồ và gia đình ở Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
9. Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2007), *Được mang họ Bác Hồ*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
10. Bảo tàng Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2008), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Nghiên cứu, xác minh tư liệu và di tích Hồ Chí Minh thời kỳ 1890 - 1911*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
11. Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (2004), *Di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (2007), *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

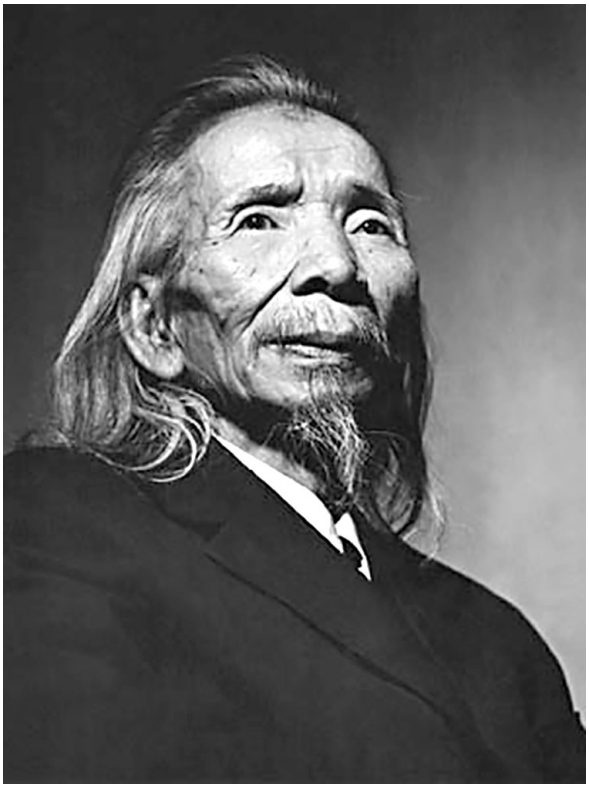

Nhà thơ Văn Cao (1923-1995)

THƠ VĂN CAO nhìn từ di sản văn hóa

BÙI TÙNG ẢNH

Thơ Văn Cao định vị trên văn đàn Việt Nam hiện đại

Nhạc sĩ, họa sĩ, nhà thơ Văn Cao (1923-1995) có tên trong các công trình: *Từ điển văn học. Bộ mới* (NXB Thế giới, 2004, tr. 1939-1941); *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam dùng cho nhà trường* (NXB Đại học Sư phạm, 2004, tr. 766-767); *Nhà văn Công an - Tác giả và tác phẩm* (NXB Công an nhân dân, 2005, tr. 51-56); *Nhà văn Việt Nam hiện đại* (in lần thứ V, NXB Hội Nhà văn, 2020, tr. 1442); tác giả *Tiến quân ca - Quốc ca*, là một trong những người tham gia thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1957; Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật, năm 1996.

Tác phẩm thơ: *Những người trên cửa biển* (trường ca, 1956), *Lá* (thơ, 1988), *Tuyển tập thơ Văn Cao* (1994). So với các nhà thơ cùng thế hệ thời hiện đại (sau 1945), Văn Cao làm thơ không nhiều. Nhưng thơ ông biểu đạt một quy luật vững như bàn thạch trong sáng tạo nghệ thuật "quý hồ tinh bất quý hồ đa". Văn Cao thuộc "Nhóm các nhà thơ xuất hiện và khẳng định trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, cũng khá đông đảo: Nguyễn Đình Thi, Trần Dần,

Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán, Quang Dũng, Văn Cao, Vũ Cao, Hoàng Lộc, Hồng Nguyên, Trần Hữu Thung, Minh Huệ, Minh Hiệu. (...). Họ là thế hệ muốn vượt lên thơ tiền chiến, vượt lên các nhà thơ lãng mạn 1932-1945, khẳng định một trào lưu thơ cách mạng đỉnh cao" (Nguyễn Bá Thành - *Toàn cảnh thơ Việt Nam 1945-1975*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, tr. 82); "Với tài năng nhiều mặt và những đóng góp to lớn của mình, Văn Cao có một vị trí đặc biệt trong nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại" (*Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam dùng cho nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, 2004, tr. 767); "Ông không đi lại con đường mòn người khác đã đi và luôn luôn dự cảm trước những thất bại của sự tìm kiếm "Người thành công nhất ngày nay phải lo tới cái thất bại ngày sau và người lo thất bại ngày nay cũng phải lo tới cái thất bại ngày sau" (*Mấy ý nghĩ về thơ*, Tạp chí Văn nghệ, tháng Bảy, 1957). Nhưng ông đã đem đến cho thơ một cách biểu đạt mới, không miêu tả hiện thực như thơ số đông buổi ấy, mà chỉ ghi lại một tia hồi quang của nó qua trái tim nhạy cảm của mình" (*Từ điển văn học. Bộ mới*, NXB Thế giới, 2004, tr. 1941). Theo cách đánh giá cao của giới nghiên cứu: "Bên cạnh Nguyễn Đình Thi, cần nhắc đến những mới mẻ trong tư duy nghệ thuật của thơ Văn Cao như *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc* (1945), *Ngoại ô mùa đông 1946* (Nguyễn Đăng Điệp - *Văn học trong những tầng sinh quyển văn hóa*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023, tr. 150). Tuy nhiên, thật sự chưa công bằng khi giới nghiên cứu - lý luận - phê bình văn học ít người dành tâm huyết và thời gian viết về một gương mặt thơ, phong cách thơ cho "ra tấm ra món", không tính đến *Người đi dọc biển* (tiểu thuyết chân dung) của nhà thơ - nhạc sĩ Nguyễn Thụy Kha. Cũng có thể coi chúng ta mắc nợ bậc tài danh thế kỷ.

Thơ Văn Cao phải lòng đất nước, con người Việt Nam

Thi sĩ Văn Cao làm thơ sớm. Mười sáu tuổi đã trình làng văn những bài thơ đượm buồn như *Li khách* (1939), *Linh cầm tiến* (1939). Tiếp nữa, trước khi đến với Cách mạng thơ ông vẫn trong dòng buồn sầu lệ như *Ai về Kinh Bắc* (1941), *Đêm ngàn* (1941), *Đêm mưa* (1941), *Một đêm tàn lạnh trên sông Huế* (1941), *Quê lòng* (1942), *Thu cô liêu* (1944)... Dấu son thơ Văn Cao, nếu có thể nói, ghi dấu từ *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc* (1945), *Ngoại ô mùa đông 1946*. Theo cách phân tích của giới nghiên cứu thì đó là thơ chuyển từ "hướng nội" đến "hướng ngoại" (*ngoại cảm* và *nội thương* trong quan hệ biện chứng). Những âm u bóng tối, những thê lương li khách, những thu cô liêu, những đêm tàn lạnh... bỗng chốc như không còn hiện diện dưới thanh thiên bạch nhật. Thoắt hiện ra đôi khi như ngỡ ngàng: "Reo lên! A reo lên/Xóm cùng khổ!/Reo lên! Reo lên!/Băng mình vào đạn lửa/Cuồn cuộn chảy xô lòng Hà Nội vỡ sóng lũ Hồng Hà. (....)/Cửa ô!/Cửa ô! Cửa ô!/Oai hùng/Dữ dội/A cửa ô... Nhà đổ thép quằn rung/Xóm âm u/Thành khối đen đặc quánh/Ơi ai ngâm mình hố lạnh/Gió mùa rú ghê người/Trăng đông dầm khe rãnh/Lưỡi lê đậu sương rơi/Cửa ô xa...cửa cô xa/Xưa đây lối xóm cầm ca/Bốn mùa ngả nghiêng sa đọa/Phường cũ tan tành vùi xóm lá/Mùa xuân về giữ chiếu hòa xa" (*Ngoại ô mùa đông 1946*, đăng tạp chí Văn nghệ số 3, tháng 4 &5, 1948). Nếu chúng ta nhớ lại sử văn thì 1948 là năm được gọi là "mùa thơ hoa lửa" hay "mùa thơ kháng chiến" - năm tưng bừng của những thi phẩm đi cùng năm tháng: *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Bên kia sống Đuống* của Hoàng Cầm, *Nhớ máu* của Trần Nai Ninh, *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Sớm mát trong như sớm năm xưa* của Nguyễn Đình Thi, *Đồng chí* của Chính Hữu, *Bầm ơi* của Tố Hữu, *Bài ca vỡ đất* của Hoàng Trung Thông... Theo dấu chân của thi nhân trong thơ hiện lên nước non ngàn dặm trải dài từ Bắc vào Nam, từ Đông sang Tây, từ kinh kỳ đến khúc ruột miền Trung: *Bến Ngự trên thương cảng* (1955), *Những người trên cửa biển* (trường ca, 1956), *Lên Tây Bắc* (1960), *Phố Phái* (1967), *Một đêm Hà Nội* (1967), *Người đi dọc biển* (1970), *Quy Nhơn I* (1985), *Quy Nhơn II* (1985), *Quy Nhơn III* (1985), *Đêm phá Tam Giang* (1987), *Huế xưa* (1987)... Thi nhân phải lòng quê hương, đất nước nên thơ ông có cái chất men say của sự đắm đuối, thiết tha: "Sinh ra tôi đã có Hải Phòng/Đầu nhà mới trồng cây mận/

Bãi sú bồi thành bến/Nhà máy xi măng đã dựng bên sông/Tôi nghe tiếng hát mẹ chiều ru võng/Những ca dao của đồng lúa quê hương/Những dáng còn lặn lội/Những cánh cò bồng bế tôi đi" (*Những người trên cửa biển*). Tôi đã đến Quy Nhơn nhiều ngày nhưng đọc thơ Văn Cao viết về miền đất văn chương này bỗng thấy như hoàn toàn mới lạ: "Quy Nhơn chúng ta/Vài dây buồm nhỏ/Vài con đường phố nhỏ/Và ngôi nhà nho nhỏ/Vẫn ngày đêm lấp lánh/Mang vết thương xưa/Ngày đêm làm ngọc/Chưa về Quy Nhơn / Mà nhớ em/Khuôn mặt càng dịu hiền/Càng lấp lánh/Lấp lánh" (*Quy Nhơn I*). Quy Nhơn hôm nay bề thế, khang trang, sầm uất hơn nhiều nhưng ấn tượng xuyên thời gian - xuyên văn hóa vẫn là một thị xã (xưa), thành phố (nay) ven biển êm đềm, trầm mặc, trầm tích lịch sử - văn hóa. Mùa thu gợi cảm hứng thi nhân và độc giả. Cũng đã không ít thi phẩm lưu giữ trong ký ức các thế hệ. Nhưng đọc thơ thu của Văn Cao vẫn cứ bồi hồi khôn xiết: "Gió cứ như không/Trôi qua cửa sổ/Một mảnh trời xám/Xuống dần/Xuống dần/Có tà áo trắng/Loang qua khung cửa/Mùa thu phai đi/Màu hoàng lan/Nghe ai nhắc/Người mong tìm gặp/Nắng chuyển dần/Trên thềm đá cũ/Mùa thu năm nay/Không mưa ngâu" (*Mùa thu*, 1992). Nói theo lý thuyết thì "điệu hồn" và "cấu trúc" của thơ trong trường hợp này, là của một chủ thể đã vào tuổi "xưa nay hiếm" (bảy mươi tuổi ta). Nên an nhiên, lão thực, vô ưu.

Thơ Văn Cao - đốt cháy trái tim đến thành trí tuệ, đốt cháy trí tuệ đến thành trái tim

Nhận định của chúng tôi về tính hài hòa trí tuệ và cảm xúc trong thơ Văn Cao không mâu thuẫn với đánh giá của các tác giả viết trong *Từ điển văn học (Bộ mới)* khi nhấn mạnh về dấu chỉ "ấn tượng" (như một trường phái/trào lưu/khuynh hướng - tiếng Anh: *Impressionism*): "Thơ Văn Cao là thơ ấn tượng, mọi sự vật đập vào ông đều gây ra những ấn tượng và xóa đi hình bóng thật của chúng". Giới nghiên cứu thường hay dẫn bài thơ *Lên Tây Bắc* để nói về "ấn tượng" (từ trực giác) như là "vị" của thơ Văn Cao: "Tôi lên Tây Bắc/Nhìn màu xanh mỏi mắt/Một màu xanh hư thực ước mơ". Nhưng trở thành "ấn tượng chủ nghĩa" thì phải kể đến những bài thơ khác nữa như *Mùa thu*: "Một mảnh trời xám/Xuống dần/Xuống dần. (...)/Mùa thu năm nay/Không mưa ngâu". Sát ván hơn là những ấn tượng về một xô bồ đời sống đầy tính chất nghiệm sinh/hiện sinh/lão thực: "Họ đến đây đông lắm/Những người tìm đám đông/Vòm trời hẹp những chiếc dù xanh đỏ/Uống rỗng những thùng bia/Uống đến hết một ngày đang hết/Uống đến hết một năm sắp hết/Còn liếm môi. (...)/Dưới những chiếc dù xanh đỏ/Những cốc bia sủi bọt/Vẫn liếm môi" (*Quán bia*).

Khi nói về sự hài hòa giữa cảm xúc và trí tuệ trong thơ Văn Cao, không thể không nhắc đến bài thơ *Năm buổi sáng không có trong sự thật* (1960). Bối cảnh ra đời bài thơ có tính đặc thù nếu chúng ta nhớ lại đó là khoảng thời gian thi sĩ gần như gác bút (theo nghĩa không sáng tác cả thơ, cả nhạc) vì những lý do ngoài nghệ thuật, nếu không nói là kinh qua một cuộc đại khủng hoảng phát triển. Bề ngoài có vẻ như bài thơ được bao bọc bằng một thứ "ảo giác" phiêu bồng, kỳ ảo. Nhưng bên trong là một sự khắc khoải, trăn trở, xót xa, chiêm nghiệm: "Ngủ dậy một sáng/Cả phố biến mất/Không một bóng người đi/Im lặng hồ nước sâu thăm thẳm" (buổi sáng thứ nhất); "Buổi sáng nay không nghe tiếng chim hót/Một buổi sáng không thật/Tôi bước đi không thấy tiếng chân đi/Cả thành phố cùng tôi im lặng/Tất cả những con người/Chỉ thấy mắt đen lay láy/Cả tiếng xe không thành tiếng/Tại sao? Tại sao?" (buổi sáng thứ hai). Cứ thế, năm buổi sáng không có trong sự thật tâm tưởng còn khách quan vật chất thì đương nhiên tồn tại (vì "thời gian là thuộc tính của vận động và phải được gắn với vật chất, vật thể", xét từ phương diện khái niệm triết học). Có thể đó là thời khắc thi sĩ đau đáu khao khát đi tìm (sau khi đối diện) mình - cái cá nhân có tính cá thể và cao hơn là tính bản thể. Một không gian - thời gian sống/tồn tại không có lợi cho sự khẳng định "cái tôi" thì cách suy tưởng của thi sĩ là có lý, có tình (tất cả đều có thể biến mất như chưa từng tồn tại). Thơ Văn Cao, xét trong quan hệ tinh hoa và đại chúng thì rõ ràng nghiêng trội về

phẩm chất đầu (có thể thuộc "trường thơ" Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, những người cùng thế hệ). Trong bài *Mấy ý nghĩ về thơ*, thi sỹ bộc bạch: "Đến với cuộc đời, nhà thơ không chịu đựng một sự may rủi mà phải chủ định thành lập nên sự thẩm mỹ mới cho người đọc, chủ động xây dựng con người biết tư tưởng cảm xúc và cảm giác tinh tế như mình trong xã hội đương thời và cả xã hội sau này. (...). Người ta yêu những người cố mở đường mà thất bại, yêu những người biết thất bại mà dám mở đường. Bởi vì những người đó đã nghĩ đến sự tiến bộ của nghệ thuật. (...). Chúng ta đọc một nhà thơ lớn như đi theo một dòng sông lớn " (in đầu sách *Thơ Văn Cao*, Sđd).

Thơ Văn Cao nặng tình yêu tiếng mẹ đẻ

Trong phạm trù "Văn hóa" có ba bộ phận cấu thành: *giá trị - bản sắc - ứng xử*. Khi nói đến phẩm chất văn hóa của nhà văn, cần thiết trước tiên nói về năng lực ứng xử với tiếng mẹ đẻ - Tiếng Việt - vì "Văn chương là nghệ thuật ngôn từ". *Chữ bầu lên nhà văn*. Nó là một định đề như trong toán học. Thi sĩ quan niệm: "Cuộc đời và nghệ thuật của nhà thơ phải là những dòng sông lớn càng trôi càng thay đổi, càng trôi càng mở rộng. Mỗi chữ, mỗi câu, mỗi bài thơ mở ra cái quãng ngược, quãng xuôi, những cái không nói tới mà người đọc càng tìm thấy mãi" (*Mấy ý nghĩ về thơ*, Sđd). Chọn chữ thơ là công việc tỉ mỉ đòi hỏi kỳ công, tuy không đến mức "thôi xao" như trong điển tích văn học cổ điển Trung Hoa, nhưng cũng là biết mấy mươi công trình. Chúng ta có thể hình dung, mỗi khi chọn một từ nào đó, thi sĩ có thể đặt nó trước mặt rồi suy tính kỹ càng. Một ví dụ trong bài thơ *Đêm mưa* (1941): "Sông chầm chậm chảy trong mưa/Nghe chừng cô gái đã thưa nhát chèo". Bình thường thì viết "mái chèo", song thi sĩ viết "nhát chèo". Có vẻ như lơ đãng, có vẻ như không cần cố gắng hay vội vã, cứ để mặc con thuyền chầm chậm trôi theo những "nhát chèo" nay đã thưa (thớt). Chữ "nhát" thay cho chữ "mái" đã nói được điển hình tâm trạng của con người (cụ thể ở đây là cô lái đò). Vì cuối cùng thì: "Thuyền ai vơ vẩn trôi sang bên này". Có vẻ như không rõ mục đích, định hướng. Một ví dụ khác, khi thi sĩ viết: "Ngã tư nghiêng nghiêng đốm lửa", "Ngã tư nghiêng nghiêng chia nẻo", "Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác" (*Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, 1945), hẳn khi ấy chưa mấy người để ý và bình về chữ thơ "nghiêng nghiêng". Mãi ba năm sau, khi thi sĩ Hoàng Cầm viết "Sông Đuống trôi đi/Một dòng lấp lánh/Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ" (*Bên kia sông Đuống*, 1948), thì giới nghiên cứu mới bàn về một khía cạnh thi pháp thơ Hoàng Cầm nằm gọn trong hai chữ "nghiêng nghiêng" (!?). Nói đến niềm mến yêu tiếng Việt và tạo tác nên sức biểu cảm lớn không thể không nhắc bài thơ *Ai về Kinh Bắc*: "Có ai cưỡi ngựa về Kinh Bắc/Tôi gửi nhờ đem hộ lá thư?/Trời hỡi! Ốm nằm trong quán trọ/Bạn bè còn lại mấy bài thơ/Trông qua song cửa: Trời vàng úa/Mấy lá bàng rơi nhắc nhở thu!/Chiều tím cũng đang chầm chậm xuống/Sương mù chìm lẫn lá vàng thưa/Hỡi người cưỡi ngựa về Kinh Bắc/Tôi gửi thư đưa hộ mẹ già/Cố thét song lời tôi yếu quá/Ngựa đều chân chạy nhạc càng xa" (1941).

Thơ Văn Cao, hôm qua và hôm nay

Khi đâu đó cất lên lời than vãn về thơ hôm nay đôi khi biến thành "thơ thẩn", có vẻ như cực đoan, song phải không có cái lý lẽ của nó. Có nhiều nguyên nhân khiến người đọc đang xa rời dần văn chương nói chung, thơ ca nói riêng bởi người viết văn, làm thơ dường như đang chui sâu, leo cao vào trong cái "tháp ngà nghệ thuật" của mình, thành ra "ngắm rớt", "nhắm rớt" (từ dùng của nhà văn Hoài Thanh trong tác phẩm *Nói chuyện thơ kháng chiến*, 1951) thế giới. Người nghệ sĩ ngôn từ sử dụng triệt để khả năng "bịa đặt", "hư cấu", "tưởng tượng" của mình mà lơ là thực hành phương châm sáng tác "sống đã rồi mới viết". Thơ (cũng như nhạc) Văn Cao đã cho chúng ta cảm nhận được một nguyên lý giản dị: "Càng tới gần cái cuộc sống đầy mâu thuẫn đấu tranh là càng như đi gần lại một kho thuốc nổ. Có người dao động sợ hãi và quay lưng. Có người vụng về mà làm nổ. Nhưng cũng có người can đảm biết làm nổ để mở đường" (*Mấy ý nghĩ về thơ*).

Chỉ ngăn ngừa bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái là chưa đủ, họ cần được nâng niu

HỒ BẤT KHUẤT

Nhiều diễn đàn về phòng chống bạo lực đối với phụ nữ được tổ chức (Trong ảnh: Tọa đàm phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên không gian mạng do Bộ Ngoại giao, Quỹ dân số LHQ, Bộ LĐTB&XH và Trường ĐH FBT tổ chức)

MỌI AI CŨNG THẤY PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM LÀ NHỮNG NGƯỜI LÀM ĐẸP CHO CUỘC SỐNG, HỌ LÀ NGUỒN CẢM HỨNG TẠO RA NHỮNG TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT SỐNG MÃI VỚI THỜI GIAN. ẤY THẾ MÀ HỌ LẠI LÀ NHỮNG NGƯỜI ĐANG HÀNG GIỜ, HÀNG NGÀY PHẢI CHỊU BẠO LỰC, BỊ ĐỐI XỬ BẤT CÔNG. VIỆC BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI VẪN LÀ MỘT VẤN ĐỀ THỜI SỰ, ĐÒI HỎI TẤT CẢ CHÚNG TA PHẢI QUAN TÂM.

Bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái vẫn là vấn đề cần được quan tâm hơn nữa

Cách đây gần một phần tư thế kỷ, chính xác là vào ngày 17/12/1999, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã quyết định lấy ngày 25 tháng 11 hàng năm là *Ngày quốc tế loại bỏ bạo lực đối với Phụ nữ*. Liên Hợp Quốc kêu gọi các chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ khắp thế giới tổ chức các hoạt động vào ngày này để nâng cao ý thức mọi người về tình trạng bạo hành với phụ nữ như "lạm dụng tình dục", "mãi dâm cưỡng bức", "du lịch tình dục", "cưỡng hiếp phụ nữ và trẻ em", "bạo hành trong gia đình", "quấy rối tình dục nơi công sở, công cộng"...

Và thế là ngày 25 tháng 11 hàng năm được coi là ngày lễ kỷ niệm mang tính quốc tế để các tổ chức, cá nhân bảo vệ quyền phụ nữ ở khắp nơi trên thế giới, không phân biệt ngôn ngữ, màu da phát động những chiến dịch thắp sáng ngọn lửa đấu tranh xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Đã có nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm tạo ra một thế giới bình đẳng, ở đó phụ nữ và trẻ em có quyền sống và mưu cầu hạnh phúc cho riêng bản thân mình. Đã có nhiều tiến bộ trên thực tế trong lĩnh vực này. Song, phải thừa nhận rằng, phụ nữ và trẻ em gái vẫn bị bạo hành ở khắp mọi nơi

dưới nhiều hình thức khác nhau. Điều này khiến các chính khách, các nhà hoạt động nhân quyền, các nhà khoa học, hoạt động văn hóa - nghệ thuật... trên thế giới không yên tâm. Tháng 10/2006, đã có tài liệu "Nghiên cứu về mọi hình thức bạo hành đối với phụ nữ" được đệ trình Liên Hợp Quốc, trong đó có những khuyến nghị cụ thể cho các quốc gia, với những phương sách hữu hiệu và những biện pháp phòng ngừa cùng việc phục hồi nhân phẩm phụ nữ.

Tuy vậy, nghiên cứu toàn cầu của Tổ chức Y tế thế giới năm 2013 vẫn chỉ ra rằng, có 35% phụ nữ trên toàn thế giới đã từng bị bạo lực về thể chất hoặc tình dục. Hiện nay họ vẫn tiếp tục là nạn nhân của "mãi dâm cưỡng bức", "tệ nạn buôn bán người", bị đối xử bất bình đẳng trong lĩnh vực lao động và tiền lương.

Việt Nam được thế giới công nhận là quốc gia tích cực hành động nhằm xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Trong nhiều năm gần đây, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có khung pháp lý nhằm bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em khá hoàn chỉnh và tiến bộ. Điều này được thể hiện trong các quy định của chính sách và pháp luật, bảo đảm bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được ban hành và thực thi như: "Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030"; "Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình giai đoạn 2010-2020"; "Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020"; "Quyết định 1464/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án "Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030"... Hơn thế nữa, trong Hiến pháp 1992 và Hiến pháp năm 2013 (khoản 1 Điều 26) cũng nêu bật điều này.

Tuy nhiên, công tác thực thi và giám sát thực thi kém hiệu quả đang là rào cản để Việt Nam tiến xa hơn nữa trong nỗ lực giải quyết các vấn đề của phụ nữ và trẻ em. Năm 2016 là năm đầu tiên Việt Nam triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. Mặc dù chưa có con số thống kê cụ thể mang tầm quốc gia nhưng theo số liệu gần đây của Tổ chức Action Aid tại Việt Nam, có tới 87% phụ nữ từ 2 thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từng bị quấy rối tình dục nơi công cộng; 67% người chứng kiến đã không có hành động gì. Tổ chức Plan Quốc tế tại Việt Nam cũng đưa ra con số là 31% em gái vị thành niên và thanh niên đã từng bị quấy rối tình dục ở nơi công cộng và trên các phương tiện giao thông công cộng; 11% học sinh tại 30 trường phổ thông của Hà Nội từng bị xâm hại, quấy rối tình dục. Riêng tình trạng xâm hại, bạo lực với trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái, trung bình có khoảng 1.000 vụ xâm hại tình dục mỗi năm, những năm gần đây đã tăng lên 1.400 vụ. Theo kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ Việt Nam do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê thực hiện thì 62,9% phụ nữ Việt Nam phải trải qua một hoặc nhiều hình thức bạo lực về thể chất, tình dục, tinh thần và kinh tế, hoặc chịu hành vi kiểm soát của chồng.

Bất bình đẳng giới vẫn là nguyên nhân cơ bản của tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Việt Nam đã quan tâm tới việc giải quyết vấn đề bất bình đẳng nam nữ. Tuy nhiên, tư tưởng "trọng nam khinh nữ" đã ăn sâu vào xã hội Việt Nam hàng ngàn năm nên giải quyết vấn đề này không hề dễ dàng. Dù chúng ta đã tiến hành giáo dục, tuyên truyền rộng rãi về lợi ích của việc thực hiện bình đẳng nam nữ. Cán bộ, công nhân, thậm chí cả nông dân đều tỏ ra hiểu biết vấn đề này nhưng trên thực tế nhiều người vẫn giữ nguyên trong đầu ý nghĩ phải có con trai nối dõi. Hiện nay, bất bình đẳng giới vẫn là nguyên nhân căn bản làm gia tăng tình trạng bạo lực, tình trạng phụ nữ và trẻ em gái bị cưỡng hiếp.

Bất bình đẳng giới còn làm nảy sinh một vấn đề rất nghiêm trọng, đó là mất cân bằng giới tính khi sinh. Vấn đề này đang và sẽ làm nghiêm trọng thêm sự mất cân đối trong cơ cấu dân số và sự phát triển bền vững. Ngay từ năm 2006, Việt Nam đã quan tâm tới vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh. Theo đó, tình trạng mất cân bằng sẽ xảy ra khi tỷ lệ bé trai so với bé gái thấp hơn 103 hoặc cao hơn 107. Tỷ số giới tính khi sinh của Việt Nam năm 2022 ở mức cao, khoảng 113,7 bé trai/100 bé gái. Tổng Cục Dân số đánh giá đây là vấn

Trung tâm Văn hóa tỉnh Nghệ An tổ chức tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình và phòng chống bạo lực gia đình tại Trường THPT Lê Lợi - huyện Tân Kỳ, Nghệ An. Ảnh: Hồng Minh

đề nghiêm trọng. Ở một số địa phương, chênh lệch giới tính khi sinh cao hơn mức bình quân cả nước, như Sơn La 117 bé trai/100 bé gái, Nghệ An là 116,6.

Chúng ta cần phải biết rằng, mất cân bằng giới sẽ ảnh hưởng xấu tới cấu trúc dân số trong tương lai, dẫn tới dư thừa nam giới. Tổng cục Thống kê dự báo Việt Nam sẽ thừa 1,5 triệu nam giới từ 15 đến 49 tuổi vào năm 2034. Về lâu dài, hậu quả của việc thiếu phụ nữ làm tăng áp lực kết hôn sớm đối với các em gái. Việc thiếu phụ nữ cũng khiến nạn mại dâm cũng tăng cao, tệ buôn bán phụ nữ tăng trở nên tinh vi và phổ biến hơn.

"Không được đánh phụ nữ, dù chỉ là một cành hoa!"

Câu nói nổi tiếng "Không được đánh phụ nữ, dù chỉ là một cánh hoa" càng ngày, càng có thêm ý nghĩa - chỉ ngăn ngừa bạo lực đối với họ là chưa đủ, họ cần được nâng niu, quý trọng. Để làm được việc này, chúng ta cùng một lúc phải làm rất nhiều việc.

Trước hết, cần có bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của mỗi người. Phải thấy rằng, đàn ông gọi là phái mạnh, có nghĩa vụ bảo vệ đàn bà được xem là phái yếu, phái đẹp, phái thơ. Điều này không được luật hóa nhưng nó là nền tảng trong phẩm chất đạo đức của con người. Ở đây phải đề cao lòng tự trọng: Cái ngày mà một người đàn ông giơ tay đánh một người phụ nữ, thì ngày đó con người này không xứng đáng là đàn ông nữa.

Các bước tiếp theo là dựa vào các tổ chức để thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục và thực hiện các biện pháp cụ thể. Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ở các địa phương là nòng cốt của hoạt động này. Họ kết hợp với tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn và các hội để tiếp nhận thông tin; phân tích vụ việc, tham mưu các cơ quan chuyên môn, cơ quan thẩm quyền; hướng dẫn dư luận và theo dõi, giám sát các cơ quan chức năng giải quyết vụ việc.

Như chúng ta thấy, những vụ việc đau lòng khiến Nhân dân cả nước bức xúc trong thời gian gần đây đã được giải quyết khá rốt ráo. Đó là tháng 1-2022, Công an TP. Hà Nội đã bắt khẩn cấp Nguyễn Trung Huyên (SN 1992, ngụ TP Hà Nội) vì đã đóng đinh vào đầu bé N.A (3 tuổi) - con gái của người tình. Vụ "dì ghẻ" Nguyễn Võ Quỳnh Trang (SN 1995, quê Gia Lai) bị kết án tử hình vì tội hành hạ và giết con riêng của chồng (là cháu N.T.V.A - 8 tuổi). Và mới nhất, ngày 31/10/2023, Tòa án Nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt bị cáo Phan Danh Hưng (SN 1986, trú xã Diên Xuân, huyện Diên Khánh) mức án tử hình về tội giết người (giết vợ và 2 phụ nữ khác). Cách giải quyết khẩn trương, nhanh chóng, đúng người, đúng tội của công an và tòa án ít nhiều làm công chúng được an ủi. Có được kết quả này một phần là do việc hướng dẫn dư luận và theo dõi, giám sát của các cơ quan bảo vệ phụ nữ và trẻ em.

Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy biến động và có nhiều bạo lực. Các cuộc xung đột đẫm máu đang xẩy ra ở Ucraina, ở Trung Đông và đe dọa lan rộng ra nhiều nơi khác. Phụ nữ và trẻ em là những người vô tội nhưng thường là nạn nhân của các cuộc xung đột này. Nhân Ngày quốc tế loại bỏ bạo lực đối với phụ nữ 25/11/2023, chúng ta hãy kêu gọi mọi người có những hành động thiết thực để bảo vệ và nâng niu phụ nữ và trẻ em gái ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Núi Lam Thành. Ảnh: Tiến Đông

Có phải Vinh là lỵ sở của Nghệ An từ năm 1804?

TRẦN MẠNH CƯỜNG

Nhiều tài liệu viết về thành phố Vinh cho rằng, mốc thời gian Vinh trở thành lị sở của Nghệ An là năm 1804, tức khoảng niên hiệu Gia Long triều Nguyễn, bởi trước đó, lị sở của Nghệ An nằm tại Lam Thành - Phù Thạch (Hưng Nguyên ngày nay). Trong bài viết "Vấn đề xác định năm ra đời của thành phố Vinh hiện nay" của cố PGS Hoàng Văn Lân trong cuốn sách "Hoàng Văn Lân với Sử học" (NXB Nghệ An ấn hành năm 2013) và được đăng tải trên https://khxhnvnghean.gov.vn/?chitiet=3166...), có nói rõ: "Riêng đối với trấn Nghệ An, năm 1803, trên đường ra Bắc Thành, Gia Long đã dừng lại ở hành cung Vĩnh Dinh và hạ lệnh xây miếu thờ "Khổng Tử" (gọi là nhà Văn Thánh) ở xã Vĩnh Yên tổng Yên Trường. Tháng 5 năm sau (1804), Gia Long tiếp tục hạ lệnh chuyển hẳn lỵ sở Nghệ An về ở đó luôn và giao cho Tả quân Lê Văn Duyệt đốc suất rất gấp việc đắp thành bằng đất làm lỵ sở của Nghệ An".

Trước hết, lị sở Nghệ An trải các triều Ngô - Đinh - Lý - Trần - Lê nằm ở đâu? Từ Toàn thư, tới Tục biên hay Cương mục không hề ghi chép đến. Vậy nên chúng ta chỉ có thể xác định nó từ những thông tin liên quan hay nguồn thư tịch khác.

Thời thuộc Minh, khi tướng giặc là Trương Phụ dẫn quân đánh vào Nghệ An, đóng quân tại Lam Thành. Nguyễn Biểu, một Nho sĩ, đã nhận nhiệm vụ đi sứ giảng hòa, gặp Trương Phụ xin cầu phong, thực hiện kế hoãn binh, kéo dài thời gian để cho Đặng Dung và Nguyễn Cảnh

Dị xây dựng binh lực. Thời điểm này có sự kiện nổi tiếng "Ăn cỗ đầu người" của ông, sau đó ông bị Trương Phụ dìm chết tại sông Lam, gần chùa Yên Quốc, đến nay vẫn còn 2 đền thờ Trung Nghĩa Vương Nguyễn Biểu ở trong khoảng không gian Lam Thành - Phù Thạch ngày trước.

Hay sang tới thời Lê sơ, khi Thái tổ Cao Hoàng đế quét sạch giặc Minh, điện an xã tắc, đã mệnh cho người cháu ruột của mình là Chiêu Trưng vương Lê Khôi - vốn là một tướng giỏi của khởi nghĩa Lam Sơn, giữ chức Trấn thủ Nghệ An. Theo gia phả họ Trần Long Giang: Chiêu Trưng vương trong khoảng thời gian trị nhậm đã đưa tù binh Chăm Pa về Lam Thành - Phù Thạch (tức huyện Hưng Nguyên ngày nay) nhằm phục dịch tại lị sở, và tạo điều kiện cho con cháu họ khai khẩn và định cư tại đó. Chính vì vậy mà hình thành nên 4 dòng họ Trần - Trương - Ngô - Bành ở 2 làng Mộc Hoàn (Long Giang) & Vệ Sở (Vệ Chính), mà cho tới tận ngày nay, ngôi đình Long Giang do người Chăm xây dựng vẫn còn soi bóng bên sông Lam, hay ngôi đền vua Lê thờ vua Lê Lợi và tướng Lê Khôi dưới chân Lam Thành là những chứng cứ rõ ràng nhất.

Đặc biệt, tới thời Lê Trung Hưng, khu vực Lam Thành Phù Thạch không chỉ là trung tâm hành chính chính trị của Nghệ An, mà đã trở thành một trung tâm thương mại lớn của nước ta bởi sự phát triển của một thương cảng quốc tế sầm uất bậc nhất Đông Nam Á khi đó là Chợ Tràng - Phục Lễ. Đây là một khu chợ lớn, họp chợ quanh năm (phải chăng nó được thể hiện ở chữ "Tràng" trong chữ Hán nghĩa là bãi rộng?) nên dân gian xứ Nghệ có câu:

"Chợ Tràng tháng hăm bảy phiên.

Ai đi bộ cứ bước, ai đi thuyền cứ đi".

Sách Cận Đằng chính trai toàn tập 近藤正齋全集 có chép lại bức thư Thuỵ Quốc công Nguyễn Phúc Nguyên (Đàng Trong) gửi Quốc vương Nhật Bản ngày 11 tháng 5 năm Hoằng Định thứ 5 (1604) có đoạn như sau:

Nguyên văn: [...] 玆歲通商舶只要就職本國以便貿易若清華乂安等處素與職相為讎敵萬望國王業已交愛於理宜禁止商舶勿許通往彼處言不爽信王其鑒焉.

Dịch nghĩa:

[...] Nay, thuyền buôn hàng năm chỉ nên đến nước của bản chức để tiện việc buôn bán. Còn như các xứ Thanh Hoa và Nghệ An với bản chức vốn là thù địch. Vậy rất mong Quốc vương vốn đã có mối giao tình ở đây nên cấm hẳn những thương thuyền chớ cho qua lại nơi ấy. Lời nói chẳng nên mất tin, mong Quốc vương soi xét việc đó.

Qua bức thư trên, chúng ta thấy rõ mối lo ngại của phía chính quyền Đàng Trong về việc các thương gia Nhật Bản đặt quan hệ và giao thương tại Lam Thành Nghệ An. Điều này cho thấy trung tâm chính trị và kinh tế Nghệ An bấy giờ là Lam Thành Phục Lễ là nơi có vị thế quan trọng và là một trong những thương cảng quốc tế lớn tại Đàng Ngoài.

Ở đây, từ cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 đã có phố Nhật dựng lên để buôn bán trao đổi nhiều mặt hàng đặc sản của nhiều vùng miền trong nước, nước ngoài, như thuốc bắc, lụa là, bút lông mực tàu, sách, giấy dó, cúc mã não, chè ô long, sâm Cao Ly... đúng như trong gia phả dòng họ Nguyễn Cảnh ghi chép "bấy giờ, dân buôn các châu quận ở nước ngoài qua lại liên tục".

Sứ thần kiêm học giả lớn của nước Triều Tiên là Lý Toái Quang (người từng gặp gỡ và giao lưu với sứ thần nước ta là Phùng Khắc Khoan tại Trung Hoa), trong "Triệu Hoàn Bích truyện" ở quyển thứ 23 thuộc tác phẩm "Chi Phong tiên sinh tập" có viết về một tù binh người Hàn là Triệu Hoàn Bích từng 3 lần sang Việt Nam bằng Châu ấn thuyền của Nhật Bản, trong đó có nói rõ:

安南去日本海路三萬七千里由薩摩州開洋歷中朝漳州廣東等界抵安南興元縣縣距其國東京八十里乃其國都也

"An Nam cách Nhật Bản 3 vạn 7 ngàn dặm đường biển. Bắt đầu từ Satsumanokuni qua các nơi Chương Châu và Quảng Đông của Trung Hoa là tới huyện Hưng Nguyên của nước An Nam. Huyện này cách Đông Kinh - kinh đô của nước đó 80 dặm"

Như vậy, rõ ràng từ thời Lê sơ trở về trước, lị sở Nghệ An đặt tại Lam Thành - Phù Thạch. Đây là vùng đất lưng tựa núi mắt nhìn sông, có núi làm thành trì, có sông tiện đi lại, nên đã trở thành trung tâm chính trị kinh tế của Nghệ An qua nhiều triều đại.

Nhưng, sang thời Lê Trung Hưng, một biến động chính trị lớn xảy ra đó là xung đột Trịnh Nguyễn trở nên gay gắt, mà đỉnh điểm là năm Ất Mùi, niên hiệu Thịnh Đức năm thứ 3 [1655], mùa hạ, tháng 4, Tần Vương xứ Đàng Trong xua quân ra đánh chiếm 7 huyện tả ngạn sông Lam, quân chúa Trịnh chống không nổi, hai tướng quân Lê Văn Hiểu, Lê Hữu Đức của Đàng Ngoài cùng thuộc tướng hai doanh phải bỏ chạy ra đóng tại xã Yên Trường huyện Chân Phúc, tức địa bàn thành phố Vinh ngày nay.

Kể từ đó, vùng Yên Trường - vốn là chiến lũy phòng vệ xung quanh Lam Thành đã trở thành quân doanh thường xuyên thường trực của quan quân họ Trịnh khi vào trấn giữ Nghệ An, và để chiếm lại 7 huyện tả ngạn sông Lam từ tay quan quân họ Nguyễn. Và sau khi chúa Trịnh thu phục được 7 huyện tả ngạn sông Lam, lị sở đã chuyển từ Lam Thành Phù Thạch về Yên Trường, tức địa bàn thành phố Vinh ngày nay.

Về việc này, Cương Mục ghi rất rõ:

- "Bính Ngọ, năm thứ 7 (1724), tháng 2, Nghệ An bị nạn đói, giá gạo thình lình cao vọt. Bèn hạ lệnh cho Trấn ty phát thóc trong kho Vĩnh khố chẩn cấp cho dân...". Trong đó có lời chua:

"Vĩnh khố: Ở địa phận hai xã Vĩnh Yên và An Trường thuộc huyện Chân Lộc. Đời cố Lê: ty trấn thủ xứ Nghệ An ở địa phận xã An Trường huyện Chân Lộc; hai ty Thừa chính và Hiến sát ở địa phận xã Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên; lưu đồn ở địa phận xã Hà Trung, huyện Hà Hoa".

- "Đinh Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 28 (1767), tháng 4, mùa hạ, Trịnh Sâm hạ lệnh bắt lấy thuyền đi biển của Thanh và Nghệ, dự tải thóc công chứa ở kho Vĩnh Doanh và Sa Nam, để phòng bị cấp phát cho quân...". Trong đó có lời chua:

"Vĩnh Doanh: trấn lị Nghệ An. Sa Nam: tên xã, thuộc huyện Nam Đường"

Như vậy, từ sau cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn lần thứ 5 diễn ra trên địa bàn Nghệ An, thì lị sở của Nghệ An đã được chuyển hẳn từ Lam Thành - Phù Thạch về Yên Trường. Điều này có thể được khẳng định thêm, bởi kho thóc công của địa phương

Đoạn thành bằng đá vẫn còn khá nguyên vẹn trên núi Lam Thành. Ảnh: Thành Cường

(tức kho Vĩnh/Vĩnh Doanh) luôn phải được đặt ngay trên lị sở.

Từ việc trung tâm chính trị hành chính Nghệ An chuyển về Yên Trường, thì trung tâm kinh tế của Nghệ An cũng được hình thành ở chợ Vĩnh. Sách "Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư" (cuốn sách đầu tiên có ghi chép về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa) của Nho sĩ Đỗ Bá Công Đạo biên soạn khoảng trước những năm 1686, có nói về chợ Vĩnh: "Chợ Vĩnh một chợ lớn ở Nghệ An", cho chúng ta thấy, Yên Trường - Vĩnh Doanh dưới thời Lê Trung Hưng thực sự đã là lị sở của xứ Nghệ.

Sang tới thời Tây Sơn, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ đã để ý đến việc tìm đất xây dựng kinh đô của triều đại tại khu vực Dũng Quyết (xin xem: 1. https://baonghean.vn/quan-tran-thu-nghe-an-va-la-son-phu...; 2. http://vanhoanghean.com.vn/.../nhung-buc-thu-trieu-dinh...)

Một điều đặc biệt hơn cả là khi triều đình Tây Sơn sụp đổ, triều Nguyễn thành lập (1802), vua Gia Long cũng đã từng có ý định chọn vùng Nghệ An để đóng kinh đô. Bộ chính sử triều Nguyễn Đại Nam thực lục (chính biên) có chép rõ:

"Mùa xuân tháng giêng, năm Tân Tỵ niên hiệu Minh Mệnh thứ 2 (1821), Vua xem bản đồ, nhân bàn đến địa thế thành trấn Nghệ An, nói rằng: "Trước đây tiên đế từng muốn dựng đô ở đó". Nguyễn Văn Nhân tâu rằng: "Đó không phải là đất đóng đô, nên chọn trọng thần để trấn". Vua nói: "Phải. Phú Xuân là khoảng giữa trong nước, đế vương đóng đô không đâu hơn đấy. Còn các thành trấn chỉ nên làm hành tại để tiện khi đi tuần thăm các địa phương và xem xét phong tục mà thôi".

Qua đoạn này trong chính sử triều Nguyễn, chúng ta biết được một thông tin rất thú vị là chính bản thân vua Gia Long đã từng có ý định đóng đô tại Nghệ An, tuy nhiên ý định này không trở thành hiện thực.

Và chắc hẳn rằng vua Gia Long thù địch với vua Quang Trung, nên muốn xóa bỏ hết những dấu tích của triều "Tây Ngụy", nên khi lập triều khai quốc, nhà vua đã cho dời lị sở Nghệ An từ Dũng Quyết (triều Tây Sơn) trở về Yên Trường (triều Lê Trung Hưng) như trước. Điều này được ghi lại rất rõ trong bộ chính sử triều Nguyễn - Đại Nam thực lục:

"Giáp tý, niên hiệu Gia Long năm thứ 3 [1804], dời trấn thành Thanh Hoa và Nghệ An đi nơi khác. Trước là khi vua Bắc tuần, xa giá đi qua lỵ sở hai trấn ấy. (Lỵ sở Thanh Hoa cũ ở xã Dương Xá huyện Đông Sơn, lỵ sở Nghệ An cũ ở xã Dũng Quyết huyện Chân Lộc), bàn muốn dời đi nơi khác, bèn trải xem địa thế, định lấy Thọ Hạc (tên xã, thuộc huyện Đông Sơn) làm trấn lỵ Thanh Hoa, An Trường (tên xã, thuộc huyện Chân Lộc) làm trấn lỵ Nghệ An, đến nay bắt dân xây đắp".

Như vậy, dưới thời Lê (sơ), lị sở Nghệ An đóng tại Lam Thành - Phù Thạch (huyện Hưng Nguyên ngày nay); sang thời Lê Trung Hưng, lị sở chuyển về Yên Trường (thành phố Vinh ngày nay); tới thời Tây Sơn, lị sở dời sang Dũng Quyết; và đến thời Nguyễn, lị sở lại trở lại Yên Trường. Chúng ta không xác định được chính xác thời điểm chuyển dời lị sở từ Phù Thạch về Yên Trường, nhưng rõ ràng việc này không thể là mốc 1804.

Cuối cùng, việc vua Gia Long xây dựng lị sở tại Yên Trường hoàn toàn không liên quan tới Tả quân Lê Văn Duyệt, bởi trong khoảng thời gian đó, Tả quân cùng với Lê Quang Định và dân phu đang có mặt tại Quảng Ngãi để làm mười kiên cơ (Trung kiên nhất, Trung kiên nhị, Tiền kiên nhất, Tiền kiên nhị, Tả kiên nhất, Tả kiên nhị, Hữu kiên nhất, Hữu kiên nhị, Hậu kiên nhất, Hậu kiên nhị, cộng là 10 cơ), nên không thể có chuyện "Gia Long tiếp tục hạ lệnh chuyển hẳn lỵ sở Nghệ An về ở đó luôn và giao cho Tả quân Lê Văn Duyệt đốc suất rất gấp việc đắp thành bằng đất làm lỵ sở của Nghệ An" như bài viết "Vấn đề xác định năm ra đời của thành phố Vinh" đã khẳng định.

Nhà hát lớn Moscow - là nơi thường xuyên diễn ra các buổi biểu diễn những tác phẩm nghệ thuật kinh điển của văn hóa Nga và thế giới. Ảnh: Marc Haegeman

Bảo tồn di sản văn hóa: Chiến công vĩ đại của người Nga

NGUYÊN HỒ

NGƯỜI NGA LUÔN LUÔN XEM VĂN HÓA LÀ CỘI NGUỒN SỨC MẠNH CỦA HỌ, VÌ VẬY BẢO TỒN CÁC DI SẢN VĂN HÓA ĐƯỢC XEM LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG NHẤT. CÓ THỂ NÓI NGƯỜI NGA ĐÃ LẬP ĐƯỢC CHIẾN CÔNG VĨ ĐẠI KHI BƯỚC SANG THẾ KỶ 21, NƯỚC NGA VẪN GIỮ ĐƯỢC VẺ CỔ KÍNH VỚI NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA SÂU SẮC.

Nước Nga rộng mênh mông với nền văn hóa giàu bản sắc

Liên bang Nga là quốc gia rộng lớn nhất thế giới với 17.098.246 km^2, trải dài từ Thái Bình Dương tới Đông Âu. Từ Đông sang Tây, chiều dài ước tính khoảng 6.800 km; từ Bắc tới Nam, chiều rộng là 4.500 km. Liên bang Nga có đường biên giới dài nhất thế giới với 57.792 km.

Nước Nga có một nền văn hóa được toàn thể nhân loại ngưỡng mộ với sự phong phú đa dạng và đạt đỉnh cao nghệ thuật. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, Liên bang Nga hiện nay như một viện bảo tàng khổng lồ với những giá trị lớn lao về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Điều dễ nhận thấy nhất là những công trình kiến trúc hoành tráng và lộng lẫy với hàng trăm năm tuổi. Trước hết phải kể tới nhà thờ của Nga. Ở khắp mọi nơi trên nước Nga, nhà thờ là hình ảnh nổi bật, chúng gần như là "hồn cốt" của nước Nga.

Đầu tiên phải kể đến Thánh đường Basil. Đây là công trình kiến trúc nổi tiếng nhất thủ đô Moskva, tọa lạc ngay giữa lòng Thủ đô, bên cạnh Quảng trường Đỏ và gần Cung điện Kremlin. Nhà thờ này được khởi công vào năm 1555, hoàn thành vào năm 1561. Đã gần

500 năm trôi qua, nhưng công trình kiến trúc này vẫn tươi rói và đẹp đến ngơ ngẩn.

Nhà thờ thứ hai phải nhắc đến là Tòa Thánh Isaac hay còn được gọi là Isaakievskiy Sobor. Công trình này nằm ở Sankt - Peterburg, là nhà thờ chính tòa Chính thống giáo. Công trình này uy nghiêm và tráng lệ với chiều dài 111 mét, rộng 97 mét và cao 101,50 mét. Đường kính của mái vòm mạ vàng chính là 26 mét. Không gian nội thất rộng 10.767 m^2 của nhà thờ có sức chứa 14.000 người. Thời gian xây dựng nhà thờ là 40 năm, từ năm 1818 đến năm 1858.

Nhà thờ thứ ba cần được đề cập là Nhà thờ Truyền Tin trong điện Kremlin ở Moskva. Đây là một nhà thờ Chính thống giáo Nga dành riêng cho việc truyền tin của Đức Mẹ Mary, nằm ở phía Tây Nam của khu vực Quảng trường. Nhà thờ này được xây dựng trong 5 năm, từ năm 1484-1489.

Sau nhà thờ là các tượng đài. Nước Nga được xem là "đất nước của các tượng đài" vì tượng đài có nhiều và đẹp. Hoành tráng nhất có lẽ là Tượng đài Mẹ Tổ quốc trên đồi Mamayev ở Volgograd, Nga nhằm tưởng niệm cuộc kháng cự anh hùng và chiến thắng quyết định của quân đội Liên Xô trong trận

Thánh đường Basil

Stalingrad. Đây là tượng đài của thời hiện đại, còn có hàng trăm tượng đài có từ thời xa xưa và hiện nay vẫn hiện hữu như chứng tích của nước Nga bi thường và hùng cường.

Bảo tàng và nhà hát là những công trình văn hóa được đánh giá cao về kiến trúc cũng như giá trị sử dụng của chúng. Hầu như ở thành phố nào của Liên bang Nga cũng có bảo tàng và nhà hát. Bảo tàng nổi tiếng nhất là bảo tàng nghệ thuật Bảo tàng Hermitage ở Sankt - Peterburg. Đây là một trong những bảo tàng lớn nhất và nổi tiếng nhất trên thế giới với rất nhiều hiện vật. Người ta tính nếu khách thăm quan dừng trước mỗi hiện vật là 1 phút thì phải cần tới 60 năm.

Nhà hát Lớn ở Moskva được xem là "thánh đường" của nghệ thuật biểu diễn. Nhà hát được thành lập vào năm 1776 theo quyết định của Nữ hoàng Catherine Đại đế; theo đó, Hoàng tử Pyotr Urusov được phép xây dựng một nhà hát tư nhân ở Moskva với có chức năng tô điểm cho thành phố cũng như phục vụ nhu cầu thường thức nghệ thuật của mọi người. Hiện nay, Nhà hát Lớn Moskva là một công trình nổi bật của thủ đô Moskva và Nga. Đây là "kinh đô" của nghệ thuật múa, kịch, hát opera...

Thật ra, cốt lõi của văn hóa Nga là văn học. Nước Nga có một nền văn học với những tên tuổi lớn là Pushkin, Lermantov, Tolstoi, Dostoevsky, Exenhin, Bunhin, Solokhov, Bergon, Akhmatova, Solzhenitsyn, Pasternak, Brodsky, Evtushenko... Văn học Nga trong nhiều thế kỷ gần đây đã làm cho bạn đọc trên toàn thế giới say mê về chiều sâu tư tưởng và tầm cao nghệ thuật.

Việc Liên bang Nga là quốc gia có tới 190 dân tộc nhưng vẫn chung sống hòa hợp trong một đất nước rộng lớn chủ yếu nhờ vào việc tôn trọng văn hóa và lối sống của nhau. Người Nga chân tình, mộc mạc, bao dung, sâu sắc... Theo các nhà nghiên cứu thì khí hậu, thiên nhiên tác động lớn tới lối sống và tính cách của người Nga. Rừng đóng vai trò cực kỳ quan trọng ở Nga trong suốt hơn hàng ngàn năm lịch sử - văn hóa. Rừng ảnh hưởng lớn tới tính cách dân tộc Nga và sự sáng tạo văn hóa của họ.

Tính cách của người Nga khá khác biệt với tính cách của những người châu Âu, kể cả Tây Âu, Bắc Âu và Đông Âu. Đại đa số người của các quốc gia khác trên thế giới không hiểu hết tính cách của con người và sức mạnh dân tộc Nga. Người Nga rất mạnh mẽ vì họ có một nền văn hóa phong phú, đa dạng và được bảo tồn và làm giàu thêm hàng ngày.

Người Nga không tiếc công sức và xương máu để bảo vệ di sản văn hóa của mình

Nga là một quốc gia đa sắc tộc với 190 dân tộc và tổng dân số vào khoảng 146 triệu người. Dân số của các dân tộc khác nhau rất lớn, từ hàng trăm triệu người (người Nga) đến dưới 10.000 (người Sami). Hiện nay, trong tiếng Nga có hai từ riêng biệt: 1. "Русский" (đọc là rusky) là người dân tộc Nga; 2. "Россиянин" (đọc là rasianhin) là người quốc tịch Nga. Và như chúng ta thấy, từ "Россиянин" hiện nay được dùng rất phổ biến. Các chính khách, các văn nghệ sĩ, trí thức muốn nhấn mạnh tính đoàn kết của cộng đồng công dân Nga. Trong những bước thăng trầm của lịch sử, đại đa số công dân Nga không tiếc công sức và xương máu để bảo tồn di sản văn hóa của mình.

Văn hóa Nga là phần vô giá trong di sản của đất nước, kết hợp truyền thống từ các nhóm dân tộc, tiểu văn hóa và thế giới quan khác nhau của Nga đồng thời phản ánh lịch sử phức tạp và các đặc điểm địa lý đa dạng của nước này. Nhờ lãnh thổ rộng lớn và sự phát triển của các nền văn minh theo thời gian, Liên bang Nga là quốc gia đa sắc tộc, đa tôn giáo và có khả năng hòa quyện với nhau, góp phần vào sự phát triển phong phú về văn hóa của nước Nga thời hiện đại.

Sự phát triển của văn hóa Nga có thể được chia thành 5 giai đoạn: 1. Văn hóa của nước Nga cổ đại; 2. Văn hóa của thế kỷ 13-17; 3. Văn hóa của Đế chế Nga (từ thế kỷ 18 đến Cách mạng tháng mười 1917); 4. Văn hóa của thời Liên bang Xô viết; 5. Văn hóa của thời hiện tại (từ sau 1991 đến nay). Mỗi giai đoạn có những nét đặc trưng của nó nhưng chúng ta có thể thấy nét bao trùm là từ thế kỷ 18 đến nay, công dân Nga đánh giá cao ý nghĩa của văn hóa trong đời sống của họ, họ có ý thức bảo tồn văn hóa để làm giàu tâm hồn trí tuệ của mình và truyền lại cho đời sau.

Nhìn vào những công trình kiến trúc như nhà thờ, tượng đài, nhà hát, trường học, công trình giao thông, công viên, nghĩa trang... thì chúng ta cũng phần nào thấy được người Nga đã nỗ lực như thế nào để xây dựng và bảo vệ những giá trị văn hóa của họ. Vào thời kỳ Chiến tranh vệ quốc (1941 -1945), người Nga vừa chiến đấu để bảo vệ đất nước, vừa bảo vệ những công trình văn hóa có giá trị. Cố đô Sankt - Peterburg là nơi có nhiều di sản văn hóa có giá trị nên được người Nga ra sức bảo vệ. Quân phát xít Đức bao vây thành phố này trong 900 ngày nhưng vẫn không vào được thành phố, vì vậy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vẫn được an toàn.

Còn khi quân Đức tiến về Moskva nhằm chiếm Thủ đô thì người Nga, một mặt là ra sức phòng thủ, mặt khác đã đóng gói những hiện vật văn hóa có giá trị (tranh, sách, đồ mỹ nghệ...) để chuyển xuống Siberi - nơi được xem là an toàn nhất. Tuy nhiên, quân Đức dù cố gắng đến mấy cũng không thể nào đặt chân vào Moskva được nên hầu như tất cả những gì có giá trị về văn hóa vẫn được an toàn. Hiện nay, Moskva là thành phố hơn 800 tuổi, vừa cổ kính, vừa hiện đại. Ở đây chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vô giá. Người Nga đang hàng ngày, hàng giờ dùng sức lực, trí tuệ, tài năng, công nghệ... để bảo vệ những giá trị văn hóa của mình.

Thật ra, người Nga có ý thức và kỹ năng bảo tồn giá trị văn hóa rất sớm. Có rất nhiều dẫn chứng để chứng minh điều này. Nhà thơ Pushkin (1799 - 1837) - "Mặt trời thi ca Nga" sống và viết cách đây khoảng 200 năm. Ấy thế mà tại Bảo tàng Pushkin (ở ngoại ô Sankt - Peterburg) vẫn giữ được những trang bản thảo viết tay của thi sĩ! Nhìn tận mắt những trang giấy úa vàng được để trong tủ kính với những chữ viết và hình vẽ do chính thi sĩ tạo nên (Pushkin có thói quen ký họa bên lề những trang bản thảo), ai cũng bồi hồi xúc động. (Đại thi hào Nguyễn Du (1766 -1820) sống gần như cùng thời với Pushkin, ấy thế mà chúng ta không giữ được trang bản thảo nào của Truyện Kiều, tiếc thay!).

Có thể nói người Nga đã lặng lẽ lập nên chiến công vĩ đại trong việc bảo tồn các di sản văn hóa. Họ làm được điều này là do có sự kết hợp giữa chính phủ và người dân. Còn nhớ vào những năm chín mươi của thế kỷ trước, một số chính khách Nga muốn chiếm cơ sở 1 (cạnh Quảng trường Đỏ) của Trường Đại học Tổng hợp Moskva mang tên Lomonosov. Một số trí thức thấy nguy cơ này nên đệ trình ý kiến lên Tổng thống Nga Boris Yeltsin. Ngay lập tức Tổng thống ban hành Sắc lệnh công nhận Trường Đại học Tổng hợp Moskva là "tài sản quý hiếm của nước Nga, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân xâm hại tài sản, đất đai của Trường".

Hiện nay Liên bang Nga đang trong thời kỳ có chiến sự và bị cấm vận nhưng việc bảo tồn các di sản, các giá văn hóa vẫn được đặt ra. Tổng thống, Quốc hội (Đuma quốc gia Nga), Chính phủ vẫn có những chỉ đạo sát sao nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Có thể nói nước Nga là quốc gia tiên phong trong việc bảo tồn di sản văn hóa.

Phát triển trò chơi dân gian trong trường học ở Diễn Châu

MAI GIANG

Học trò Trường TH Thị trấn Diễn Châu vui múa sạp

NHỮNG TRÒ CHƠI DÂN GIAN TƯỞNG NHƯ ĐÃ XA LẠ VỚI HỌC SINH THỜI NAY, ĐANG ĐƯỢC LÀM SỐNG LẠI NGAY TẠI TRƯỜNG, LỚP HỌC Ở HUYỆN DIỄN CHÂU. VIỆC TỔ CHỨC CÁC TRÒ CHƠI DÂN GIAN TRONG NHÀ TRƯỜNG KHÔNG NHỮNG TẠO RA SÂN CHƠI LÀNH MẠNH MÀ CÒN GÓP PHẦN BẢO TỒN NÉT ĐẸP VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC.

Sáng thứ 6 hàng tuần, sân trường Tiểu học Thị trấn Diễn Châu như một ngày hội sôi động. Các em được cùng nhau chạy nhảy theo vần điệu của những câu đồng dao, bật, nhảy với trò chơi nhảy dây, múa sạp, thi kéo co, ô ăn quan... Khác với học trò vùng nông thôn, học trò thị trấn ít khi được tiếp xúc trò chơi dân gian nên những buổi sinh hoạt ngoại khóa như thế này các em rất thích thú và ham muốn được khám phá. Em Mỹ Duyên - Lớp 4D cho biết: "Những trò chơi dân gian rất thú vị. Mỗi ngày đến trường, được học được chơi cùng nhau, cháu thấy rất vui".

Còn cháu Hà An - Lớp 4E chia sẻ: "Từ khi tham gia các trò chơi dân gian trong trường cháu cảm thấy rất vui, các trò chơi giúp cháu khỏe mạnh, trở nên nhanh nhẹn dẻo dai và giúp chúng cháu phát triển tư duy lôgic".

Cùng với hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống như bơi, bóng rổ, múa hát, mỹ thuật thì Trường TH Thị trấn rất chú trọng trò chơi dân gian. Mỗi năm, từ nguồn kinh phí của nhà trường cùng với nguồn huy động từ xã hội hóa cũng được hơn 60 triệu đồng, nhà trường đầu tư mua sắm các dụng cụ phục vụ cho các trò chơi dân gian. Thầy giáo Lê Đình Bang - Hiệu trưởng cho biết thêm: "Học sinh tiểu học thường hiếu động, thích nô đùa, chạy nhảy, thích khám phá. Nếu các thầy, cô giáo không tổ chức các mô hình, các hoạt động hay sân chơi, thì khi các em học sinh nô đùa, chạy nhảy quá mức có thể dẫn đến va chạm, gây tai nạn thương tích trong trường học. Do đó, để giảm tình trạng này, đồng thời, thực hiện các quy định về mô hình trường

học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích nên Trường tiểu học Thị trấn đã triển khai các trò chơi dân gian phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học. Các trò chơi được tổ chức phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, thân thiện, dễ chơi, dễ tổ chức".

Không còn đơn điệu với những động tác gập cổ, gập vai, xoay tay, ném bóng, giờ đây các tiết thể dục của trường Trường THCS Cao Xuân Huy trở nên hứng thú hơn khi học sinh được chơi những trò chơi dân gian như kéo co, nhảy bao bố, bịt mắt bắt dê... ngay trong chính khuôn viên trường học của mình. Là trường trọng điểm chất lượng cao của huyện nên để giảm áp lực học tập, giúp các cháu có những trải nghiệm thú vị và có thời gian thư giãn, nhà trường đã đưa các trò chơi dân gian vào các giờ ngoại khóa, giáo dục thể chất, lồng ghép trong các giờ học ngữ văn, các hoạt động đoàn đội... Cháu Đinh Cao Hà My - Lớp 7B, Trường THCS Cao Xuân Huy cho biết: "Được tham gia các hoạt động ngoại khóa sau giờ học cháu thấy rất vui, bổ ích. Được giảm stress sau giờ học khó, được vui đùa cùng các bạn".

Còn thầy giáo Phạm Trung Bình - Tổng phụ trách Đội, Trường THCS Cao Xuân Huy cho biết thêm: Giáo viên trường chúng tôi thì hầu hết ai cũng tổ chức được các hoạt động trải nghiệm các trò chơi dân gian cho học sinh. Cùng với tìm hiểu qua tài liệu thì giáo viên còn được tham gia các lớp tập huấn. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động trò chơi dân gian, mong muốn có thể lan tỏa hoạt động này tới nhiều ngôi trường khác để các em học sinh có những trải nghiệm thú vị trong mỗi ngày tới trường".

Nếu như trước đây, các trò chơi dân gian chỉ xuất hiện trong chương trình học của bậc học mầm non, thì từ năm học 2014 - 2015 đến nay, 100% các trường học ở Diễn Châu đã đưa trò chơi dân gian vào trường rộng rãi hơn. Các trò chơi dân gian phù hợp với lứa tuổi học sinh đã được các trường tích cực đưa vào các hoạt động rất phong phú và được đầu tư về dụng cụ cũng như tập huấn cho các thầy cô giáo để tổ chức tốt các trò chơi. Qua đó, tạo ra sân chơi lành mạnh, mà góp phần thực hiện hiệu quả phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực ở Diễn Châu.

Thầy giáo Mai Ngọc Long - Trưởng phòng GD&ĐT Diễn Châu cho biết: "Phòng yêu cầu các trường bố trí không gian phù hợp, tăng cường lồng ghép tổ chức các trò chơi dân gian vào các tiết sinh hoạt, ngoại khóa, giờ thể dục; khuyến khích các trường đưa một số trò chơi dân gian thành môn thi đấu trong các cuộc thi thể dục thể thao... Bên cạnh đó, bồi dưỡng và tập huấn cho giáo viên phụ trách Đội để có thêm nhiều trò chơi mới tạo nên sự đa dạng, phong phú. Qua mấy năm triển khai, những trò chơi dân gian giờ đây đã trở nên phổ biến và thân thuộc đối với học sinh Diễn Châu, giúp các em phát triển thể chất, hiểu thêm về văn hóa dân gian. Qua đó khơi dậy trong học sinh tình yêu quê hương, văn hóa cũng như hiểu thêm trí tuệ của cha ông, có thêm kí ức đẹp đẽ, trong trẻo của tuổi thơ".

Học trò Trường TH Thị trấn Diễn Châu vui kéo co

Học sinh chơi kéo co, nhảy bao bố trong tiết thể dục tại trường THCS Cao Xuân Huy

Khu Di tích Kim Liên

HỆ THỐNG DI TÍCH Ở NGHỆ AN: Nỗ lực thích nghi với phát triển du lịch

LÂM THY - TUỆ LINH

Trong sự phát triển không ngừng của đời sống xã hội, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao, xã hội bắt đầu tiệm cận tới những tiêu chí mới về đời sống vật chất, tinh thần. Nhu cầu của con người về du lịch, trong đó có du lịch tâm linh, du lịch sinh thái ngày càng lớn. Bởi vậy, hệ thống di tích trên địa bàn Nghệ An đã có nhiều nỗ lực để thích nghi nếu không thay đổi tư duy sẽ rất khó để tạo động lực cho kinh tế du lịch phát triển, dẫn đến tình trạng "đóng băng" cả hệ thống di tích. Do đó, thích nghi là xu hướng tất yếu để hệ thống di tích tồn tại và phát triển.

Thứ nhất: Thay đổi tư duy quản lý và điều hành hoạt động, coi hệ thống di tích là sản phẩm phục vụ du lịch

Di tích vốn dĩ đã là một sản phẩm của lịch sử, chứa đựng trong mình những thông điệp của thời gian, những tri thức của dân gian. Bởi vậy, khi di tích được khai thác để phục vụ du lịch, không chỉ đem đến cho du khách những trải nghiệm thú vị về kết cấu kiến trúc, về phong tục, tín ngưỡng mà ngược lại còn giúp di tích "sống" được, hòa nhập được với đời sống văn hóa hiện đại.

Tại nhiều địa phương ở Nghệ An như thị xã Hoàng

Mai, huyện Đô Lương, huyện Thanh Chương, huyện Nam Đàn... chính quyền địa phương đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, các công trình phụ trợ như nhà khách, nhà soạn lễ, nhà vệ sinh công cộng... Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng vùng di tích như điện, đường, nhà nghỉ, khách sạn, quán ăn, nhà hàng...cũng được chính quyền tỉnh, huyện quan tâm đầu tư. Thái độ phục vụ của những người trực tiếp làm việc tại di tích đã thay đổi theo chiều hướng tích cực, chuyên nghiệp hơn, từ việc hướng dẫn, phân luồng du khách thắp hương, tham quan đến bố trí người thực hiện dịch vụ cúng đơm, xóc xăm, giải thẻ...

Không thể phủ nhận, những năm gần đây, du khách về với các di tích ở Nghệ An ngày càng đông, trong đó, tốp đầu chính là các di tích trọng điểm như đền Cờn, đền Ông Hoàng Mười, Khu Di tích Kim Liên...kéo theo sự phát triển của rất nhiều dịch vụ, góp phần tăng trưởng kinh tế của địa phương, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho những người dân nơi có di tích.

Thứ hai: Vận dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao vào di tích

Những năm gần đây, nhận thấy tầm quan trọng và hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghệ cao vào việc quảng bá và giới thiệu, lan tỏa giá trị của di tích đối với du khách trong tỉnh, ngoài tỉnh và du khách quốc tế, nhiều di tích đã mạnh dạn đầu tư các trang thiết bị hiện đại để vận dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao. Đi đầu trong hoạt động này là Khu di tích Kim Liên. Đến tham quan quê nội, quê ngoại Bác Hồ, du khách còn được trải nghiệm tham quan các địa điểm khác bằng công nghệ ảo VR 360 độ và công nghệ AR thực tế ảo. Bên cạnh đó, mạng xã hội cũng được các di tích (bao gồm cả những di tích chưa xếp hạng) tận dụng triệt để. Nhiều di tích chủ động lập các trang panpage, zalo, face book... để giới thiệu, quảng bá và tiếp nhận thông tin của du khách. Các nền tảng số như youtube, tiktok, instagram... cũng được tận dụng tối đa vào mục đích quảng bá, giới thiệu di tích, đặc biệt là vào các dịp lễ hội hoặc kỉ niệm ngày sinh, ngày mất của các danh nhân. Ngày càng xuất hiện nhiều video giới thiệu về di tích của các youtuber, tiktoker chuyên nghiệp, các cán bộ văn hóa cũng như của những du khách trực tiếp trải nghiệm... trên các trang zalo, face book, tiktok...

Về vấn đề này, Ban Quản lý Di tích tỉnh Nghệ An cũng rất nhanh nhạy. Chương trình số hóa của Ban đã được thực hiện từ năm 2018 đối với hệ thống tư liệu liên quan đến các di tích. Với chương trình này, Nhân dân và du khách ở bất cứ đâu cũng có thể truy cập được thông tin về các di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ban còn chú trọng đào tạo một số cán bộ chuyên sâu về công nghệ thông tin nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quảng bá, giới thiệu các di tích do tỉnh trực tiếp quản lý và hướng dẫn các địa phương phát huy giá trị di tích bằng các ứng dụng công nghệ thông tin.

Thứ ba: Chủ động xây dựng các tiêu chí để phù hợp với sự phát triển của du lịch.

Nếu như trước đây, việc phát huy giá trị các di tích thường là tự phát, mạnh ai nấy làm thì hiện nay, nhiều di tích, nhất là những di tích thu hút số lượng khách du lịch lớn đều chủ động và rất quyết liệt trong việc xây dựng các tiêu chí theo quy định tại Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các nghị định, thông tư liên quan, hướng tới mục tiêu được công nhận là điểm du lịch. Điều này cho thấy, chính quyền và các tầng lớp nhân dân đã nhận thấy vai trò và lợi ích thiết thực từ hệ thống di tích trong việc phát triển du lịch. Và với sự quyết tâm, nỗ lực ấy, tin chắc rằng, hệ thống di tích ở Nghệ An không chỉ dừng lại ở con số có 7 điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận.

Thứ tư là thích ứng về mặt nhân sự và công tác quản lý

Nếu như trước đây, hệ thống di tích ở Nghệ An cơ bản đón các đoàn khách trong tỉnh, trong nước, chỉ một số

di tích mang tính chất chính trị như Khu Di tích Kim Liên, Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, Khu Lưu niệm Phan Bội Châu... thỉnh thoảng đón các đoàn nước ngoài về dâng hương, đều có phiên dịch theo cùng. Thì nay, nắm bắt được xu thế hội nhập toàn cầu, ngày càng có nhiều đoàn khách nước ngoài, từ các nước trong khu vực Đông Nam Á đến các đoàn khách ngoài khu vực như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc...tại nhiều di tích trọng điểm đã thu hút hoặc đào tạo các cán bộ thuyết minh, hướng dẫn viên biết một số tiếng cơ bản như tiếng Anh (Khu Di tích Kim Liên, Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong), tiếng Lào (Khu Di tích Kim Liên)... nhằm chủ động trong việc đón tiếp khách tại di tích.

Mặt khác, các thuyết minh viên tại các di tích thường xuyên được tạo điều kiện để học tập chuyên môn, chuyên sâu, nâng cao trình độ. Bởi vậy, tại hệ thống di tích ở Nghệ An, các thuyết minh viên không chỉ nắm vững được nội dung chuyên môn mà phong cách cũng rất chuyên nghiệp, linh hoạt, chủ động đối với từng đoàn khách. Có thể nói, từ sự thụ động ban đầu đến hình ảnh chuyên nghiệp hiện nay chính là một minh chứng cho sự thích nghi rất thành công, góp phần lan tỏa hình ảnh đất nước và con người Nghệ An ra bên ngoài, góp phần thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh cũng như du khách quốc tế.

Du khách Lào đã rất xúc động khi được nghe cán bộ Khu Di tích Kim Liên thuyết minh bằng tiếng Lào. Ảnh: Như Khôi

Công tác quản lý di tích cũng có nhiều thay đổi. Ngoài việc bố trí các cán bộ chính quyền địa phương vào các Ban/Tổ quản lý di tích còn tăng số lượng và nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn đối với các thành viên của Ban/Tổ quản lý di tích. Hiện nay, nhiều Ban/Tổ quản quản lý di tích thực hiện công tác quản lý và điều hành hoạt động rất tốt như Ban Quản lý các đền: Ông Hoàng Mười, Cờn, Bạch Mã, Quả Sơn... Nhiều địa phương đã biết tận dụng nguồn cán bộ chuyên môn về di tích nghỉ hưu để bổ sung vào Ban/Tổ quản lý các di tích trên địa bàn, góp phần giúp Ban/Tổ quản lý thực hiện tốt hơn công tác chuyên môn cũng như quản lý nhà nước.

Như vậy, ở Nghệ An (và nhiều tỉnh khác) luôn tồn tại hai mặt: thách thức và cơ hội trong việc phát huy giá trị hệ thống di tích gắn với kết nối, phát triển du lịch. Điều quan trọng là chính quyền và Nhân dân Nghệ An đã biết biến thách thức thành cơ hội, để hệ thống di tích hoàn toàn có thể thích nghi với đời sống hiện đại, tạo cơ sở, tiềm năng cho việc khai thác, phát triển du lịch. Tin chắc rằng, trong tương lai không xa, hệ thống di tích sẽ giúp ngành "công nghiệp không khói" của tỉnh nhà bứt phá thành công.

Một đêm hát đối đáp tại Quảng trường Hồ Chí Minh. (Trong ảnh: Anh Bùi Nam Hậu - TP Vinh đang hát đối).

Đưa Ví, Giặm về với đời sống hôm nay

HỮU VINH

Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh sinh ra, tồn tại và phát triển trong cuộc sống lao động, sinh hoạt của người dân. Từ xưa, dân ca Ví, Giặm gắn với các hoạt động của đời sống sinh hoạt như cấy lúa, dệt vải, chèo thuyền, chơi hội... từ đó mà ứng tác, truyền khẩu. Trong cuộc sống hiện đại, không gian diễn xướng Ví, Giặm như xưa hầu như không còn. Trong nhiều nỗ lực để bảo tồn và phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm trong cuộc sống đương đại mà Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An đã thực hiện đó là tổ chức không gian diễn xướng Ví, Giặm tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh. Tuy mới được tổ chức trong 2 năm nay nhưng hoạt động này đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, được dư luận và công chúng đánh giá cao.

Trong năm 2022, Trung tâm đã tổ chức được 15 buổi diễn xướng dân ca với đúng bản sắc của nó. Mỗi đêm hát có hai đội tham gia, mỗi đội có 1 đến 2 thầy gà là người ứng tác, những người còn lại giữ vai trò hát (diễn xướng) nhưng khi cao hứng họ cũng có thể thay thầy gà mà tự đặt ra lời để đối đáp. Hoạt động diễn xướng đòi hỏi người tham gia phải có niềm đam mê, hiểu biết về dân ca Ví, Giặm, đặc biệt là phải có khả năng ứng tác thơ ca. Sang năm 2023, hoạt động diễn xướng dân ca Ví, Giặm tại Quảng trường Hồ Chí Minh được tổ chức hàng tuần (vào cuối tuần - phố đi bộ vận hành) đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo công chúng. Nhiều thầy gà, không chỉ ở Vinh mà ở khắp nơi trong tỉnh như Diễn Châu, Nam Đàn, Đô Lương, Thanh Chương,... cũng đến tham gia "thi đấu".

Anh Bùi Nam Hậu (TP. Vinh), một người yêu và am hiểu dân ca Ví, Giặm, cũng là thầy gà của nhiều buổi diễn xướng dân ca Ví, Giặm tại Quảng trường Hồ Chí Minh, chia sẻ: "Chúng ta cần đưa dân ca Ví, Giặm về với đời sống hôm nay, gắn với bối cảnh, tâm lý con người hôm nay. Tôi là người đề xuất đưa hoạt động diễn xướng dân ca Ví, Giặm đến phố đi bộ thành phố Vinh. Ở đó, người dân đi qua nếu am hiểu và yêu thích Ví, Giặm cũng có thể tham gia. Có như vậy dân ca Ví, Giặm mới được sống đúng đời sống của nó".

Chia sẻ của anh Bùi Nam Hậu quả có lý khi mà hôm nay không còn những phường dệt vải, thuyền bè cũng chạy bằng máy, trên đồng lúa không chỉ có cánh cò, dòng sông, bến nước mà đã có máy cày, máy bơm, máy gặt, xe công nông... không gian diễn xướng hôm nay không giống y hệt ngày xưa nữa.

Dự một đêm hát đối đáp Ví, Giặm tại Quảng trường Hồ Chí Minh, chúng tôi chứng kiến hai đội tham gia, tạm gọi là đội trẻ và đội cao tuổi. Đội trẻ do Bùi Nam Hậu, Nguyễn Thế Hùng (TP Vinh) là thầy gà chính và đội cao tuổi do nghệ nhân Cao Xuân Thưởng (Diễn Châu) và nhà thơ Vân Anh (Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An) làm thầy gà chính. Người xem mỗi lúc một đông, cả khi đêm đã về khuya, mọi người vẫn háo hức đứng xem, điều đó cho thấy vẫn còn nhiều người quan tâm và yêu mến dân ca Ví, Giặm. Người cao tuổi thì say sưa, chăm chú, người trung niên thì vui vẻ, thoải mái, trẻ em thì vừa xem vừa chơi. Nói vậy để thấy rằng, hoạt động bảo tồn dân ca Ví, Giặm hiện nay cũng cần nhiều thời gian, nhiều việc phải làm với lớp trẻ. Mỗi ngày một chút, bằng nhiều hình thức như đưa dân ca vào trường học, đưa lên sân khấu hay diễn xướng... các em sẽ được tiếp cận với những giá trị của dân ca Ví, Giặm, dần dần sẽ hình thành ở các em một tình yêu, sự hiểu biết và mong muốn được xem, được nghe.

NSND Trịnh Hồng Lựu - nguyên Q. Giám đốc Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An, cho biết: "Những cuộc hát đối - đáp như thế này, ngoài việc giao lưu, đưa Ví, Giặm trở về "không gian sinh tồn" của nó còn có ý nghĩa bổ sung vào kho tàng dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh những lời ca mới. Chúng tôi mong muốn đưa trò chơi này về với những làng quê để lan tỏa sâu rộng trong các cộng đồng dân chúng".

Những đêm diễn xướng Ví, Giặm như trên, xét ở góc độ nào đó cũng là đang tái hiện một phần không gian diễn xướng của Ví, Giặm và có tính trình diễn. Song hy vọng từ những hoạt động này sẽ dần dần nhen lên tình yêu Ví, Giặm trong Nhân dân và dần hình thành những sinh hoạt tự giác như một nhu cầu để từ đó Ví, Giặm thực sự có được không gian diễn xướng đích thực của nó.

Qua các đêm hát, chúng tôi được nghe những làn điệu đối đáp ngọt ngào, những ứng tác thể hiện nét tài hoa, trí tuệ của người chơi. Có nhiều câu hát đối đáp thú vị khi cất lên nhận được sự tán thưởng của người chơi cũng như khán giả đến xem. Chúng tôi xin trích một số câu đối - đáp tài hoa như thế:

Tiến sĩ toán học Nguyễn Ngọc Chu từ Hà Nội gửi về quê câu đố:

"Người ơi... anh từ Thủ đô tìm về xứ Nghệ.
Dẫu lên rừng xuống bể chỉ mong được làm rể quê em
Đêm nay giữa ngàn tiên nữ thành Vinh
Thả câu Ví, Giặm tìm duyên đôi mình"

Nhà thơ Vân Anh đối:

"Biết anh thanh lịch Hà thành
Mê câu Ví, Giặm vin cành nhân duyên
"Cửa Rào", "Cổng Chốt" bốn bên
Làm sao hạnh ngộ, em liền theo anh".

Nhà thơ Cao Xuân Thưởng đối:

"Con gái Thành Vinh nặng tình nặng nghĩa
Anh muốn làm rể thì đừng kể chi xa.
Nếu anh kham được nhút mặn chua cà
Gió Lào, nắng lửa thì hai ta xe chỉ hồng".

Anh Thế Hùng đối:

"Anh ở Thủ đô mà tìm vô xứ Nghệ
Muốn làm rể cụng nỏ dệ mô anh ơi
Phải thuộc hết các điệu ví trên đời
Biết điệu giặm kể, giặm ru quê mình".

Anh Nguyễn Trọng Tâm đối:

"Người ơi, trai thủ đô hào hoa phong nhã
Gái xứ Nghệ vất vả mặn mòi

Đội thầy gà cao tuổi

Lớp trẻ cũng hào hứng với Ví, Giặm

Gió Lào thổi rát bờ vai

Anh thương câu ví, chớ đơn sai tấc lòng".

Ngoài ra, còn nhiều câu đố hay, câu trả lời cũng xuất sắc, xin trích dẫn một số cặp câu đối - đáp:

Câu đố:

"Tháng Ba hoa gạo cháy trời

Hỏi cô áo đỏ vốn người Diễn Châu

Chớ tại mần răng mà nỏ dám qua cầu?

Để trai Vinh hắn đợi, hắn trách nhau vì mình"

Câu đối:

"Em đi đến cầu thì cầu đã Cấm

Đành quay về bến ôm hận nhớ thương

Hẹn anh đến hội Đền Cuông

Trai Vinh có nhớ thì đánh đường đến chơi".

Câu đố:

"Quảng trường trăng sáng giăng giăng

Ra đi vợ dặn, mần răng rứa anh hầy".

Câu đáp đầy khiêu khích của nhà văn Cao Khoa (Chi hội VHNT Diễn Châu) khiến người thứ 3 phải lên tiếng:

"Đến đây gặp chị Vân Anh

Vợ dặn chi thì dặn anh đành qua đêm"

Câu đáp trả tinh nghịch, quyết liệt và dí dỏm của nhà thơ Vân Anh:

"Thương tình cho chàng Cao Khoa

Bút bi hết mực bà già xin thua".

Câu đố:

"Hò ơ hò

Vẫn biết quê mình đồng sình nước nậy

Anh gửi câu hò nhờ cậy ai trao

Này em ơi...! Chớ đi cấy thì đừng xắn mấn cao

Lộ cái khuôn tạo hóa con cá dưới ao hắn nhìn.

Câu đối 1:

"Hò ơ ơ hò

Vẫn biết là anh thương thầm nhớ trộm

Nên lòng chộn rộn như cá mắc câu

Này anh ơi! Chớ cá nhìn rồi cá lội thẳm sâu

Chỉ thương con chim cu gáy hắn cứ gặc đầu... hắn cúc cu"

Câu đối 2:

"Là anh ơi... Dịch Covid đang lan tràn đầy rẫy

Nên em đi cấy, em cũng bịt khẩu trang

Tính tình tích tĩnh tính tang

Cá mần răng mà chộ được, nên chàng đừng có lo".

Và còn nhiều lắm những câu đối đáp thể hiện sự tài trí của người chơi, thể hiện sự hiểu biết và tình cảm, cảm xúc con người. Mỗi đêm diễn xướng ở Quảng trường Hồ Chí Minh có hàng chục câu đối - đáp bổ sung vào kho tàng Ví, Giặm Nghệ Tĩnh. Đặc biệt, hoạt động hát đối - đáp như thế đã đưa dân ca Ví, Giặm về với cuộc sống của Nhân dân. Hoạt động hát đối - đáp dân ca Ví, Giặm vừa đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa, nghệ thuật của Nhân dân vừa góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa truyền thống xứ Nghệ.

Những âm thanh vang vọng núi rừng Tương Dương

NGÂN THƯ

Các thành viên CLB Bảo tồn và Phát huy các nhạc cụ dân tộc huyện Tương Dương

Trước nguy cơ những nhạc cụ truyền thống dần đi vào quên lãng trên chính mảnh đất quê hương mình, nghệ nhân - thầy giáo Lương Văn Huỳnh đã vận động những người Thái giỏi nhạc cụ truyền thống xây dựng Câu lạc bộ (CLB) Bảo tồn và Phát huy các nhạc cụ dân tộc nhằm bảo tồn một trong những tinh hoa trong bản sắc văn hóa người Việt. Hành trình thành lập và xây dựng CLB không ít gian nan, đến nay CLB đã đi vào sinh hoạt quy củ và có nhiều đóng góp cho đời sống văn hóa, văn nghệ của bà con nhiều nơi trên địa bàn huyện Tương Dương.

Nghệ nhân Lương Văn Huỳnh, sinh năm 1979, là giáo viên của Trường Tiểu học Thạch Giám 2. Tuy không được học hành qua trường lớp về âm nhạc, nhưng với niềm đam mê những âm sắc của các nhạc cụ cổ truyền, anh đã làm sống dậy những âm thanh của tiếng khèn, tiếng sáo, tiếng cồng chiêng... trong mỗi bản làng.

Nghệ nhân Lương Văn Huỳnh chia sẻ: khi những nhạc cụ hiện đại xâm lấn vào các hoạt động cộng đồng thì những nhạc cụ truyền thống gần như bị lãng quên, người nghe ít dần, người chơi nhạc cụ truyền thống càng thưa thớt. Các nhạc cụ truyền thống mai một dần và có nguy cơ thất truyền. Các buổi sinh hoạt văn nghệ cộng đồng đã ít người đến xem vì gần như không có được tiếng nói chung với bà con. Trước

vấn đề đó thầy giáo Lương Văn Huỳnh đã đau đáu suy nghĩ, ngày đêm tìm cách khôi phục lại những giá trị âm nhạc cổ truyền của đồng bào mình. Vậy là anh đã một mình lặng lẽ tìm đến các bản làng xa xôi để động viên số ít những người biết chơi các nhạc cụ như sáo, khèn, trống, cồng, chiêng, khèn bè, sáo Mông, pí, đàn tùng tinh, xập xèng... Lúc đầu chỉ được dăm ba người tham gia vì chưa thực sự tin vào hiệu quả của công việc khó khăn, nặng nề ấy. Nhờ quyết tâm của nghệ nhân Lương Văn Huỳnh, đặc biệt là tình cảm chân thành, anh cho mọi người thấy mục tiêu, ý nghĩa không vụ lợi mà đồng ý tham gia. Số người tham gia ngày càng đông dần lên: 7; 8 người, mươi người rồi hơn nữa... Phải mất khoảng 1 năm trời vận động, khi hội tụ được các điều kiện cơ bản, Lương Văn Huỳnh mới thành lập được CLB Bảo tồn và Phát huy các nhạc cụ dân tộc và được Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Tương Dương công nhận vào ngày 01/012021. Đến nay, CLB đã có trên 20 thành viên.

Các thành viên CLB ở cách xa nhau hàng chục km, có người ở cách Thạch Giám đến 40 km nên việc sinh hoạt chung rất khó khăn. Các anh em trong CLB chủ yếu là nông dân, đời sống kinh tế nhiều người còn khó khăn, chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, thu nhập từ cây rau, củ khoai, củ sắn, chăn nuôi con gà con lợn... Có thể kể đến tấm gương của nghệ nhân Vi Văn Quỳnh, 68 tuổi, sống ở bản Chắn, thị trấn Thạch Giám. Ông Quỳnh là một thành viên rất tích cực của CLB, vừa tham gia đều đặn vào các buổi sinh hoạt chung cũng như một số đêm biểu diễn của CLB, vừa lo lao động sản xuất kiếm kế sinh nhai, vừa phải chăm sóc người vợ bị bệnh hiểm nghèo 13 đã năm nay. Khó khăn là thế, riêng có, chung có, nhưng không một ai kêu ca, phàn nàn. Các anh luôn xem công việc "vác tù và hàng tổng" là một niềm đam mê, mỗi khi được gặp nhau, được đắm chìm trong tiếng sáo, tiếng kèn là quên đi những mệt nhọc lo toan trong cuộc sống.

Trong CLB có nhiều người đã cao tuổi, hầu hết các anh đều trên 50, 60 tuổi, người cao tuổi nhất là nghệ nhân Lay Đại Cương ở bản Pủng,

Một tiết mục biểu diễn của thành viên CLB

xã Lưu Kiền. Ông Cương năm nay đã bước sang tuổi 70 nhưng niềm đam mê âm nhạc và khát khao gìn giữ những âm thanh của nhạc cụ núi rừng đã giúp ông vượt qua khó khăn để cùng các em, các cháu sinh hoạt. Mỗi buổi sinh hoạt, các thành viên phải vượt qua những quãng đường xa xôi, những con dốc cheo leo bằng những chiếc xe máy cà tàng. Có thể kể đến nghệ nhân Lương Văn Pắn, 58 tuổi, ở bản Khe Ngậu, xã Xá Lượng phải đi quãng đường 10 km; nghệ nhân cao tuổi Lay Đại Cương, làm việc ở bản Vẽ, xã Yên Na, phải đi quãng đường chừng 25 km; hay nghệ nhân Xên Văn Long, ở bản Pủng, xã Lưu Kiền, cũng phải đi quãng đường gần 30 km... Mỗi khi có thông báo của Chủ nhiệm CLB là các anh thu xếp công việc gia đình để đi tập, đi biểu diễn.

Những ngày đầu thành lập, bao khó khăn thách thức bủa vây các thành viên CLB. Kinh phí đi lại, xăng xe, các đạo cụ các anh đều phải tự túc. Đường sá xa xôi, trang phục, nhạc cụ còn thiếu thốn trăm bề... Nghệ nhân Lương Văn Huỳnh cho biết, đối với CLB, nhạc cụ là quan trọng nhất. Anh em có thể ăn mặc bình thường, có thể uống nước chè xanh tập luyện và làm việc nhưng thiếu nhạc cụ thì hết sức khó khăn mà nhạc cụ tự chế thì không đảm bảo độ chuẩn xác về âm sắc, mua thì đắt, nhiều người không có tiền để mua. Nhiều nhạc cụ có giá rất cao, chẳng hạn khèn bè có giá 1,5 triệu đồng; xập xèng 800 ngàn đồng,

Hội viên CLB dạy khèn bè cho học sinh

trống trên 2 triệu, một bộ cồng chiêng thì có giá hàng chục triệu...

Đầu tiên, mọi người thống nhất bản nhạc cần tập, mỗi người tự tập ở nhà theo các nhạc cụ sở trường của mình, sau đó anh em gặp nhau để tập hòa tấu, kết nối, phối hợp trong một một tiết mục chung. Các thành viên sinh hoạt chung mỗi tháng ít nhất một buổi, thường thì 2 đến 3 buổi, không kể ngày hay đêm, phụ thuộc vào tính cấp bách của công việc và tình hình công việc gia đình của anh em. Những buổi tập ít khi có ai vắng mặt vì mọi người đều chung niềm đam mê với nhạc cụ dân tộc và cũng là một dịp để anh em gặp gỡ, giao lưu. Vui nhất là chuẩn bị cho các sự kiện văn nghệ của bản, của xã hay của huyện.

Đặc biệt, từ hè năm 2023, CLB đã phối hợp với Ban Thường vụ Đoàn thị trấn Thạch Giám mở lớp dạy nhạc cụ miễn phí cho 40 em học sinh. Các nghệ nhân CLB đã truyền dạy những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao trong kỹ năng sử dụng nhạc cụ dân tộc như: sáo ngang, khèn bè, sáo Mông, pí, đàn tùng tinh, xập xèng... Từ chỗ chưa biết gì về nhạc cụ, các em đã sử dụng khá thành thạo một số nhạc cụ truyền thống. Quan trọng hơn, các bác, các chú đã thổi vào các em niềm đam mê và tình yêu với những nhạc cụ dân tộc.

Hướng tới hoạt động bền vững, lâu dài, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của người Thái nói chung, bảo tồn và phát huy các giá trị của nhạc cụ dân tộc Thái nói riêng, CLB đã kiến nghị với UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục huyện cho phép đưa hoạt động dạy học, biểu diễn nhạc cụ truyền thống vào các hoạt động ngoại khóa trong trường học. Nơi phù hợp nhất để triển khai là Trường Dân tộc nội trú huyện vì đây là cơ sở tập trung những em học sinh thuộc các dân tộc khác nhau trên địa bàn huyện Tương Dương.

Nguồn động viên đối với nghệ nhân Lương Văn Huỳnh và các thành viên CLB là CLB đã được bà con khắp nơi trong huyện ghi nhận và được các cấp chính quyền ủng hộ. Sau khi thành lập, CLB được huyện cấp kinh phí 30 triệu đồng để mua sắm nhạc cụ, trang phục, loa đài và một số vật dụng cần thiết khác. Ngoài ra, CLB còn được cấp kinh phí mỗi năm 5 triệu đồng để duy trì hoạt động. CLB đã được nhiều địa phương trong huyện và lãnh đạo huyện mời biểu diễn nhân các ngày lễ hội, những sự kiện lớn. Tuy nhiên, mỗi buổi biểu diễn như vậy anh em thường phải tự túc kinh phí với mục tiêu vui là chính. Có khi CLB được các tổ chức mời diễn hỗ trợ một vài triệu đồng cũng chỉ đủ đổ xăng xe. Anh em thường động viên nhau rằng mình đã góp một phần nhỏ vào đời sống văn hóa huyện nhà, đưa những giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào mình đến với bạn bè trong và ngoài tỉnh.

Từ những nỗ lực không ngừng, nghệ nhân Lương Văn Pắn - Phó Chủ nhiệm CLB, đã được Chủ tịch nước phong danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú. Đây vừa là nguồn động viên to lớn đối với nghệ nhân Lương Văn Pắn vừa là nguồn động viên chung với các thành viên CLB.

Niềm đam mê âm nhạc, tâm huyết giữ gìn những nét đẹp văn hóa của dân tộc mình của các hội viên CLB Bảo tồn và Phát huy các nhạc cụ dân tộc huyện Tương Dương thật đáng khâm phục. Âm vang tiếng trống, tiếng cồng chiêng, đàn, sáo vẫn ngân vang đâu đây khắp núi rừng, khắp các bản làng Tương Dương chính là nhờ công lao của những người nghệ sĩ chân quê này.

Gian nan giữ nghề truyền thống

TRANG TUỆ

Phụ nữ Thổ ở Giai Xuân với nghề đan võng gai truyền thống

Trong bối cảnh kinh tế thị trường ngày càng phát triển mạnh mẽ, các nghề thủ công truyền thống cũng đối diện với nhiều thách thức. Để phát triển được thì người dân phải tiếp cận thị trường một cách hiệu quả. Nhưng thực tế, hầu hết các cộng đồng đều gặp nhiều khó khăn trong việc giữ nghề truyền thống của mình.

Đan võng gai là một nghề thủ công truyền thống của dân tộc Thổ được nhiều người biết đến. Ngày nay, người Thổ ở nhiều nơi còn lưu giữ được nghề này. Trong đó, phát triển mạnh mẽ nhất phải kể đến người Thổ ở huyện Tân Kỳ. Và nhóm Thổ ở các xã Giai Xuân, Tân Xuân là tiêu biểu nhất. Trước đây, người Thổ trồng cây gai trên nương, giờ họ chủ yếu trồng ở vườn. Hiện tại, đi trên đường chính chúng ta còn được thấy nhiều vườn gai của người dân dù diện tích đang ngày một thu hẹp hơn. Nhưng nghề đan võng gai còn tồn tại thì những vườn gai như vậy vẫn sẽ còn. Sau khi thu hoạch cây gai, họ lấy thân xe thành sợi làm nguyên liệu chính để đan võng. Lá gai được sử dụng để làm bánh gai, cũng là một đặc sản được nhiều người biết đến. Võng gai của người Thổ bền và đẹp nhờ vào sự khéo léo của người phụ nữ với những kỹ năng được truyền thụ qua các thế hệ trong gia đình.

Người Thổ đan võng gai trong gia đình hoặc tập hợp thành nhóm lại để cùng sản xuất. Ở xóm Kẻ Mui, xã Giai Xuân, nơi mà võng gai của người Thổ được biết đến nhiều nhất và cũng tập trung nhiều người biết đan võng nhất thì đa số cũng là người già. Tổ hợp tác đan võng gai Kẻ Mui có hơn 30 người tham gia thì chỉ có 7 người dưới 40 tuổi, trẻ nhất cũng 30 tuổi và già nhất là 82 tuổi. Độ tuổi từ 50 đến 70

chiếm tỷ lệ cao nhất. Để gìn giữ và phát triển nghề đan võng gai truyền thống, người dân tộc Thổ ở các xóm thuộc các xã như Giai Xuân, Tân Xuân, Tân Hợp đã tập hợp nhau lại thành lập các câu lạc bộ hoặc các tổ hợp tác để cùng nhau thực hiện. Khi rảnh rỗi thì hàng ngày các thành viên tập trung về nhà văn hóa xóm cùng đan võng gai. Ở nhà văn hóa, người ta làm một cái giá dài bằng tre hoặc gỗ, có thể treo lên để đan được 4-5 võng một lúc. Đặt hai dãy ghế hai bên để cho người đan võng ngồi. Mỗi chiếc võng thường tập trung ít thì hai người, nhiều thì ba, bốn người ngồi xung quanh để đan. Họ vừa đan võng, vừa trò chuyện với nhau. Sau đó, khi thời tiết đẹp thì họ cùng nổi cồng chiêng lên mời gọi những người khác đến múa hát. Khi có khách ghé thăm, họ mặc trang phục cổ truyền đến để giao lưu văn nghệ cũng như giới thiệu nghề đan võng. Chính vì vậy mà không khí ở nhà văn hóa luôn sôi động, náo nhiệt.

Một trong những khó khăn lớn nhất thách thức nghề đan võng gai của người Thổ là tiếp cận thị trường. Với số lượng người lành nghề còn khá nhiều và sản phẩm võng gai của người Thổ cũng đạt chất lượng cao nên có thể sản xuất hàng hóa được. Tuy nhiên, việc tiếp cận thị trường lại là một thách thức không nhỏ đối với người dân. Họ thụ động trong việc tìm kiếm khách hàng, chủ yếu khi có ai giới thiệu thì họ mang đến bán. Việc tiếp cận thị trường hạn chế cũng làm cho mức độ sản xuất chậm lại vì không tìm được nguồn tiêu thụ sản phẩm. Trước chủ yếu họ sản xuất bán trong vùng, đưa đi các hội chợ do chính quyền tổ chức hoặc đi tham gia một số cuộc triển lãm qua đó bán được một vài cái võng. Gần đây, nhiều người trong tổ hợp tác đã biết sử dụng mạng xã hội để giới thiệu sản phẩm võng gai truyền thống người Thổ đến với nhiều người và bước đầu đã bán được một số sản phẩm và nhận được một số đơn hàng nhỏ. Giá cả võng gai thường được tính theo cân, mỗi cái võng thường rơi vào trọng lượng từ 2,6 - 3kg, và được bán với giá từ 800-900 ngàn/kg. "Số lượng võng bán được đã tăng so với trước, nhưng nhìn chung vẫn còn ít, chưa được như một số sản phẩm thủ công nghiệp ở các cộng đồng phát triển du lịch. Vậy nên bà con đến tập trung đan võng mang tính giải trí nhiều hơn là hoạt động kinh tế. Họ gặp gỡ nhau, cùng đan võng, cùng trò chuyện, rồi cùng giao lưu văn nghệ như là một nhu cầu văn hóa. Nhưng trường hợp khi có đơn hàng nhiều mà cần gấp thì người dân vẫn đáp ứng được. Tiếc là việc tiếp cận thị trường để mở rộng buôn bán võng gai của người dân vẫn còn khó lắm". Bà Nguyễn Thị Quê - Tổ trưởng Tổ Hợp tác đan võng gai chia sẻ.

Cũng như nghề đan võng gai của người Thổ, nghề đan lát tre mây cũng là một nghề thủ công truyền thống của người Khơ Mú ở miền Tây Nghệ An. Hầu như ở bản Khơ Mú nào cũng có những người đàn ông giỏi nghề đan tre mây. Nhưng hiện nay, số người này đang ít dần và nghề đan tre mây cũng đang gặp những khó khăn. Ở bản Minh Tiến (xã Lượng Minh, huyện Tương Dương), hầu hết những người đàn ông lớn tuổi đều biết đan lát tre mây. Nhưng hiện nay chỉ còn 4 người thỉnh thoảng hành nghề, trong đó có một người thường xuyên đan các sản phẩm tre mây như mâm, ghế, ép xôi,... để bán. Có nhiều nguyên nhân, trong đó, quan trọng nhất là không tiếp cận được thị trường và không cạnh tranh được với các sản phẩm khác. Sản phẩm đan lát của người Khơ Mú vốn nổi tiếng nhưng cũng gặp khó khi mà đối tượng sử dụng chủ yếu vẫn là trong cộng đồng tộc người họ. Trong các nghi lễ quan trọng thì người ta phải dùng đồ đan lát tre mây để làm lễ nhưng trong cuộc sống hàng ngày họ sử dụng khá phổ biến các đồ nhựa, đồ kim loại mua ngoài chợ. Chỉ một số khu vực mà du lịch phát triển hay được các tổ chức hỗ trợ để tiếp cận thị trường thì các sản phẩm thủ công truyền thống của họ mới phát triển khá hơn. Như ông Moong Văn Tuyền ở bản Minh Tiến cho biết: "Việc đan lát đồ tre mây truyền thống khá phổ biến ở các bản Khơ Mú. Nhưng càng ngày càng ít người làm bởi làm xong cũng không bán được. Còn để dùng trong nhà thì phải mấy năm nó mới hỏng nên cũng thỉnh thoảng mới phải đan. Hoặc đi mua cho nhanh vì cũng không đắt lắm. Trong mỗi gia đình cần có một bộ để sử dụng trong các nghi lễ là được. Cũng vì vậy mà những người trẻ cũng chẳng muốn học nghề truyền thống của cha ông nữa. Hiện chỉ còn ít người già biết đan và thích đan lát mà thôi".

Đan võng gai của người Thổ hay đan lát tre mây của người Khơ Mú dù khó khăn nhưng vẫn còn tồn tại và còn cơ hội để phát triển. Trong khi đó, có nhiều nghề truyền thống của một số cộng đồng khác lại không được may mắn như vậy. Ví dụ như nghề dệt may thổ cẩm của người Tày Poọng chẳng hạn. Từng có một thời, nghề này phát triển mạnh mẽ, sản phẩm chất lượng và thẩm mỹ không hề thua kém các cộng đồng bên cạnh và có những lúc đã trở thành hàng hóa để mang đi trao đổi. Nhưng gần hai thập kỷ nay, nghề dệt may truyền thống của người Tày Poọng gần như đã bị biến mất. Ở bản Phồng, xã Tam Hợp, huyện Tương Dương - nơi tập trung người Tày Poọng đông nhất hiện nay cũng chẳng còn lại một khung dệt nào. Một vài sản phẩm còn lại cũng đã được sản xuất từ vài chục năm trước và do vài người lớn tuổi giữ lại làm kỷ niệm. Như bà Vi Thị Huệ, một phụ nữ Tày Poọng đã ngoài 80 tuổi, nguyên Chủ tịch Hội phụ nữ xã Tam Hợp chia sẻ khi lục lại một phần còn sót lại của khung dệt nhà mình: "Từng biết dệt, tự dệt may trang phục cho mình rồi chứng kiến nghề truyền thống bị mất dần trong sự bất lực, nên tôi luôn trăn trở về việc sẽ khôi phục nghề này. Nhưng nhiều năm nay, muốn tìm một vài bạn trẻ để truyền dạy nghề cũng khó. Với lại, giờ sản phẩm may mặc nhiều, dệt ra để dùng thì không cần nhiều, còn để bán thì khó vì chẳng biết bán cho ai". Cũng vì vậy mà cho đến hiện tại, ở bản Phồng, nghề dệt may thổ cẩm chỉ còn trong ký ức của vài người lớn tuổi.

Nghề thủ công truyền thống là một yếu tố văn hóa cơ bản và quan trọng của nhiều cộng đồng. Nó cũng là một nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển. Các cộng đồng dân tộc ở miền Tây Nghệ An có nhiều nghề thủ công độc đáo, là nguồn nội lực quan trọng để phát triển nếu có quyết sách phù hợp. Nhưng để bảo tồn và phát huy được nghề thủ công truyền thống không phải là vấn đề đơn giản. Kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, một mặt tạo ra nhiều thách thức cho các nghề thủ công truyền thống khi mà hàng hóa công nghiệp ngày càng nhiều thêm, mẫu mã đa dạng, chất lượng khá cao mà giá thành lại rẻ. Những hàng hóa này tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm thủ công nghiệp. Mặt khác, kinh tế thị trường

Ông Moong Văn Tuyền, một trong số vài người Khơ Mú ở bản Minh Tiến còn hành nghề đan lát tre mây truyền thống

Bà Vi Thị Huệ ở bản Phồng với một chút di cảo sót lại của nghề dệt may thổ cẩm truyền thống của người Tày Poọng

cũng đưa lại những cơ hội cho các nghề thủ công truyền thống nếu họ có thể tiếp cận thị trường một cách phù hợp. Nhưng để làm được điều đó, từ kinh nghiệm của nhiều cộng đồng đi trước và gặt hái được một số thành công nhất định cho thấy phải có sự nỗ lực từ những người trong cuộc và sự giúp đỡ, hỗ trợ đến từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cả các nhà nghiên cứu. Như ông Vi Văn Sơn - Trưởng ban Dân tộc tỉnh nhận định: "Chúng ta đang có một nguồn nội lực quan trọng để phát triển. Đó là các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Nghệ An. Nhưng làm sao để giữ gìn và phát huy được các giá trị văn hóa dân tộc, như các nghề thủ công truyền thống của các cộng đồng hay các lễ hội, nghệ thuật trình diễn... vào phát triển kinh tế lại là bài toán khó. Và đó cũng là một thách thức lớn trong công tác dân tộc hiện nay".

VĂN HÓA:

*** Chương trình nghệ thuật "Truông Bồn - Dấu chân anh hùng"** do Báo Nhân dân phối hợp với UBND tỉnh Nghệ An tổ chức vào tối ngày 29/10, tại Khu di tích lịch sử Truông Bồn (xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương) nhân kỷ niệm 55 năm sự kiện lịch sử Truông Bồn nhằm tôn vinh truyền thống cách mạng vẻ vang của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tri ân các anh hùng, liệt sĩ, những người có công với cách mạng, đặc biệt là 13 chiến sĩ TNXP anh hùng thuộc Đại đội 317 - Tổng đội TNXP chống Mỹ, cứu nước đã hy sinh anh dũng tại địa danh huyền thoại Truông Bồn.

Dịp này, Báo Nhân dân, UBND tỉnh Nghệ An, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam và Trung ương Đoàn TNCS HCM đã trao tặng quà, sổ tiết kiệm, nhà tình nghĩa tới thân nhân các liệt sĩ hy sinh tại Truông Bồn và bà Trần Thị Thông - Nhân chứng lịch sử; cựu TNXP và thanh thiếu niên tỉnh Nghệ An có hoàn cảnh khó khăn.

* **Chương trình "Ngày hội kết đoàn"** được tổ chức trong 3 ngày, từ 10-12/11 tại phố đi bộ TP. Vinh và Quảng trường Hồ Chí Minh với sự tham gia của các Đoàn NTQC của các huyện, thành, thị tỉnh Nghệ An; Đoàn nghệ thuật các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh. Nhiều hoạt động văn hóa đặc sắc đã diễn ra, gồm: Quảng diễn văn hóa nghệ thuật lễ hội đường phố với chủ đề "Sắc màu văn hóa các dân tộc Nghệ An"; "Đêm hội kết đoàn"; tổ chức trưng bày chuyên đề ảnh "Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản văn hóa Nghệ An"; gian trưng bày, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng tiêu biểu vùng, miền các địa phương...

*** Hội nghị sơ kết Liên hiệp Thư viện Bắc miền Trung nhiệm kỳ 2022 - 2024 và Tọa đàm ngành Thư viện chuyên đề "Chuyển đổi số trong hoạt động thư viện - Thực trạng và giải pháp"** đã diễn ra vào ngày 21/10, tại TP. Vinh.

Trong nhiệm kỳ 2022 - 2024, Liên hiệp Thư viện các tỉnh Bắc miền Trung đã chủ động xây dựng kế hoạch, khắc phục khó khăn, đoàn kết, đồng sức, đồng lòng, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động nghiệp vụ và hoàn thành các chỉ tiêu giữa nhiệm kỳ đặt ra, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Tại buổi tọa đàm, các đại biểu, nhà khoa học trình bày 12 bài tham luận, tập trung vào nhiều vấn đề liên quan đến công tác chuyển đổi số của thư viện.

* Ngày 21/10, tại TP. Vinh, UBND tỉnh tổ chức "**Lễ Tổng kết và trao giải cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Nghệ An, lần thứ V năm 2023** và **Sơ kết 5 năm tổ chức cuộc thi giai đoạn 2019-2023, Phát động cuộc thi tuyên truyền, giới thiệu sách năm 2023".** Ban Tổ chức đã trao thưởng cho 3 tập thể (Giải Nhất: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Vinh; 02 giải Nhì: Phòng GD&ĐT huyện Đô Lương và Phòng GD&ĐT huyện Diễn Châu) và 51 cá nhân đạt giải Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc cấp tỉnh năm 2023 (gồm 3 giải Nhất, 6 giải Nhì, 9 giải Ba, 15 giải Khuyến khích và 18 giải chuyên đề). Qua 5 năm triển khai cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc giai đoạn 2019 - 2023, đã có trên 530.000 bài dự thi. Trung bình mỗi năm có trên 100.000 bài dự thi vòng sơ loại cấp huyện và trên 3.500 bài được chọn gửi về vòng sơ khảo cấp tỉnh và mỗi năm có 20 bài được chọn dự thi cấp quốc gia với kết quả đạt được qua 5 năm (02 giải tập thể, 42 giải cá nhân tại vòng chung kết toàn quốc) giữ vững vị trí tốp đầu trong cả nước về số bài đạt giải cao.

*** Hội thảo "Chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển du lịch Nghệ An"** đã được UBND tỉnh Nghệ An tổ chức tại TP. Vinh vào ngày 23/10. Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe nhiều tham luận và ý kiến trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp của các nhà quản lý, chuyên gia chuyển đổi số, các doanh nghiệp đang làm du lịch trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung vào một số nội dung như: Triển khai áp dụng các nền tảng số quốc gia ngành du lịch; Du lịch thông minh; ứng dụng các nền tảng số gắn với phát triển du lịch Nghệ An; ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch;….

*** Có 5 di tích được trình UBND tỉnh xếp hạng đợt 1 năm 2023**. Tại cuộc họp Hội đồng khoa học (HĐKH) cấp tỉnh xét duyệt hồ sơ xếp hạng di tích, danh thắng đợt 1/2023 được tổ chức vào ngày 23/11, do ông Bùi Đình Long - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch HĐKH cấp tỉnh chủ trì, các thành viên Hội đồng đã bỏ phiếu thông qua 5/5 di tích trình xếp hạng đợt 1/2023, gồm: Đền Khe Sặt, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông; Đền Mường Ham, xã Châu Cường, huyện Quỳ Hợp; Nhà thờ đại tôn họ Nguyễn Sỹ, xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương; Nhà thờ họ Nguyễn Tư và Nhà thờ họ Trần Đình chi 2, xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn.

*** Hội thảo khoa học: "Dòng họ Nguyễn Trọng - Trung Cần với sự nghiệp bang giao, xây dựng và bảo vệ đất nước"** do Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Viện Sử học, UBND huyện Nam Đàn tổ chức vào sáng 06/11, tại TP. Vinh. 22 tham luận của các nhà khoa học đến từ các viện nghiên cứu, các trường Đại học, cơ quan chuyên môn, con cháu dòng họ… đã đánh giá một cách toàn diện về công lao, hành trạng của các nhân vật và làm sáng tỏ hơn về sự đóng góp của các thế hệ con cháu dòng họ Nguyễn Trọng trong sự nghiệp ngoại giao, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ cương vực lãnh thổ của đất nước ta lúc bấy giờ, từ đó làm căn cứ khoa học tiến tới xây dựng hồ sơ UNESCO ghi nhận kỷ lục dòng họ 4 đời 5 lần đi sứ Trung Quốc.

*** Lớp tập huấn Phương pháp, cách thức chuyển đổi số và Công nghiệp văn hóa năm 2023** đã được Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An tổ chức tại TP. Vinh cho gần 200 học viên là công chức, viên chức các phòng, đơn vị

trực thuộc Sở VH&TT; Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông 21 huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian 2 ngày (24-25/10), các học viên được tiếp thu 2 chuyên đề gồm: Phương pháp, cách thức chuyển đổi số và Công nghiệp văn hóa.

*** Hội nghị tập huấn công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023** do Ban Quản lý Di tích tỉnh tổ chức cho cán bộ chuyên trách công tác bảo tồn bảo tàng của 21 huyện, thành phố, thị xã; đại diện lãnh đạo UBND xã có di tích, 20 tổ quản lý Di tích, các nghệ nhân và những người thực hành di sản trong toàn tỉnh. Trong thời gian 02 ngày (01-02/11), các học viên được cung cấp một số chủ trương, chính sách mới liên quan đến nội dung bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; đồng thời được trang bị kỹ năng nhận diện rõ hơn về các di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc trên địa bàn tỉnh Nghệ An, chia sẻ những kinh nghiệm xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa. Ngoài ra, các học viên còn được đi thực tế, học tập kinh nghiệm tại một số di tích trên địa bàn tỉnh.

* Trong 3 ngày 16-18/10, tại xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ, Trung tâm Văn hóa tỉnh phối hợp với Phòng VHTT; Trung tâm VH,TT&TT huyện Tân Kỳ tổ chức lớp **tập huấn nghiệp vụ "Xây dựng mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù của dân tộc Thái, bảo vệ và phát huy văn hóa phi vật thể về dân tộc Thái".** Đây là mô hình thực nghiệm nhằm giúp cho đồng bào dân tộc Thái, xã Tiên Kỳ làm tốt công tác bảo vệ, phát huy di sản văn hóa độc đáo dân ca, dân nhạc, dân vũ dân tộc Thái, đồng thời hướng đến phát triển du lịch cộng đồng tại xã Tiên Kỳ trong thời gian tới.

* Trong Ngày hội Văn hóa các dân tộc có số dân dưới 1.000 người do Bộ VH,TT&DL tổ chức tại tỉnh Lai Châu từ ngày 03-05/11, **Đoàn Nghệ An đạt 1 giải A, 6 giải B, 2 giải C** các nội dung: Liên hoan văn nghệ quần chúng; giới thiệu sản phẩm văn hóa đặc trưng; trình diễn trang phục truyền thống; trình diễn, giới thiệu trích đoạn nghi lễ đón mừng tiếng sấm đầu năm, trình diễn nghề dệt thổ cẩm truyền thống của dân tộc Ơ Đu và **12 Huy chương Đồng** các môn kéo co, bắn nỏ, đẩy gậy.

*** Hội thi "Giới thiệu di sản Xô viết Nghệ Tĩnh" năm 2023 trong học sinh THCS** được huyện Nghi Lộc phối hợp với Bảo tàng tổ chức từ cấp cụm trường với sự tham gia của 25 trường THCS trong toàn huyện. Sau vòng thi cấp cụm (trong 2 ngày 28-29/10), Ban tổ chức đã chọn 11 thí sinh tiêu biểu đại diện cho các trường vào vòng thi chung kết (vào ngày 14/11). Bằng tình yêu quê hương cũng như hiểu biết về các di sản văn hóa của quê hương, các thí sinh đã thể hiện xuất sắc phần thi thuyết trình của mình về di sản văn hóa trên địa bàn huyện.

* **Lễ hội đền ông Hoàng Mười** (xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên) đã diễn ra trong 2 ngày 21 và 22 tháng 11 (tức ngày 9 và 10/10 Âm lịch) với nhiều hoạt động mang bản sắc văn hóa của vùng dọc sông Lam. Phần lễ có: Lễ khai quang, Lễ rước, Lễ yết cáo, Lễ đại tế và Lễ tạ. Phần hội có thi đấu bóng chuyền nam, nữ; hội thi dân vũ; đua thuyền; biểu diễn nghệ thuật; thả đèn hoa đăng trên sông Mộc,...

THỂ THAO:

*** Nghệ An dành nhiều huy chương tại các giải đấu quốc gia**:

Đội tuyển Cầu mây giành được 1 HCV (Đồng đội đôi nữ), 5 HCĐ tại Giải Vô địch Cầu mây toàn quốc năm 2023. Giải diễn ra từ ngày 20-28/10 tại Nhà Thi đấu tỉnh Nghệ An với sự tham gia của 238 cán bộ, HLV, VĐV đến từ 13 đơn vị có phong trào cầu mây phát triển trong cả nước. Ban Tổ chức đã trao 13 bộ huy chương, trong đó có 6 bộ huy chương ở các nội dung đội tuyển và 7 bộ huy chương ở các nội dung đồng đội.

Đội tuyển Lặn xuất sắc giành 3HCV, 2HCB, 3HCĐ tại giải Bơi - Lặn Vô địch Quốc gia năm 2023. Giải được tổ chức từ ngày 18 - 21/10 tại TP. Hồ Chí Minh, thu hút 282 VĐV (139 VĐV môn bơi, 143 VĐV môn lặn) đến từ 17 tỉnh, thành, ngành trong cả nước tham dự. Các VĐV tranh tài ở 69 bộ huy chương, trong đó 43 bộ huy chương ở nội dung bơi và 26 bộ huy chương ở nội dung lặn.

Đội tuyển Cử tạ Nghệ An với 10 VĐV thi đấu ở 10 hạng cân giành được 7 huy chương các loại (3 HCV - VĐV Phạm Thị Hồng Thanh), 4 HCĐ (VĐV Nguyễn Thị Quỳnh Mai: 01 và VĐV Nguyễn Thị Ngọc Ánh: 03) tại **giải Vô địch Cử tạ các CLB quốc gia năm 2023** diễn ra từ ngày 29/10 - 3/11 ở Nhà Thi đấu đa năng tỉnh Bắc Ninh. Giải quy tụ hơn 170 VĐV đến từ 25 đoàn trên cả nước, tranh tài ở các nội dung: Nam thi đấu ở 10 hạng cân (từ 55kg đến trên 109kg); Nữ thi đấu ở 12 hạng cân (từ 45kg đến trên 87kg). Ban Tổ chức đã trao 60 bộ huy chương cho các đoàn VĐV đạt thành tích.

Đội tuyển Jujitsu Nghệ An xuất sắc dành 14 Huy chương (01 HCV - VĐV Lê Đức Thiện, 03 HCB và 10 HCĐ) tại Giải Vô địch VĐV Jujitsu xuất sắc quốc gia 2023. Giải được tổ chức tại tỉnh Đồng Nai từ ngày 28/10-05/11 với sự tham gia của 130 VĐV thuộc 16 đoàn đến từ các tỉnh, thành, ngành trong cả nước. Các VĐV tranh tài ở 34 bộ huy chương. Đoàn Nghệ An tham gia 9 VĐV thì 8 VĐV dành huy chương.

Các kình ngư xứ Nghệ đạt thành tích xuất sắc tại Giải Lặn vô địch châu Á 2023. Giải Lặn vô địch châu Á 2023 khởi tranh từ ngày 25 - 29/11 tại Phuket (Thái Lan), thu hút gần 400 VĐV đến từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ trong châu lục. Đội tuyển lặn Việt Nam tham dự với 41 VĐV. Trong đó, có 3 VĐV của Nghệ An và cả 3 VĐV đều dành huy chương: VĐV Nguyễn Trọng Dũng 2 HCV, 1 HCB, 1 HCĐ; VĐV Nguyễn Tú Anh: 3 HCV, 1 HCĐ; VĐV Hồ Quốc Khánh: 2 HCB

NGỌC MAI - HỒ PHONG (Thực hiện)